

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN: TRẠM XÃNG DẦU VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
ĐỨC DŨNG 5**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2023

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: TRẠM XĂNG DẦU VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
ĐỨC DŨNG 5

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Long

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
GIÁM ĐỐC



Lê Văn An

Quảng Trị, năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG	6
MỞ ĐẦU.....	8
0.1. Xuất xứ của Dự án.....	8
<i>0.1.1. Thông tin chung về dự án</i>	<i>8</i>
<i>0.1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.....</i>	<i>8</i>
<i>0.1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i>	<i>8</i>
0.2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	9
<i>0.2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật</i>	<i>9</i>
<i>0.2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến Dự án.....</i>	<i>12</i>
<i>0.2.3. Tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tự tạo lập.....</i>	<i>12</i>
0.3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	12
0.4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	15
<i>0.4.1. Các phương pháp ĐTM.....</i>	<i>15</i>
<i>0.4.2. Các phương pháp khác.....</i>	<i>16</i>
0.5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM.....	17
0.5.1. Thông tin về dự án.....	17
<i>0.5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường</i>	<i>18</i>
<i>0.5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án</i>	<i>19</i>
<i>0.5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....</i>	<i>22</i>
<i>0.5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.....</i>	<i>27</i>
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN	29
1.1. Thông tin về dự án.....	29
<i>1.1.1. Tên dự án.....</i>	<i>29</i>

1.1.2. Tên Chủ dự án	29
1.1.3. Vị trí địa lý.....	29
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án.....	29
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường	30
1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án	30
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.....	31
1.2.1. Hạng mục công trình chính.....	31
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án.....	32
1.2.3. Các hoạt động của dự án.....	32
1.2.4. Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	32
1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.....	33
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	34
1.3.1. Nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án giai đoạn thi công.....	34
1.3.2. Nhiên liệu, hóa chất sử dụng của dự án.....	35
1.3.3. Nguồn cung cấp điện, nước.....	35
1.3.4. Sản phẩm của dự án	36
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành	37
1.5. Phương án tổ chức thi công, khối lượng, trình tự và công nghệ/kỹ thuật thi công các hạng mục công trình	37
1.5.1. Thi công nền	37
1.5.2. Thi công mặt đường.....	37
1.5.3. Thi công gia cố mái ta luy.....	38
1.5.4. Thi công mái che, nhà bán hàng và công trình khác:	38
1.5.6. Danh mục máy móc, thiết bị.....	38
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	39
1.6.1. Tiến độ dự án: thời gian thực hiện Dự án: từ 2022-2024.....	39
1.6.2. Vốn đầu tư	39
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	39

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	40
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	40
2.1.1. Tổng hợp dữ liệu về các điều kiện tự nhiên khu vực triển khai dự án	40
2.1.2. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận này	44
2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	45
2.1.4. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	47
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án	47
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....	47
2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học [4].....	53
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án	56
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	56
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	58
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án.....	58
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động	58
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	76
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	89
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động	89
3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	97
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	107
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo	108
CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG	110
4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án	110
4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án.....	116

4.2.1. Giám sát môi trường không khí.....	116
4.2.2. Giám sát môi trường nước	116
4.2.3. Giám sát chất thải rắn.....	116
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ THAM VẤN	117
5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	117
5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng Kết quả tham vấn cộng đồng và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn cộng đồng được thể hiện như sau:	117
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT	122
1. Kết luận	122
2. Kiến nghị	123
3. Cam kết.....	123
NGUỒN TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO.....	124
PHỤ LỤC	124

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BVMT	Bảo vệ môi trường
2	BTCT	Bê tông cốt thép
3	BTXM	Bê tông xi măng
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CTR	Chất thải rắn
7	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
8	GPMB	Giải phóng mặt bằng
9	KTT	Kinh tuyến trục
10	KT-XH	Kinh tế xã hội
11	MTTQVN	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
13	ng.đ	Ngày đêm
14	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
15	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
16	QL	Quốc lộ
17	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
18	TCXDVN	Tiêu chuẩn Xây dựng Việt nam
19	UBND	Ủy ban nhân dân
21	WHO	World Health Organization (Tổ chức Y tế thế giới)

DANH MỤC BẢNG, HÌNH ẢNH

Bảng 0.1. Danh sách những người trực tiếp tham gia thực hiện lập báo cáo ĐTM.	14
Bảng 0.2. Các hạng mục công trình của Dự án.....	18
Bảng 0.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường	19
Bảng 1.1. Tọa độ vị trí các điểm khép góc dự án.....	29
Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình dự án	31
Bảng 1.3. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu tới môi trường.....	33
Bảng 1.4. Khối lượng nguyên, vật liệu cho xây dựng.....	34
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án.....	36
Bảng 1.6. Danh mục các máy móc dự kiến phục vụ thi công Dự án.....	38
Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: °C).....	41
Bảng 2.2. Độ ẩm trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: %).....	41
Bảng 2.3. Số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ).....	42
Bảng 2.4. Lượng mưa trung bình của các tháng qua các năm (Đơn vị: mm)	43
Bảng 2.5. Đặc trưng tính toán thủy văn của sông Bến Hải	45
Bảng 2.6. Phân phối dòng chảy theo các tháng trong năm tại	45
Sông Bến Hải - Gia Vòng.....	45
Bảng 2.7. Dữ liệu môi trường không khí và tiếng ồn.....	48
Bảng 2.8. Dữ liệu môi trường nước mặt	48
Bảng 2.9. Dữ liệu môi trường nước dưới đất	50
Bảng 10a. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí và tiếng ồn	51
Bảng 10b. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí.....	51
Bảng 11a. Mô tả vị trí lấy mẫu nước mặt.....	52
Bảng 11b. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt	52
Bảng 12a. Mô tả vị trí lấy mẫu nước dưới đất	53
Bảng 12b. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất.....	53
Bảng 3.1. Các tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng	58
Bảng 3.2. Số lượt xe cần thiết để vận chuyển	61
Bảng 3.3. Giá trị giới hạn khí thải của xe động cơ chạy bằng diesel.....	61
Bảng 3.4. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau.....	62
Bảng 3.5. Nồng độ bụi do lốp xe ma sát với mặt đường từ phương tiện vận chuyển	64
Bảng 3.6. Tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đắp nền đường.....	65

Bảng 3.7. Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp san nền [7]	66
Bảng 3.8. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	67
Bảng 3.9. Mức ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công.....	70
Bảng 3.10. Mức độ rung của các máy móc thi công.....	71
Bảng 3.10. Hệ số phát sinh lượng VOC từ quá trình lưu và xuất nhập xăng dầu....	91
Bảng 3.11. Lượng VOC bay hơi trong quá trình hoạt động của Dự án	91
Bảng 3.12. Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án	93
Bảng 3.13. Tóm tắt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	107
Bảng 3.14. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá.....	108
Bảng 4.1. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường	111
Bảng 5.1. Bảng kết quả tham vấn cộng đồng.....	118
Hình 3.1. Nhà vệ sinh di động composite	82
Hình 3.2. Mô hình hệ thống xử lý nước nhiễm dầu	98
Hình 3.3. Quy trình thu gom và xử lý nước thải của Dự án.....	99
Hình 3.4. Mô hình bể tự hoại 05 ngăn.....	100
Hình 3.5. Nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của bể tách dầu mỡ	102
Hình 3.6. Hình ảnh thực tế công trình xử lý nước thải xám.....	103

MỞ ĐẦU

0.1. Xuất xứ của Dự án

0.1.1. Thông tin chung về dự án

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực buôn bán kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp. Trong những năm qua Công ty đã không ngừng phấn đấu để phát triển ngày càng lớn mạnh, phát huy có hiệu quả lĩnh vực kinh doanh của mình giải quyết công ăn, việc làm cho lao động ở địa phương, góp phần tăng thu ngân sách cho tỉnh Quảng Trị.

Chúng tôi nhận thấy khu vực thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm có nhiều yếu tố thuận lợi để xây dựng Cửa hàng kinh doanh xăng dầu nên đã lập đề xuất dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”, Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể quy hoạch chi tiết đã được Nhà nước phê duyệt, nếu triển khai sẽ giải quyết được việc làm ổn định cho nhiều lao động địa phương, góp phần tạo cho bộ mặt của huyện Vĩnh Linh, đồng thời đóng góp vào ngân sách, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và tỉnh nhà.

Dự án đến nay đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư đối với Dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5” của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

Quá trình triển khai dự án sẽ chiếm dụng 1,0811ha đất lúa, Dự án thuộc mục thứ tự số III.9, (dự án khai thác khoáng sản), nhóm II, phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Do vậy, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án với sự tư vấn của Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ môi trường Miền Trung. Báo cáo ĐTM của Dự án được trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, UBND Tỉnh ra quyết định phê duyệt.

0.1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Chủ trương đầu tư của Dự án do UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt.

0.1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành của huyện Vĩnh Linh; Địa điểm xây dựng dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của UBND tỉnh.

- Dự án đầu tư phù hợp định hướng phát triển thương mại, dịch vụ chung của tỉnh cũng như định hướng phát triển kinh tế của tỉnh và của huyện Vĩnh Linh.

- Về quy hoạch đầu nối: UBND huyện Vĩnh Linh chấp thuận điểm đầu nối vào đường nhánh nội bộ tại Văn bản 900/UBND-KTHT ngày 15/6/2021.

0.2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

0.2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật

0.2.1.1. Các văn bản pháp lý

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Luật Đa dạng sinh học 2008;
- Luật Tài nguyên nước năm 2012;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy 2013;
- Luật Phòng, chống thiên tai 2013;
- Luật Xây dựng năm 2014;
- Luật An toàn vệ sinh lao động 2015;
- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Báo cáo ĐTM dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình kỹ thuật;
- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2016 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 15/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt quy hoạch chất thải rắn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

0.2.1.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- TCVN 3254:1989 –Tiêu chuẩn Quốc gia về an toàn cháy - yêu cầu chung.
- TCVN 5760:1993 - Tiêu chuẩn Quốc gia về hệ thống chữa cháy - yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.
- TCXDVN 33:2006 - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về “Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế”;
- TCXDVN 104:2007 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 8791:2011 - Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9385:2012 - Tiêu chuẩn Quốc gia về chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 86:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;
- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 02:2009/BXD - QCVN về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- QCVN 06:2010/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 41:2012/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Báo cáo ĐTM dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

- QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng;
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 07-1:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước;
- QCVN 07-2:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;
- QCVN 07-5:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;
- QCVN 07-7:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng;
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc tại nơi làm việc cho phép của 50 yếu tố hóa học.

0.2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến Dự án

Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư đối với Dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5” của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

0.2.3. Tài liệu, dữ liệu do Chủ dự án tự tạo lập

- Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở của Dự án.
- Các hồ sơ tham vấn cộng đồng dân cư trong vùng dự án.

0.3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Đề lập báo cáo ĐTM của Dự án, Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần phát triển công nghệ môi trường Miền Trung thực hiện.

Báo cáo ĐTM cho Dự án được lập theo trình tự sau:

TT	Các bước thực hiện	Nội dung thực hiện
1	Thu thập tài liệu và nghiên cứu dự án	<ul style="list-style-type: none">- Thu thập các văn bản pháp lý, kỹ thuật và tài liệu liên quan đến dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án đầu tư,...);- Xem xét dự án thuộc đối tượng nào của ĐTM, cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM,...
2	Thành lập nhóm thực hiện ĐTM	Thành lập nhóm chuyên gia thực hiện ĐTM, tiến hành phân công nhiệm vụ thực hiện
3	Tiến hành, lập báo cáo ĐTM	<ul style="list-style-type: none">- Nghiên cứu hồ sơ dự án- Thu thập thông tin, tài liệu hiện trạng khu vực dự án.- Khảo sát hiện trạng môi trường- Lấy mẫu và phân tích các số liệu môi trường nền- Tổng hợp các số liệu về hiện trạng môi trường nền và thông tin trong quá trình khảo sát- Tiến hành đánh giá tác động đến môi trường tự nhiên và KT-XH; đề xuất các biện pháp giảm thiểu tương ứng- Tổng hợp nội dung báo cáo, đề nghị đăng tải tham vấn cộng đồng
4	Tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư	- Tham vấn ý kiến của UBND xã Vĩnh Lâm nơi thực hiện Dự án
5	Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo ĐTM trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định	<ul style="list-style-type: none">- Tổng hợp, hoàn thành báo cáo sau khi tham cộng đồng- Tổ chức rà soát, chỉnh sửa nội dung trình UBND tỉnh thẩm định

***THÔNG TIN CƠ QUAN TƯ VẤN**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ môi trường Miền Trung

Địa chỉ: Số 17, Lê Đại Hành, Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Email: congnghemoitruongmientrung@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3200630371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14/9/2016.

Người đại diện: Lê Văn An - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Điện thoại: 0948 802101.

Bảng 0.1. Danh sách những người trực tiếp tham gia thực hiện lập báo cáo ĐTM

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên ngành	Nhiệm vụ	Chữ ký
Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Phú				
1	Nguyễn Thanh Lương	Phó Giám đốc	Cung cấp thông tin về Dự án, hiện trạng cơ sở, phối hợp tham vấn cộng đồng.	
Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ môi trường Miền Trung				
1	Lê Văn An	Cử nhân khoa học môi trường	Giám đốc, Điều hành chung. Chủ trì thực hiện tham vấn ý kiến cộng đồng; Tổng hợp, viết báo cáo	
2	Đặng Thị Mùi	Kỹ sư công nghệ thực phẩm	Điều tra các thông tin hiện trạng, tham vấn cộng đồng; đánh giá các tác động không liên quan đến chất thải, các sự cố trong giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành	
3	Lê Thị Kim Tuyền	Kỹ sư môi trường	Điều tra các thông tin hiện trạng, thực hiện thiết kế HTXL môi trường	
4	Cáp Xuân Quyết	Cử nhân Kế toán	Phân tích, tính toán yếu tố kinh tế của dự án	
5	Trần Minh Quân	Kỹ sư quản lý tài nguyên và môi trường	Đề xuất xử lý nước thải, thực hiện thiết kế HTXL nước thải	
6	Phan Minh Tâm	Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng	Thực hiện một phần báo cáo thuyết minh quy mô dự án, các sơ đồ, bản vẽ liên quan về HTXL môi trường. Bóc khối lượng, tính toán khối lượng nguyên vật liệu sử dụng để thi công dự án	

0.4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

0.4.1. Các phương pháp ĐTM

0.4.1.1. Các phương pháp nhận dạng tác động

- Phương pháp liệt kê: Được sử dụng khá phổ biến và mang lại nhiều kết quả khả quan do có nhiều ưu điểm như trình bày cách tiếp cận rõ ràng, cung cấp tính hệ thống trong suốt quá trình phân tích và đánh giá hệ thống. Bao gồm 2 loại chính:

- Bảng liệt kê mô tả: Phương pháp này liệt kê các thành phần môi trường nghiên cứu cùng với các thông tin về đo đạc, dự đoán, đánh giá.

- Bảng liệt kê đơn giản: Phương pháp này liệt kê các thành phần môi trường nghiên cứu có khả năng bị tác động.

Phương pháp này được sử dụng trong quá trình xác định các nguồn tác động, đối tượng chịu tác động và đánh giá tác động trong các mục 3.1.1 và 3.1.2 tại chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp lập bảng tiến độ thực hiện dự án: Thành lập bảng tiến độ thi công sẽ giúp quá trình thi công có được sự rà soát, kiểm tra những công việc đã đưa ra, để cho dự án hoàn thành đúng tiến độ và kèm với chất lượng đảm bảo. Đồng thời, trên cơ sở tiến độ thi công từng hạng mục sẽ xác định được từng đối tượng bị ảnh hưởng tại thời điểm thực hiện dự án.

Phương pháp này được sử dụng trong quá trình xác định tiến độ thi công của dự án tại mục 1.6.1 chương 1; xác định các đối tượng chịu tác động và đánh giá tác động trong các mục 3.1.1 và 3.1.2 tại chương 3 của báo cáo.

0.4.1.2. Các phương pháp dự báo/đánh giá tác động

- Phương pháp đánh giá nhanh: Phương pháp này do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập nhằm dự báo tải lượng các chất ô nhiễm (khí thải, nước thải, CTR). Trên cơ sở các hệ số ô nhiễm tùy theo từng loại hình và các biện pháp BVMT kèm theo. Đồng thời, để nâng cao độ tin cậy của đánh giá báo cáo sử dụng các hệ số phát thải theo các tiêu chuẩn quy định đăng kiểm phương tiện giao thông của Việt Nam (TCVN 3648:2018) để đánh giá. Phương pháp dùng để dự báo các tải lượng ô nhiễm về không khí, nước và CTR tại Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp mô hình toán: Phương pháp này được áp dụng để tính toán và mô phỏng bằng phương trình toán học quá trình lan truyền khí thải nước thải, ... phát sinh từ Dự án tới môi trường xung quanh. Phương pháp này được sử dụng để tính toán phát thải tại mục 3.1.2 trong chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp chụp bản đồ: Sử dụng phần mềm Mapinfor để xây dựng các bản đồ: Sử dụng bản đồ địa hình khu vực, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kết hợp với công tác khảo sát, đo vẽ trực tiếp tại thực địa; chồng ghép bản đồ mặt bằng dự án, kết hợp chồng lớp (layer) dân cư, các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội xung quanh để thu

được bản đồ vị trí dự án. Từ đó xác định vị trí, mối quan hệ giữa dự án và các đối tượng xung quanh được trình bày ở Chương 1 và đánh giá mức độ tác động của dự án đến các đối tượng xung quanh tại Chương 3.

Sử dụng GPS xác định tọa độ lấy mẫu và thực hiện chồng lớp bản đồ để thu được bản đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, tương tự cho bản đồ vị trí giám sát môi trường. Bên cạnh đó, dựa trên cơ sở của hệ thống thông tin địa lý (GIS) và bản đồ số là công cụ quan trọng, có thể hỗ trợ tốt cho quá trình đánh giá, phân tích môi trường vùng và quy hoạch xây dựng.

Quy trình thực hiện các bước xây dựng bản đồ:

+ Bước 1: Xác định mục tiêu, nhiệm vụ thành lập bản đồ, thu thập tài liệu, tư liệu liên quan. Dựa vào những tài liệu, tư liệu này để quyết định đo vẽ bổ sung hoặc lựa chọn các yếu tố nội dung (yếu tố địa lí chung (cơ sở) và yếu tố chuyên đề).

+ Bước 2: Biên tập bản đồ. Là quá trình nghiên cứu để tiến hành vẽ chuyển các yếu tố nội dung. Kiểm tra và hiệu chỉnh.

+ Bước 3: Kiểm tra và in bản đồ.

0.4.2. Các phương pháp khác

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này nhằm đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng nước thải, tải lượng ô nhiễm... Trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường liên quan của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường về chất lượng không khí, nước mặt. Đồng thời, dựa trên các kết quả quan trắc định kỳ của những dự án có nội dung tương tự và có đối tượng bị tác động tương tự với Dự án để so sánh và đưa ra kết quả về dự báo/đánh giá tác động của Dự án. Phương pháp này được áp dụng ở Chương 2, 3.

- Phương pháp khảo sát, thống kê, thu thập thông tin dữ liệu liên quan đến dự án: Phương pháp này nhằm tiến hành thu thập và phân tích các thông tin liên quan điều kiện tự nhiên, khí tượng thủy văn, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế xã hội khu vực Dự án. Phương pháp này được áp dụng ở Chương 1, 2.

- Phương pháp đánh giá tác động đa dạng sinh học lồng ghép trong quy trình đánh giá tác động môi trường: Phương pháp lồng ghép đánh giá tác động đến ĐDSH, là một cách tiếp cận tổng thể, toàn diện để xem xét tác động của dự án đến hệ sinh thái. Phương pháp này nhằm dự đoán các tác động đến đa dạng sinh học, các kiểu tác động đến đa dạng sinh học của hệ sinh thái, đánh giá về sự thay đổi đa dạng sinh học do tác động của dự án so với những thay đổi có thể xảy ra khi không có dự án và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học, hệ thống quan trắc đa dạng sinh học. Phương pháp được áp dụng ở mục 2.2.2 của chương 2 và chương 3.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Được sử dụng trong việc điều tra thu thập thông tin các tổ chức, cá nhân (người dân) bị ảnh hưởng bởi dự án. Hình thức tham

vấn được thực hiện thông qua các phiếu thu thập thông tin, tổ chức lấy ý kiến trực tiếp UBND cấp xã khu vực Dự án. Từ đó xác định được các đối tượng ảnh hưởng, đưa ra các biện pháp giảm thiểu. Phương pháp này áp dụng ở chương 1, 3, 5.

- Phương pháp kế thừa: Đây là phương pháp không thể thiếu trong công tác đánh giá tác động môi trường nói riêng và công tác nghiên cứu khoa học nói chung. Kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có là thực sự cần thiết vì khi đó sẽ kế thừa được các kết quả đã đạt được trước đó, đồng thời phát triển tiếp những mặt còn hạn chế. Tham khảo các tài liệu đặc biệt các tài liệu chuyên ngành liên quan đến dự án, có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng và phân tích các tác động liên quan đến hoạt động của dự án. Phương pháp này được áp dụng ở mục 2.1, 2.2 tại Chương 2 và mục 3.1.1, 3.1.2 tại Chương 3.

0.5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

0.5.1. Thông tin về dự án

0.5.1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

- Địa điểm thực hiện: Dự án có vị trí tại Km733+850, phía trái tuyến Quốc lộ 1A - đoạn tránh Khu di tích đồi bờ Hiền Lương, thuộc thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng

0.5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Khu đất xây dựng dự án có tổng diện tích dự kiến 14.208 m². trong đó: đất thương mại dịch vụ 10.811 m²; phần đường và sân bãi bê tông (ngoài chỉ giới ATGT) 3.397 m².

- Quy mô công suất dự án:

+ Loại công trình: Công nghiệp, cửa hàng xăng dầu cấp 3 (khối lượng xăng dầu nhỏ hơn 100m³); Dân dụng (cửa hàng dịch vụ, nhà ăn và giải khát).

+ Cấp công trình: Cấp III. Bậc chịu lửa bậc I-II, loại nguy hiểm cháy nổ.

+ Bể chứa xăng dầu gồm 03 bồn chứa diện tích 100 m² (bao gồm hệ thống phụ trợ liên quan), bồn dầu DO dung tích 25m³, bồn xăng E5 và A95 có dung tích 10m³/bồn; lượng nhập xuất Xăng E92: 536 m³/năm; Xăng E95: 601 m³/năm; Diesel: 1.525 m³/năm.

+ Cửa hàng dịch vụ, nhà ăn giải khát khoảng: 100 lượt khách/ngày.

0.5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

a. Các hạng mục công trình của Dự án:

Bảng 0.2. Các hạng mục công trình của Dự án

STT	Khu bán hàng	Diện tích(m ²)	Cơ Cấu(%)
1	Mái che trụ bơm	1.700,0	15,7
2	Nhà điều hành	450,0	4,2
3	Cửa hàng dịch vụ	1.200,0	11,1
4	Nhà ăn + Giải khát	1.400,0	13,0
5	Khu bể chứa xăng dầu	100,0	0,9
6	Mái che phụ trợ	323,0	3,0
7	Nhà vệ sinh	56,0	0,5
8	Đường và sân bãi bê tông	1.533,0	14,2
9	Cây xanh + dự trữ phát triển	3.264,0	30,2
10	Kè, Tường rào + hạ tầng kỹ thuật	785,0	7,3
11	Tổng	10.811,0	100,0
Diện tích ngoài chỉ giới ATGT			
1	Đường và sân bãi bê tông	3.397	

b. Các hoạt động của Dự án

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: GPMB, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng công trình, sinh hoạt của công nhân thi công trên công trường;

- Trong giai đoạn vận hành: kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát, bán hàng tiêu dùng, đặc sản vùng miền,...

0.5.1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với ~1,0811ha đất lúa;

- Ngoài ra, các yếu tố nhạy cảm về môi trường khác cũng cần phải quan tâm, xem xét trong quá trình triển khai thực hiện Dự án như:

+ Tuyến đường Quốc lộ 1A có lưu lượng và vận tốc các phương tiện vận tải lớn.

+ Dự án nằm trong khu vực xảy ra lũ lụt hàng năm nên cần xem xét trong quá trình thi công và hoạt động của Dự án.

0.5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 0.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

TT	Hoạt động	Tác động liên quan đến chất thải	Tác động không liên quan đến chất thải	Sự cố môi trường
I	Giai đoạn chuẩn bị, thi công			
1	- Thu hồi đất lúa; Giải phóng mặt bằng	- CTR từ sinh khối thực vật (rom rạ, cỏ dại)	- Tác động đến kinh tế - xã hội. - Xáo trộn đời sống hàng ngày của người dân bị ảnh hưởng.	-
2	Đào đắp, san nền	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung. - Sự cố ngập úng.	- Tai nạn lao động
3	Vận chuyển nguyên vật liệu	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung.	- Tai nạn giao thông
4	Xây dựng công trình	- Bụi, khí thải - CTR - Nước thải xây dựng	- Tiếng ồn, rung.	- Tai nạn lao động
5	Sinh hoạt của CBCNV	- Nước thải sinh hoạt - CTR	- Mất an ninh, trật tự.	- Cháy nổ do chập điện
6	Nước mưa chảy tràn	- Nước mưa cuốn theo các chất ô nhiễm: đất cát, CTR...	- Hư hỏng các công trình. - Ngập úng cục bộ.	-
II	Giai đoạn hoạt động			
1	Hoạt động nhập tồn xuất xăng dầu	- Hơi xăng dầu; - Bụi khí thải phương tiện ra vào; - Nước thải sinh hoạt; - Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng; nước rửa xe.	- Tiếng ồn, rung do phương tiện ra vào; - Ngập lụt, mưa bão. - Tác động đến kinh tế xã hội.	- Cháy nổ; - Tràn dầu; - Tai nạn giao thông;
2	Hoạt động kinh doanh, buôn bán dịch vụ khác	- CTR sinh hoạt, CTNH.		

0.5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

0.5.3.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công

a. Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào đắp san nền; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc và các thiết bị để xây dựng công trình.

- Thành phần chủ yếu: bụi, CO, NO_x, HC,...

b. Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 50 công nhân thi công với khối lượng 04 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt công trường thi công với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa nguyên liệu và máy móc, thiết bị với khối lượng không lớn và hầu hết được tận dụng tưới bảo dưỡng bê tông và tưới giảm bụi tại công trường. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cát, đá.

c. Chất thải rắn, CTNH

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng phát sinh lượng sinh khối thực vật. Thành phần chủ yếu là chất thải thực bì nhỏ, rơm rạ.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ 50 công nhân thi công khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa,...

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án với thành phần chủ yếu là đất thải, phế liệu, ván khuôn, bê tông thừa,...

- Chất thải nguy hại:

+ CTNH trong giai đoạn này chủ yếu phát sinh từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị thi công, thành phần bao gồm các loại như: giẻ lau, dầu mỡ thải,...

+ Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 5 kg/tháng.

+ Vùng bị tác động: CTNH nếu không được thu gom xử lý, sẽ làm mất mỹ quan khu vực, xâm nhập vào đất gây ô nhiễm đất tại khu vực Dự án.

d. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc phục vụ cho hoạt động thi công, xây dựng trên công trường.

e. Kinh tế xã hội: Ảnh hưởng do việc thu hồi đất lúa làm mất đất sản xuất trồng trọt; Mất an ninh trật tự, gây hư hỏng đường sá do phương tiện lưu thông, thi công; các tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...

0.5.3.2. Giai đoạn Dự án đi vào hoạt động

a. Bụi, khí thải:

- Khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào Trạm.

- Hơi các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) trong xăng dầu khuếch tán vào không khí khi nhập, xuất, tồn chứa.

- Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh, ...

b. Nước thải

** Nước thải sinh hoạt:*

- Lượng nước thải phát sinh từ 12 CBCNV và 100 khách vãng lai trong quá trình, khoảng 09 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt có chứa nhiều vi sinh vật và nồng độ cao các chất ô nhiễm đặc biệt là các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học nên phải được thu gom xử lý thích hợp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

** Nước mưa chảy tràn:*

Bản thân nước mưa không làm ô nhiễm môi trường. Khi chưa xây dựng Dự án, nước mưa sẽ tiêu thoát bằng nhiều nhánh nhỏ chảy ra hệ thống thoát nước hoặc phần lớn thấm trực tiếp xuống đất. Khi dự án được xây dựng lên, sân bãi được bê tông hóa sẽ làm mất khả năng thấm nước. Do Trạm luôn có các loại phương tiện ra vào nhập, xuất xăng dầu và dùng để khách mua sắm nên trên mặt đất có chứa một hàm lượng dầu mỡ nhỏ do rơi vãi, rò rỉ, Chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom và xử lý nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường.

c. Tác động do chất thải rắn:

Tổng số lượng CBCNV Cửa hàng và Khu dịch vụ là 12 người. Lượng khách ra vào khoảng 100 người/ngày. Tải lượng chất thải rắn sinh phát sinh từ số lượng công nhân viên này cùng với rác thải từ khách vãng lai tổng cộng ước tính khoảng 56 kg/ngày. Lượng chất thải này nếu phát tán bừa bãi sẽ làm mất mỹ quan khu vực, ảnh hưởng đến hộ dân xung quanh,...

d. Chất thải nguy hại:

Lượng chất thải nguy hại đối với Trạm chủ yếu liên quan đến xăng, dầu rò rỉ, các loại vỏ hộp, thùng chứa, dẻ lau dính dầu, bùn từ nạo vét hệ thống xử lý nước mưa; đối với Trạm ước tính khoảng 20 – 25kg/tháng. CTNH phát sinh chứa các thành phần độc hại sẽ tác động đến môi trường và sức khỏe con người. Do đó, Chủ Dự án sẽ thuê những đơn vị có năng lực để xử lý phù hợp, đảm bảo tuân thủ theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường về quản lý CTNH.

e. Tiếng ồn độ rung

Đối với hoạt động của Trạm, tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào. Mức ồn lớn nhất phát sinh từ hoạt động của xe tải (82÷94dBA). Mức ồn này cũng sẽ ảnh hưởng cục bộ đến sức khỏe CBCNV. Tuy nhiên, các phương tiện ra vào, nghỉ ngơi và đồ nhiên liệu không thường xuyên, thời gian nổ máy ngắn nên mức độ tác động nhỏ.

f. Kinh tế, xã hội

- Hoạt động kinh doanh của Trạm góp phần tạo sự thuận tiện về mua xăng dầu đối với người tham gia giao thông trên đường Quốc lộ 1A (tuyến tránh di tích cầu Hiền Lương) đoạn qua khu vực và người dân trong khu vực lân cận.

- Bán các sản phẩm đặc sản của địa phương phục vụ khách trên các tuyến xe chạy đường dài đi qua tuyến đường Quốc lộ 1A và nhân dân trong khu vực.

- Mang lại thu nguồn thu nhập cho Công ty cũng như đóng thuế cho Nhà nước và góp phần ổn định thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế cho khu vực.

- Giải quyết việc làm cho 12 lao động.

g. Các sự cố môi trường:

** Sự cố cháy, nổ:*

- Tại các khu vực như bồn chứa, cột bơm, van thở rất dễ xảy ra cháy, nổ nếu có phát sinh tia lửa từ các nguồn sau:

+ Nguồn lửa phát sinh từ sinh hoạt của con người như: bật lửa, diêm, tàn thuốc, ...

+ Nguồn lửa phát sinh do sự cố chập, chạm hệ thống điện, ... dẫn đến phóng tia lửa điện.

+ Nguồn nhiệt phát sinh từ các bình ắc quy, ống xả khí thải từ các phương tiện ra vào Cửa hàng và Khu dịch vụ.

+ Do sét đánh nếu hệ thống thu sét không đảm bảo độ an toàn.

+ Do CBCNV không chấp hành nghiêm túc nội quy của Cửa hàng và Khu dịch vụ.

** Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp:*

Các tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có thể xảy ra đối với CBCNV nếu Trạm không có các biện pháp an toàn và bảo hộ lao động thích hợp. Đối với ngành xăng dầu, ngoài nguy cơ cháy nổ còn có một tác động khác rất lớn đó là khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe nhân viên bán hàng trực tiếp nếu tiếp xúc lâu dài với hơi xăng dầu mà thiếu biện pháp hạn chế, giảm thiểu, bảo hộ và chế độ chăm sóc sức khỏe định kỳ.

** Sự cố về tai nạn giao thông:*

Vị trí dự án nằm gần đường Quốc lộ 1A là nơi tập trung đông phương tiện giao thông. Khi các phương tiện ra vào nhập, mua nhiên liệu, ... rất dễ xảy ra các tai nạn giao thông nếu tài xế thiếu cẩn thận hoặc không tuân thủ Luật giao thông đường bộ hoặc do cơ sở không có các biển báo hướng dẫn, chỉ dẫn theo quy định.

** Sự cố về tràn dầu:* Cửa hàng xăng dầu khi đi vào hoạt động sẽ có 03 bể chứa xăng dầu với dung tích 100 m³. Vì vậy, khả năng xảy ra sự cố tràn dầu quy mô lớn nhất là 100 m³ xăng dầu sẽ tràn ra trong khuôn viên cơ sở và các vị trí xung quanh cơ sở. Với lượng dầu tràn như trên thì khu vực cơ sở có thể xảy ra sự cố từ mức nhỏ tới mức trung bình.

0.5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

0.5.4.1. Giai đoạn thi công

a. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Biện pháp xử lý đối với hoạt động đào đắp, thi công;
- Lắp đặt tường bằng bạt và tôn cao 03 m quanh công trường;
- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; các xe được vệ sinh bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

b. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút phân cặn khi đầy bể, vận chuyển, đưa đi xử lý.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động Composite. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút phân cặn, vận chuyển, đưa đi xử lý.

- Đối với nước thải thi công: tận dụng tưới bảo dưỡng công trình và tưới giảm thiểu bụi tại công trường, hạn chế tối đa việc xả ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Đối với nước mưa chảy tràn: bố trí các vị trí cống thoát nước ngang phù hợp với điều kiện dòng chảy vào mùa mưa để tránh hiện tượng ngập úng cục bộ.

c. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt được thu gom riêng vào 01 thùng rác có nắp đậy loại 120 lít, 02 ngăn tại mỗi công trường thi công; tập kết tại kho lưu chứa chất rắn tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại mỗi công trường thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

d. Chất thải nguy hại

Thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào 01 thùng chứa chuyên dụng loại 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 5m² tại mỗi công trường thi công; kho lưu chứa được xây dựng theo đúng quy định, có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

e. Chất thải rắn xây dựng

- Do khu vực hiện trạng là đất lúa khá thấp trũng nên phần đất đào được tận dụng tối đa để làm lớp đất màu trồng cây xanh, cây cảnh, thảm cỏ, gia cố mái taluy.

- Các chất thải rắn xây dựng khác như bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ thu gom riêng, tận dụng bán phế liệu.

f. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn: Sử dụng các thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung: Các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng; sử dụng thiết bị và máy móc có tần số rung thấp; bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; sử dụng máy ép cọc tại các vị trí gần nhà dân thay vì máy đóng cọc để giảm rung chấn đến công trình.

g. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; các hộ dân thuộc đối tượng bị ảnh hưởng đất sản xuất được đền bù theo quy định.

- Đối với giao thông đường bộ: Bố trí biển báo, người phân luồng giao thông; tránh tràn đổ đất ra đường, tập kết máy móc, nguyên nhiên vật liệu trong giới hạn giải phóng mặt bằng; làm sạch bụi và bùn lầy trên đường dọc tuyến thi công.

h. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công, kiểm tra và nghiệm thu các công trình cầu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong giai đoạn thi công;

- Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ trong giai đoạn thi công: Tuân thủ các quy định về lưu giữ vật liệu dễ cháy; trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và tập huấn tuyên truyền nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy cho công nhân.

- Phòng ngừa sự cố do bom mìn tàn dư và sự cố do nổ mìn: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác rà phá bom mìn trước khi thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

0.5.4.2. Giai đoạn vận hành

a. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

** Giảm thiểu hơi xăng dầu trong quá trình nhập, tồn chứa và xuất:*

Để giảm thiểu tác động gây ô nhiễm do hơi hydrocarbon từ xăng dầu, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Mỗi bồn chứa xăng dầu đều lắp đặt van thở, ngoài việc điều áp trong bồn còn làm giảm hơi áp từ ô tô xitec.

- Hệ thống nhập xăng dầu từ ô tô xitec vào bồn chứa là một hệ thống khép kín.

- Đường ống nhập vào bồn chứa phải kéo xuống đáy bể và cách đáy bể ít nhất là 0,2m. Đường ống phải có độ dốc >1% về phía bồn chứa.

- Nếu ống thông khí và ống nổi van thở được lắp đặt dọc tường hoặc cận cửa thì miệng xả của ống thông khí và van thở phải cao hơn nóc hoặc mái nhà ít nhất 1,0m và cách các loại cửa >3,5m.

- Xe ô tô dùng để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện nhân viên thực hiện các nguyên tắc và các thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Tổ chức vệ sinh hàng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực cơ sở.

- Đối với các bồn chứa xăng dầu phải được chôn ngầm, lắp đặt các hệ thống đúng theo quy định an toàn trong lưu giữ xăng dầu.

- Trang bị các phương tiện, áo quần, găng tay, khẩu trang, ... cho công nhân lao động.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

**** Nước thải sinh hoạt:***

Xây dựng nhà vệ sinh tự hoại 05 ngăn (tổng thể tích khoảng 32m³) và hệ thống bể kỵ khí, bể lọc ngầm để xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV của Cửa hàng xăng dầu và Khu dịch vụ.

**** Nước mưa chảy tràn, nước súc rửa bồn và nước rửa xe:***

Loại nước thải này có chứa dầu mỡ và chất rắn lơ lửng, Chủ dự án sẽ xây dựng công rãnh, các hố ga và bể tách dầu mỡ.

- Dầu mỡ, cặn lắng thu gom sẽ được để đúng nơi quy định, định kỳ đem đi xử lý tại các đơn vị có chức năng trong và ngoài Tỉnh (đối với chất thải này phải xử lý theo quy trình xử lý chất thải nguy hại).

c. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn

**** Chất thải rắn sinh hoạt:***

- Tải lượng chất thải rắn phát sinh từ CBCNV Cửa hàng và khách vãng lai khoảng 56 kg/ngày. Cửa hàng bố trí 32 sọt rác nhỏ ở các bàn ăn uống; 2 thùng chứa rác thải chuyên dụng 120 lít có 02 ngăn để phân loại đặt tại Nhà bán xăng dầu và Khu vệ sinh để thu gom rác.

- Cửa hàng hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Vĩnh Linh vận chuyển rác thải đến bãi thải hợp vệ sinh để xử lý.

**** Chất thải rắn khác:***

- Các chất thải rắn có thể tận dụng, tái sử dụng như thùng, chai, lon, vỏ hộp... sẽ được tận thu và bán lại cho đơn vị tái chế, tái sử dụng.

d. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại sẽ được thu gom lưu trữ vào 01 thùng chứa có nắp đậy và kho chứa chuyên dụng, sau đó hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, xử lý. Thùng chứa CTNH có dung tích chứa hữu ích là 120L, thùng được lắp cần đạp chân

để mở nắp, đáy thùng được lắp 4 bánh xe để dễ dàng di chuyển. Ngoài ra bố trí thêm thùng phuy để chứa dầu thải.

Đối với việc vận chuyển và xử lý CTNH, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật để vận chuyển xử lý.

e. Giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí các biển báo giảm tốc, cắm rú ga, kéo còi khi không cần thiết;
- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.
- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động trong tình trạng tốt nhất.
- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

f. Giảm thiểu tác động về kinh tế - xã hội

- Xây dựng nội quy và quy chế hoạt động của cơ sở nhằm hạn chế các vi phạm xảy ra.
- Cơ sở phải thực hiện tốt công tác BVMT theo các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

g. Các sự cố môi trường

** Phòng chống rò rỉ, tràn xăng dầu:*

- Định kỳ súc rửa và kiểm tra áp lực bồn chứa, van thở và ống bơm rót luôn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Kiểm tra máy móc, tình trạng thiết bị của Cửa hàng xăng dầu trước và sau mỗi ngày làm việc.
- Các xe ô tô xitec trước khi nhập xăng dầu phải được kiểm tra hệ thống an toàn như van chặn, ống dẫn xăng dầu, các đầu nối, độ dốc ống dẫn, ...
- Trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị dụng cụ để ứng phó sự cố khi xảy ra.
- Chủ dự án sẽ lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu và trình UBND tỉnh phê duyệt.

** Biện pháp xây dựng, trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ:*

- Chủ dự án sẽ lập báo cáo Phòng cháy chữa cháy riêng trình cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt.

- Về PCCC, cơ sở bố trí đầy đủ các phương tiện chữa cháy theo quy định. Thiết kế và xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ theo hồ sơ thẩm duyệt của cơ quan chức năng;

* Đối với sự cố tràn dầu: Chủ dự án sẽ lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu riêng trình UBND tỉnh phê duyệt.

* *Giảm thiểu sự cố về tai nạn lao động*

- Nhân viên làm việc trực tiếp với xăng dầu cần được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định hiện hành.

- Sắp xếp lịch làm việc của nhân viên hợp lý, tránh quá tải.

- Tổ chức định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên 1 lần/năm; nếu phát hiện bệnh nghề nghiệp, tiến hành điều trị ngay.

* *Giảm thiểu sự cố về tai nạn giao thông*

Cơ sở sẽ xây dựng, lắp đặt các cột, các biển báo giao thông, biển quảng cáo, ... theo quy định Nhà nước hiện hành, tu sửa hàng năm và khi bị hư hỏng.

0.5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

0.5.5.1. Chương trình quản lý môi trường

Để đảm bảo cho quá trình chuẩn bị, GPMB, xây dựng các hạng mục công trình và quá trình đi vào hoạt động không gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương và đánh giá hiệu quả của các biện pháp không chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong suốt thời gian triển khai của Dự án. Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng một chương trình quản lý môi trường như sau:

- *Giai đoạn chuẩn bị, GPMB:* Trước khi triển khai thi công, Chủ dự án sẽ làm việc với chính quyền địa phương để thực hiện đầy đủ công tác kiểm kê, đền bù, GPMB đầy đủ, thỏa đáng cho người dân theo đúng quy định.

- *Giai đoạn thi công xây dựng của Dự án:* Trong quá trình xây dựng, mọi hoạt động xây dựng hay ăn ở của công nhân đều có khả năng gây ô nhiễm môi trường nếu như không chấp hành đúng các biện pháp đề ra. Chính vì vậy, để thực hiện tốt và giám sát việc thực hiện theo các biện pháp đã đề ra, Chủ Dự án sẽ thành lập một đội gồm 02 người có nhiệm vụ quản lý thi công trong công trường, đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở thực hiện các nội quy, quy định về bảo vệ môi trường cho toàn bộ công nhân.

- *Giai đoạn đi vào hoạt động của Dự án:* Sau khi Dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ bố trí đội quản lý môi trường gồm 05 người để thực hiện quản lý các vấn đề môi trường cho Dự án. Đội có chức năng nhiệm vụ như sau:

- + Quản lý về mọi mặt môi trường của Dự án;
- + Quản lý việc lưu trữ, thu gom và xử lý chất thải rắn và CTNH;
- + Quản lý các vấn đề về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tràn dầu;

+ Tổ chức phối hợp quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo môi trường và định kì báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, thực hiện chế độ báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động các thành viên sẽ đưa ra những giải pháp và kiến nghị với Ban lãnh đạo kịp thời giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh hoặc những tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

0.5.5.2. Chương trình giám sát môi trường

Đối với quy mô của Dự án, chủ yếu giám sát chất lượng các công trình xử lý chất thải (nước thải) giai đoạn vận hành thử nghiệm và giám sát môi trường lao động khi Dự án đi vào vận hành.

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5.

1.1.2. Tên Chủ dự án

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

+ Địa chỉ liên hệ: Khu K5, đường Trần Bình Trọng, Khu phố 5, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

+ Người đại diện pháp luật: (Ông) Lê Văn Long - Chức vụ: Giám đốc.

+ Điện thoại: 0233.3559.567.

- Tiến độ thực hiện Dự án: Dự kiến đi vào hoạt động vào tháng 12/2024.

- Tổng mức đầu tư: dự kiến khoảng 27,830 tỷ đồng.

1.1.3. Vị trí địa lý

Dự án có vị trí tại Km733+850, phía trái tuyến Quốc lộ 1A- đoạn tránh Khu di tích đồi bờ Hiền Lương, thuộc thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Các vị trí khép góc dự án có tọa độ địa lý (hệ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°) như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí các điểm khép góc dự án

Tên điểm	X (m)	Y (m)	Dài (m)
1	1881.206,91	582.608,93	76,50
2	1881.212,62	582.685,22	1,10
3	1881.211,55	582.685,47	14,27
4	1881.211,67	582.699,74	72,15
5	1881.139,53	582.698,32	2,33
6	1881.137,21	582.698,09	39,67
7	1881.097,54	582.698,05	37,87
8	1881.059,68	582.697,34	3,31
9	1881.056,55	582.696,25	37,65
10	1881.053,61	582.658,71	0,85
11	1881.054,46	582.658,63	11,92
12	1881.059,30	582.647,74	152,63
1	1881.206,91	582.608,93	

(Sơ đồ vị trí Dự án được đính kèm theo ở phần Phụ lục)

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

Dự án có nhu cầu sử dụng đất với diện tích dự kiến 14.208 m^2 . trong đó: đất thương mại dịch vụ 10.811 m^2 ; phân đường và sân bãi bê tông (ngoài chỉ giới ATGT) 3.397 m^2 .

(Sơ đồ vị trí Dự án kèm theo tại phụ lục báo cáo).

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

* *Khu dân cư*: trong khu đất không có dân cư sinh sống, Cụm dân cư gần nhất là thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn, cách Dự án khoảng 500m về phía Đông; Cụm dân cư thôn Tiên Lai, xã Vĩnh Lâm cách dự án khoảng 600m về phía Tây Bắc.

*** Hệ thống đường giao thông**

- Phía Tây của Dự án tiếp giáp tuyến Quốc lộ 1A tuyến tránh di tích lịch sử cầu Hiền Lương;

- Phía Nam của Dự án tiếp giáp tuyến đường đi vào thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn.

- Nhìn chung giao thông khu vực Dự án rất thuận lợi cho thi công và hoạt động sau này.

*** Hệ thống sông suối và kênh thủy lợi**

Dự án trước đây là diện tích đất lúa của các hộ dân xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, do đó khu đất thấp trũng thường xuyên ngập nước, tiếp giáp phía Đông của khu đất có tuyến mương thủy lợi nhỏ (mương đất) chảy uốn lượn theo hướng Nam - Bắc sau đó đổ vào khe Tiên Lai – là nhánh sông cấp 1 của sông Sa Lung, khe Tiên Lai tiếp tục chảy theo hướng Tây – Đông khoảng 850m rồi hợp lưu với sông Sa Lung. Sông Sa Lung hợp lưu với sông Bến Hải tại ngã ba cầu Hiền Lương, sau đó sông Bến Hải đổ ra biển tại thị trấn Cửa Tùng.

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu của dự án

- Hoàn thiện mạng lưới cửa hàng kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Quảng Trị. Tận dụng cơ chế chính sách, cơ chế kinh doanh của địa phương, đối tác cung cấp.

- Cơ sở kinh doanh sản phẩm xăng dầu, dịch vụ tổng hợp.

- Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập, và đầy đủ các chế độ cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và nhà nước đối với các doanh nghiệp.

1.1.6.2. Loại hình dự án, quy mô dự án

- Công trình công nghiệp; Công nghiệp, cửa hàng xăng dầu cấp III (khối lượng xăng dầu nhỏ hơn 100m³); bậc chịu lửa bậc I-II, loại nguy hiểm cháy nổ. Dân dụng (cửa hàng dịch vụ, nhà ăn và giải khát).

Báo cáo ĐTM dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

- Quy mô dự án: Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án là: 14.208ha. trong đó: đất thương mại dịch vụ 10.811 m²; phần đường và sân bãi bê tông (ngoài chỉ giới ATGT) 3.397 m².

1.1.6.4. Công suất, công nghệ dự án

- Bể chứa xăng dầu gồm 03 bồn chứa diện tích 100 m² (bao gồm hệ thống phụ trợ liên quan), bồn dầu DO dung tích 25m³, bồn xăng E5 và A95 có dung tích 10m³/bồn; lượng nhập xuất Xăng E92: 536 m³/năm; Xăng E95: 601 m³/năm; Diesel: 1.525 m³/năm.

- Cửa hàng dịch vụ, nhà ăn giải khát: Giới thiệu các nông sản, sản phẩm quê hương Quảng Trị, gồm khu bày bán và các không gian hỗ trợ bán hàng, có bày bán các sản phẩm Lào – Thái Lan, phục vụ ăn uống giải khát: khoảng 100 lượt khách/ngày.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

Bảng 1.2. Quy mô các hạng mục công trình dự án

STT	Khu bán hàng	Diện tích(m2)	Cơ Cấu(%)
1	Mái che trụ bơm	1.700,0	15,7
2	Nhà điều hành	450,0	4,2
3	Cửa hàng dịch vụ	1.200,0	11,1
4	Nhà ăn + Giải khát	1.400,0	13,0
5	Khu bể chứa xăng dầu	100,0	0,9
6	Mái che phụ trợ	323,0	3,0
7	Nhà vệ sinh	56,0	0,5
8	Đường và sân bãi bê tông	1.533,0	14,2
9	Cây xanh + dự trữ phát triển	3.264,0	30,2
10	Kè, Tường rào + hạ tầng kỹ thuật	785,0	7,3
11	Tổng	10.811,0	100,0
Diện tích ngoài chỉ giới ATGT			
1	Đường và sân bãi bê tông	3.397	

1.2.1. Hạng mục công trình chính

a. Mái che trụ bơm + Bể chứa xăng dầu

- Khu bán hàng có mái che diện tích 1.700m², kích thước DxRxC = 40 x 39 x 6,5m trong đó phần mái 1,5m, độ cao thông thủy mái 5m.

- Bể chứa xăng dầu gồm 3 bồn chứa diện tích 100m² (bao gồm hệ thống phụ trợ liên quan), bồn dầu DO dung tích 25m³, bồn xăng E5 và A95 có dung tích 10m³/bồn, tổng dung tích chứa xăng và dầu là 45 m³.

b. Nhà điều hành: Nhà một tầng diện tích 450m², kích thước DxRxC = 40 x 8,4 x 4,3m.

c. Cửa hàng dịch vụ: Nhà một tầng diện tích 1.200m², kích thước DxRx C = 46,2 x 18,0 x 6,5m.

d. Nhà ăn + giải khát:

- Phục vụ hành khách đường dài Bắc – Nam dừng chân, nghỉ ngơi ăn uống. Mặt bằng tổ chức gồm 2 khu giải khát và ăn uống riêng biệt, có phòng ăn riêng, kết hợp khu bếp nấu hiện đại.

- Nhà một tầng diện tích 1.400m², kích thước DxRx C = 45,6 x 27,3 x 6,5m.

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án

- Khu dịch vụ rửa xe: Dạng cầu nổi, số lượng 02 cái. Kết cấu đổ bê tông, có hệ thống thu nước mặt kết hợp bể xử lý trước khi thoát ra ngoài.

- Mái che phụ trợ, gồm có 02 mái, tổng diện tích 323m²:

- Đai nước đổ trụ BTCT DxRx C = 2x1,5x4,6m, phần đai bằng tạc inox 304 quy mô 2 m³.

- Sân bê tông: Diện tích 4.930m² (bao gồm cả diện tích dưới mái che trụ bơm, diện tích ngoài hành lang an toàn giao thông và diện tích dưới mái che phụ trợ). Kết cấu bê tông đá 20x40, mác 300, dày 20cm, có cát chỉ chống nứt.

1.2.3. Các hoạt động của dự án

- Các hoạt động trong giai đoạn thi công, xây dựng bao gồm: Giải phóng mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng công trình, sinh hoạt của CBCNV.

- Các hoạt động trong giai đoạn vận hành: hoạt động kinh doanh xăng dầu, buôn bán hàng hóa, dịch vụ ăn uống giải khát nghỉ chân.

1.2.4. Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hạng mục xử lý nước thải:

- Nhà vệ sinh: Nhà một tầng diện tích 1.400m², kích thước DxRx C = 45,6 x 27,3 x 6,5m. Bể tự hoại 05 ngăn thể tích 32m³, hệ thống xử lý nước thải xám gồm bể kỵ khí và bể lọc ngầm trồng cây trước khi thải ra môi trường.

- Hồ xử lý tách dầu mỡ 04 ngăn.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn đồng bộ:

+ Thoát nước mưa trên mái thu bằng các ống đứng D110, ống này chảy vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà; ống đứng và phụ kiện bằng nhựa u.PVC

+ Nước thải nhiễm dầu của cửa hàng phải được thu gom theo hệ thống rãnh thoát riêng có nắp đậy bằng tấm đan thép có lỗ thoát khí để tránh tích tụ hơi xăng dầu. Bố trí hồ tách dầu mỡ 04 ngăn xử lý nước nhiễm dầu mỡ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung quanh Dự án.

b. Hạng mục xử lý chất thải rắn:

- Thùng đựng CTR sinh hoạt: Cửa hàng bố trí 32 sọt rác nhỏ, 02 thùng chứa rác thải chuyên dụng 120 lít có 02 ngăn để phân loại, đặt tại Nhà bán xăng dầu và Khu vệ sinh để thu gom rác.

- Thùng và kho chứa CTNH: Chất thải nguy hại sẽ được thu gom lưu trữ vào thùng chứa có nắp đậy và kho chứa chuyên dụng, sau đó hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, xử lý. Thùng chứa CTNH được sử dụng có dung tích chứa hữu ích là 120L, thùng được lắp cần đạp chân để mở nắp, đáy thùng được lắp 4 bánh xe để dễ dàng di chuyển; 01 thùng phuy đựng dầu nhớt thải.

c. Hạng mục xử lý khí thải, mùi hôi:

- Cây xanh: trồng cây xanh kết hợp cảnh quan, diện tích >20% tổng diện tích.

- Áp dụng quy trình xuất nhập tồn đảm bảo kín, an toàn;

- Thu gom, phân loại CTR sinh hoạt định kỳ theo quy định của địa phương, không để tồn đọng lâu ngày trong khuôn viên.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV.

c. Phòng ngừa ứng phó sự cố: Xây dựng phương án PCCC trình cơ quan thẩm quyền thẩm duyệt, đầu tư máy móc thiết bị, nhân lực về PCCC, chuẩn bị các phương án ứng phó PCCC; Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 1.3. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu tới môi trường

TT	Hoạt động	Tác động liên quan đến chất thải	Tác động không liên quan đến chất thải	Sự cố môi trường
I	Giai đoạn chuẩn bị, thi công			
1	- Thu hồi đất lúa; Giải phóng mặt bằng	- CTR từ sinh khối thực vật (rơm rạ, cỏ dại)	- Tác động đến kinh tế - xã hội. - Xáo trộn đời sống hàng ngày của người dân bị ảnh hưởng.	-
2	Đào đắp, san nền	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung. - Sự cố ngập úng.	- Tai nạn lao động
3	Vận chuyển nguyên vật liệu	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung.	- Tai nạn giao thông
4	Xây dựng công trình	- Bụi, khí thải - CTR - Nước thải xây dựng	- Tiếng ồn, rung.	- Tai nạn lao động
5	Sinh hoạt của CBCNV	- Nước thải sinh hoạt - CTR	- Mất an ninh, trật tự.	- Cháy nổ do chập điện

TT	Hoạt động	Tác động liên quan đến chất thải	Tác động không liên quan đến chất thải	Sự cố môi trường
I	Giai đoạn chuẩn bị, thi công			
6	Nước mưa chảy tràn	- Nước mưa cuốn theo các chất ô nhiễm: đất cát, CTR...	- Hư hỏng các công trình. - Ngập úng cục bộ.	-
II	Giai đoạn hoạt động			
1	Hoạt động nhập tồn xuất xăng dầu	- Hơi xăng dầu; - Bụi khí thải phương tiện ra vào; - Nước thải sinh hoạt; - Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng; nước rửa xe.	- Tiếng ồn, rung do phương tiện ra vào; - Ngập lụt, mưa bão. - Tác động đến kinh tế xã hội.	- Cháy nổ; - Tràn dầu; - Tai nạn giao thông;
2	Hoạt động kinh doanh, buôn bán dịch vụ khác	- CTR sinh hoạt, CTNH.		

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án giai đoạn thi công

1.3.1.1. Nguyên, vật liệu sử dụng của dự án giai đoạn thi công

Căn cứ vào quy mô công trình, khối lượng thi công các hạng mục thì nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của Dự án trong giai đoạn thi công như sau:

Bảng 1.4. Khối lượng nguyên, vật liệu cho xây dựng

TT	Loại	Đơn vị	Khối lượng	Định mức [2]	Quy đổi ra tấn
1	Đất đào	m ³	4.413,58	1,45 tấn/m ³	6.399,7
2	Đất đắp (gồm tận dụng tối đa lượng đất đào)	m ³	37.675,65	1,45 tấn/m ³	54.194,7
3	Cát, đá các loại	m ³	3.058	1,5 tấn/m ³ (tỷ trọng trung bình cát và đá dăm)	4.587
4	Sắt thép các loại	Tấn	300	-	300
5	Tổng				65.481,4

Nguồn: Tổng mức dự toán đầu tư

Ghi chú: khối lượng đất đắp là 37.675,65 (tận dụng đắp tại chỗ là 4.413,58m³, vận chuyển đến công trình là 33.262,07m³)

* *Mỏ vật liệu đất đắp:*

- Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công bao gồm:

+ Cát xây, sỏi sạn các loại lấy tại sông Thạch Hãn; sông Bến Hải, xã Linh Trường, huyện Gio Linh.

+ Đá các loại lấy tại Đầu Mầu, Km 29 - Quốc lộ 9, thuộc xã Cam Thành, huyện Cam Lộ.

+ Bê tông nhựa lấy tại Trạm trộn bê tông nhựa, Km8+400 Quốc Lộ 9 thuộc xã Cam Hiếu, Cam Lộ.

+ Xi măng, sắt thép, ván khuôn, lấy tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh.

+ Đất đắp tận dụng từ đất đào và mỏ đất Hồ Dục Đức, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh.

1.3.1.2. Nguyên, vật liệu sử dụng của dự án giai đoạn vận hành

- *Xăng dầu được nhập từ các đối tác uy tín trên toàn quốc.*

- Các loại hàng hóa buôn bán dịch vụ lấy từ các nguồn sản xuất sản phẩm đặc sản được công nhận của tỉnh Quảng Trị, các mặt hàng sản phẩm Lào Thái được nhập về qua cửa Khẩu Lao Bảo.

1.3.2. Nhiên liệu, hóa chất sử dụng của dự án

1.3.2.1. Đối với giai đoạn triển khai xây dựng

Trong giai đoạn thi công xây dựng lượng nhiên liệu sử dụng chủ yếu là dầu DO dùng cho máy đào, máy ủi để bốc xúc, san ủi; các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên, vật liệu và thiết bị. Định mức nhiên liệu dầu DO cho 1 ca của các thiết bị máy móc thi công trung bình khoảng 46 lít diesel.

1.3.2.2. Đối với giai đoạn vận hành

Chủ yếu xăng dầu phục vụ cho phương tiện đi lại của CBCNV, sử dụng chính nguồn xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu.

1.3.3. Nguồn cung cấp điện, nước

1.3.3.1. Giai đoạn thi công:

- Điện phục vụ thi công và sinh hoạt: Được lấy từ điện lưới Quốc gia 0,4 kV có sẵn gần khu vực Dự án.

- Nước phục vụ thi công: sử dụng nước mặt tại chỗ từ các kênh tiêu dẫn nước hoặc mua từ bên ngoài vào công trường Dự án.

- Nước sinh hoạt: Mua nước uống từ các cơ sở cung cấp trong vùng.

1.3.3.2. Giai đoạn vận hành

* Điện phục vụ Dự án: Được lấy từ đường dây 0,4 kV đã có.

* Nước sinh hoạt: Sử dụng nước giếng khoan, nước được bơm lên đài nước, từ đài nước sẽ được cấp đến cho các hạng mục công trình.

- Nhu cầu cấp nước: Tiêu chuẩn dùng nước và nhu cầu dùng nước được tính theo TCXDVN 33:2006 - Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình như sau:

- + Nước dùng cho sinh hoạt Q_{SH} : 80 lít/người/ngày đêm.
- + Nước dịch vụ công cộng Q_{CC} : 10% sinh hoạt.
- + Nước công nghiệp dịch vụ Q_{CN} : 10% sinh hoạt.
- + Nước thất thoát : 15% ($Q_{SH}+Q_{CC}+Q_{CN}$).

Vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước cho Khu đô thị được tính toán như sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

TT	Thành phần dùng nước	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ng.đ)
1	Nước cấp cho sinh hoạt (12 CBCNV)	$Q_{SH} = 80 \text{ L/người/ng.đ}$	0,96
2	Nước cấp cho 100 khách vắng lai (ước tính hệ số sử dụng nước 50%)	$Q_{SH} = 80 \text{ L/người/ng.đ}$	4,0
3	Nước dịch vụ công cộng	$Q_{CC}=10\%Q_{SH}$	0,496
4	Nước công nghiệp dịch vụ	$Q_{CN}=10\%Q_{SH}$	0,496
5	Nước thất thoát	$Q_{TT}=15\%Q_{SH}$	0,74
6	Công suất trung bình/ngày	$Q_{TB}=(1+2+3+4)$	6,696
7	Công suất lớn nhất/ngày (K=1,3)	Q_{max}	8,7
8	Nước rửa xe (*)		5
9	Nước súc rửa bồn (m ³ /lần) (*)		5

Ghi chú: K là hệ số dùng nước không điều hoà ngày (tính toán đến các tổ chức đời sống xã hội, chế độ làm việc và nhu cầu thay đổi dùng nước theo mùa). Chọn $K_{ngày-max} = 1,3$ (Tiêu chuẩn TCVN 33-2006 $K_{ngày-max}: 1,2-1,4$).

(*) định mức thực tế theo các công trình có quy mô tương tự của Chủ dự án đang hoạt động.

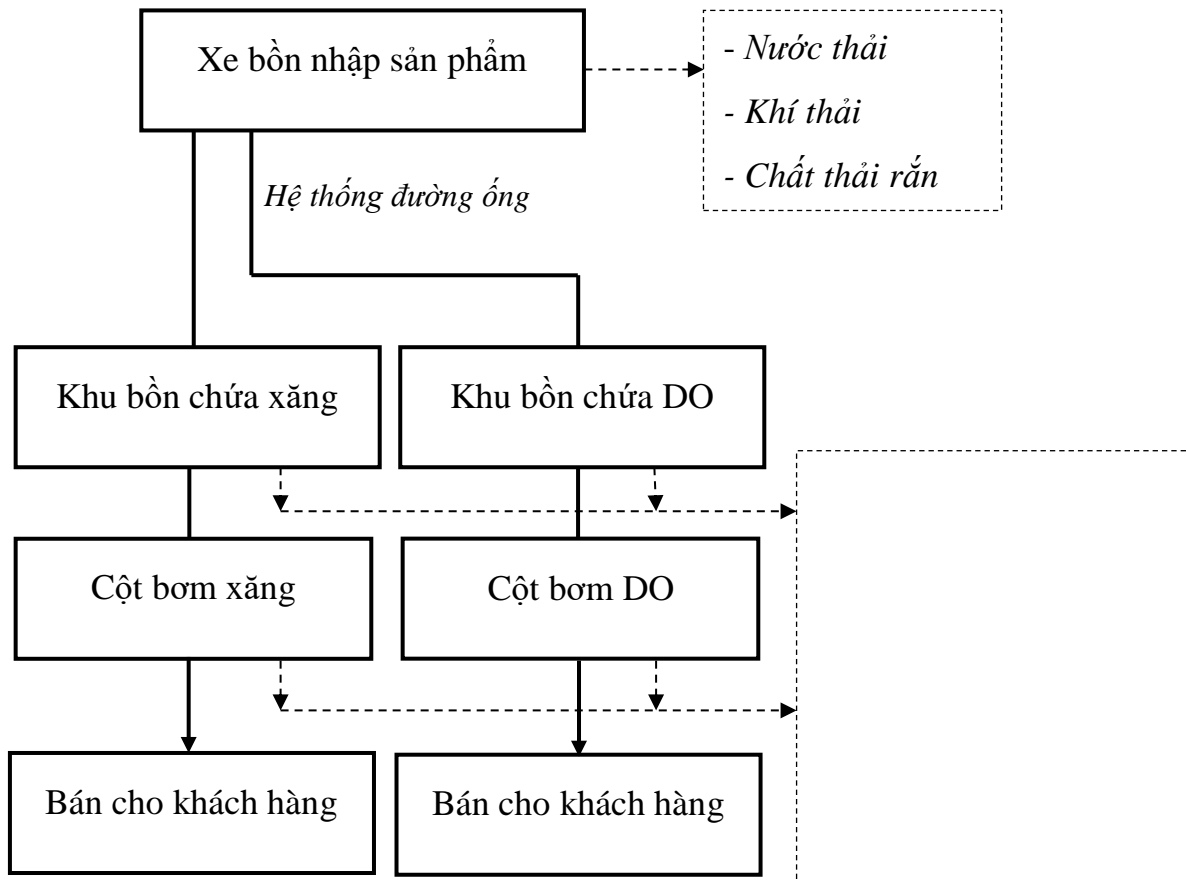
Vậy, tổng lượng nước dự kiến cấp cho dự án khoảng ~ **14 m³/ngày**.

1.3.4. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm của Dự án là hàng hóa kinh doanh buôn bán dịch vụ như xăng dầu, đặc sản vùng miền Quảng Trị, hàng Lào Thái, hàng hóa ăn uống giải khát các loại.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Công nghệ nhập xuất tồn xăng dầu như sau:



1.5. Phương án tổ chức thi công, khối lượng, trình tự và công nghệ/kỹ thuật thi công các hạng mục công trình

Công tác chuẩn bị bao gồm các công việc như: Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng kho, bãi tập kết vật tư, thiết bị thi công, thi công đường công vụ, cống tạm...

1.5.1. Thi công nền

- Chuẩn bị mặt bằng thi công: dọn dẹp mặt bằng.
- Vét lớp đất hữu cơ mặt phía trên cùng với chiều dày theo quy định trong cắt ngang thiết kế; gom về khu quy hoạch để tận dụng tối đa cho phục vụ trồng cây, đắp bù các khu thấp trũng.
- Bơm nước, tháo khô mặt bằng thi công (nếu có).
- Đổ đất nền thành lớp 30 cm, lu lèn K95 đến cos công trình, hệ số mái đắp 1,5, hệ số mái đào m=1.0.

1.5.2. Thi công mặt đường

- Thi công các lớp cấp phối đá dăm theo TCVN 8859:2011.

- Thi công mặt đường bê tông xi măng theo Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2012 về việc Ban hành quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông.

1.5.3. Thi công gia cố mái ta luy

Thanh thải đất bảo vệ và cửa thoát nước, chỉnh sửa, bạt gọt taluy, kiểm tra, lu lèn lại mái đảm bảo độ chặt theo quy định, gia cố mái ta luy bằng đá hộc kết hợp trồng cỏ để đảm bảo chống xói, sạt lở.

1.5.4. Thi công mái che, nhà bán hàng và công trình khác:

Hạng mục thi công công trình chủ yếu hệ khung thép lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng kết cấu gạch, bê tông, xi măng,... Chủ đầu tư lựa chọn các nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã thi công công trình tương tự.

1.5.6. Danh mục máy móc, thiết bị

Chủ dự án sẽ xem xét khả năng đáp ứng của các Nhà thầu rồi từ đó có những lựa chọn thích hợp. Các máy móc thiết bị dự kiến phục vụ thi công Dự án như sau:

Bảng 1.6. Danh mục các máy móc dự kiến phục vụ thi công Dự án

STT	Tên thiết bị	STT	Tên thiết bị
1	Máy đào bánh xích 0,3/0,8/1,6m ³	22	Kích nâng 500T
2	Máy đào bánh hơi 0,3/0,8/1,25m ³	23	Máy cắt cáp 1/10kW
3	Máy ủi 75/108/140CV	24	Máy cắt ống 5kW
4	Máy xúc 1,0/1,6/2,3m ³	25	Máy cắt sắt 1kW
5	San tự hành 90/108/180CV	26	Máy khoan 2,5/4,5kW
6	Máy đầm bánh thép 8,5/10T	27	Máy luồn cáp 15kW
7	Đầm bánh lốp 9T	28	Pa lăng xích 3T
8	Đầm bánh hơi 16/25T	29	Tời điện 5T
9	Đầm rung 8/15/25T	30	Máy rải hỗn hợp CPĐĐ 60m ³ /h
10	Đầm cóc 60/80kg	31	Máy cắt khe MCD
11	Máy trộn bê tông 80/250/500L	32	Búa căn nén khí 1,5m ³ /ph
12	Máy đầm bàn 1kW	33	Búa rung 170 kW
13	Máy đầm dùi 1,5kW	34	Máy cuốn uốn

STT	Tên thiết bị	STT	Tên thiết bị
14	Máy hàn điện 23kW	35	Máy nén khí
15	Máy cắt uốn 5kW	36	Máy bơm nước 20CV
16	Máy khoan TRC-15	37	Máy bơm vữa xi măng 4m ³ /h
17	Máy đóng cọc 1,8/3,5T	38	Ô tô chuyên trộn bê tông 10,7m ³
18	Thiết bị kẻ vạch YHK-10A	39	Ô tô tưới nước 5m ³
19	Cần trục 6/10/16/25T	40	Ô tô ben 5/7/10/12T
20	Máy định vị GPS	41	Ô tô tải 2,5/5,0/7,0/10/12T
21	Kích căng thép DUL 250T	42	

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ dự án: thời gian thực hiện Dự án: từ 2022-2024.

1.6.2. Vốn đầu tư

- Tổng mức đầu tư: **27.830.000.000 đồng** (Trong đó, chi phí cho các công trình bảo vệ môi trường chi tiết tại Chương 4 của Báo cáo ĐTM này).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn của Nhà đầu tư 8.349.000.000 đồng và vốn huy động khác.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư quản lý trực tiếp Dự án
- Số lượng lao động dự kiến trong quá trình thi công khoảng 20 người.
- Thời gian làm việc: 8h ngày, tổng thời gian thi công là 16 tháng (tương ứng 480 ngày).
- Số lượng CBCNV khi Dự án đi vào hoạt động: 12 người.

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Tổng hợp dữ liệu về các điều kiện tự nhiên khu vực triển khai dự án

2.1.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

a. Điều kiện về địa lý

Dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5” có vị trí thực hiện đi qua địa bàn xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với tương quan vị trí của huyện Vĩnh Linh như sau:

b. Điều kiện địa hình, địa chất [1]

Địa hình tỉnh Quảng Trị đa dạng bao gồm núi, đồi, đồng bằng, cồn cát và bãi biển chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Địa hình tỉnh Quảng Trị thấp dần từ Tây sang Đông, Đông Nam. Chia thành 4 dạng địa hình chính:

- Địa hình núi cao: Phân bố ở phía Tây từ dãy Trường Sơn đến miền đồi bát úp, chiếm diện tích lớn nhất, có độ cao từ (250 - 2.000) m, độ dốc 20 - 300. Địa hình phân cắt mạnh, độ dốc lớn, quá trình xâm thực và rửa trôi mạnh. Các khối núi điển hình là Động Voi Mẹp, Động Sa Mui, Động Châu, Động Vàng.

- Địa hình núi thấp, đồi gò (vùng trung du): Là phần chuyển tiếp từ địa hình núi cao đến địa hình đồng bằng, có độ cao từ (50 - 250) m. Địa hình núi thấp, đồi gò tạo nên các dải thoải, lượn sóng, độ phân cắt từ sâu đến trung bình. Các khối điển hình là khối bazan Gio Linh - Cam Lộ có độ cao xấp xỉ (100 - 250) m; khối bazan Vĩnh Linh nằm sát ven biển, có độ cao từ (50 - 100) m.

- Địa hình đồng bằng: Bao gồm đồng bằng dọc quốc lộ 1A thuộc các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh, Vĩnh Linh được bồi đắp phù sa từ các sông Bến Hải, Thạch Hãn và Ô Lâu. Vùng này địa hình tương đối bằng phẳng, có độ cao từ (25-30) m.

- Địa hình ven biển: Chủ yếu là các cồn cát, đụn cát phân bố dọc ven biển kéo dài từ Vĩnh Thái (Vĩnh Linh) đến giáp Thừa Thiên Huế; chiều rộng trung bình (4 - 5) km. Địa hình tương đối bằng phẳng độ cao (5 - 15) m.

Trong phạm vi dự án địa hình là vùng ruộng lúa 02 vụ thấp trũng, địa hình thấp hợp mặt đường Quốc lộ 1A từ 3,5 – 4m, hàng năm thường xuyên bị ngập nước. Quá trình thi công cần phải san lấp nền với khối lượng khá lớn.

2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng [2]

Điều kiện khí hậu trong vùng Dự án mang đậm tính chất nhiệt đới gió mùa của tỉnh Quảng Trị, chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu phân thành 2 mùa: Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9, có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm kèm theo mưa bão và lũ lụt.

a. Chế độ nhiệt

Khu vực Dự án có mức chênh lệch nhiệt độ trong năm cao, nhiệt độ thấp nhất có thể xuống tới 12°C và cao nhất có thể lên trên 40°C. Nhiệt độ trung bình các năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: °C)

Tháng\năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Bình quân năm	25,4	24,9	25,6	26,4	25,7	25,3	25,4	26,5	26,0	27,5
Tháng 1	18,7	19,3	18,5	19,4	20,8	21,2	19,8	20,2	22,1	18,0
Tháng 2	19,5	22,8	20,0	22,1	18,4	20,5	19,0	24,3	22,3	21,5
Tháng 3	22,2	24,3	22,6	25,5	21,9	23,5	22,7	25,4	25,4	24,5
Tháng 4	26,9	26,0	26,9	26,4	27,2	26,2	25,0	28,9	24,4	27,0
Tháng 5	29,7	29,1	30,4	31,7	29,3	28,0	29,0	29,9	30,0	29,8
Tháng 6	29,6	28,8	30,8	30,9	30,8	30,3	30,0	31,8	31,2	31,2
Tháng 7	29,2	28,3	30,0	28,8	30,0	28,6	28,8	30,5	30,6	30,1
Tháng 8	29,2	28,4	29,4	29,6	29,7	29,4	28,9	29,1	29,2	30,5
Tháng 9	26,7	26,6	28,5	29,3	28,5	28,8	28,4	26,8	29,0	27,4
Tháng 10	25,7	24,6	25,7	25,7	26,9	25,3	26,0	26,3	25,0	24,9
Tháng 11	25,1	23,1	24,9	26,0	24,4	22,3	24,5	23,6	23,6	22,8
Tháng 12	22,3	18,1	19,6	21,9	21,0	19,7	22,3	21,5	19,6	20,1

b. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83-87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67-68%. Độ ẩm trung bình các năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.2. Độ ẩm trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: %)

Tháng\năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Bình quân năm	84	87	84	82	84,5	85,4	84	81	83	84
Tháng 1	92	89	87	87	91,2	91,8	92	92	88	88
Tháng 2	90	91	90	89	85,4	91,6	88	88	87	88
Tháng 3	90	91	91	87	89,4	90,3	89	88	87	89
Tháng 4	85	88	87	83	85,4	83,2	87	82	88	86
Tháng 5	74	80	74	69	79,9	83,6	78	76	78	79
Tháng 6	74	78	74	71	74,2	73,2	72	66	69	68
Tháng 7	76	83	75	77	76,0	80,2	77	68	71	73
Tháng 8	74	84	78	78	77,0	78,4	77	75	78	70

Tháng 9	89	89	82	79	83,4	83,0	82	85	81	88
Tháng 10	88	91	90	87	89,4	89,4	88	85	87	92
Tháng 11	91	93	91	88	89,5	92,3	89	86	91	91
Tháng 12	90	85	88	88	93,6	88,2	92	82	91	91

c. Bức xạ mặt trời - số giờ nắng

Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa hạ, trung bình hàng năm đạt từ 128÷133 Kcal/cm². Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa đông. Các tháng có số giờ nắng thường vào tháng 5, 6, 7, 8 đạt trên 200 giờ.

Bảng 2.3. Số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ)

Tháng\năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Cả năm	1.689	1.545	1.869	2039	1.744	1.677	1.804	2.100	2.033	1.974
Tháng 1	10	65	117	121	38	87.6	35	76	172	63
Tháng 2	53	86	98	99	71	94.6	67	178	185	172
Tháng 3	91	136	91	59	102	114	123	139	149	129
Tháng 4	182	149	177	202	192	173.9	175	239	120	210
Tháng 5	251	241	269	295	250	174	272	227	246	291
Tháng 6	163	222	213	272	252	255.6	173	283	275	244
Tháng 7	213	190	233	111	260	179.6	128	237	318	241
Tháng 8	204	171	194	239	204	212.9	170	145	211	257
Tháng 9	143	110	192	209	164	227.4	227	125	224	186
Tháng 10	169	95	133	170	128	81.7	209	233	57	75
Tháng 11	133	60	121	168	67	43.6	146	108	60	78
Tháng 12	76	19	31	94	16	32.1	79	110	16	27

d. Lượng mưa

Trong khu vực lượng mưa nhiều tập trung vào tháng 9 đến tháng 12 (chiếm từ 65-75% lượng mưa cả năm). Số ngày mưa phân bố không đều, số ngày mưa trong năm dao động từ 154 - 190 ngày, trong các tháng cao điểm trung bình mỗi tháng có 17 - 18 ngày mưa. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây do vấn đề BĐKH đã làm gia tăng sự biến động và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt ảnh hưởng đến các định hướng phát triển trong tương lai. Các hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên xảy ra với tần suất dày đặc cũng như cấp độ tàn phá của thiên tai bão lũ ngày càng cao. Tham khảo số liệu lượng mưa tháng 10/2020 tại Trạm thủy văn Cửa Việt, huyện Gio Linh có lượng mưa ngày lớn nhất là 296,2 mm (ngày 16/10/2020). Lượng mưa trung bình trong tháng qua các năm được thể hiện như sau:

Bảng 2.4. Lượng mưa trung bình của các tháng qua các năm (Đơn vị: mm)

Tháng/ năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Cả năm	1.970,7	2.681,4	1.699,4	1.947,0	2.533,8	2.557,5	2.315,4	2.166,1	3.558,0	2.595,1
Tháng 1	73,4	11,6	23,1	46,2	90,4	71,8	53,3	73,1	65,4	97,3
Tháng 2	23,2	35,3	17,7	39,9	37,8	78,3	38,2	3,9	7,3	33,8
Tháng 3	16,8	50,5	22,1	19,5	12,5	26,9	43,7	51,5	1,8	33,8
Tháng 4	90,1	61,0	29,6	158,9	89,2	35,9	139,0	0,5	44,5	83,2
Tháng 5	171,0	93,1	20,6	5,0	102,0	98,7	6,0	57,9	81,7	17,3
Tháng 6	92,4	282,2	143,5	97,2	94,2	115,5	46,2	28,1	25,8	63,0
Tháng 7	30,5	154,7	93,9	114,5	75,4	421,2	260,4	97,5	18,3	21,6
Tháng 8	59,3	88,2	172,6	99,4	99,2	57,5	34,1	383,0	128,0	42,7
Tháng 9	613,1	767,6	63,5	300,3	443,6	374,9	211,7	611,1	87,7	752,2
Tháng 10	356,9	572,0	462,7	427,3	558,2	394,6	447,6	374,7	2254,3	1.002,5
Tháng 11	210,4	518,3	381,9	482,1	483,2	648,0	287,7	392,2	615,7	160,5
Tháng 12	233,6	46,9	268,2	156,7	448,1	234,2	747,5	92,6	227,5	273,3

e. Gió, bão

- Các hướng gió thịnh hành là gió Đông Nam, Đông Bắc và đặc biệt là gió Tây Nam khô nóng, gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau. Gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 2 và kết thúc vào trung tuần tháng 9.. Gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8. Trong các tháng này có nhiều ngày có gió, riêng tháng 6, 7 nhiều nơi 10-16 ngày có gió tốc độ lớn.

- Mùa bão thường xuất hiện từ tháng 8 đến tháng 11, các cơn bão đổ bộ vào đất liền Quảng Trị nói chung và huyện Gio Linh nói riêng thường là các cơn bão số 7, 8, 9 và 10. Năm nhiều nhất có 4 cơn bão, năm ít nhất không có cơn bão nào, trong những năm gần đây số lượng bão và mức độ tàn phá giảm hẳn so với trước kia. Bão thường kèm theo mưa to kết hợp triều cường trên diện rộng làm thiệt hại đến cơ sở vật chất kỹ thuật và mùa màng.

Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa do ảnh hưởng của bão nhiệt đới gây lũ lịch sử đặc biệt nghiêm trọng như năm 2020.

- Đợt 1 từ ngày 5-11/10/2020: Các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Bình Định có mưa rất to, tập trung chủ yếu trong 3 ngày, lượng mưa phổ biến ở Quảng Trị từ 500-1.150mm. Cơ quan khí tượng ghi nhận lượng mưa 10 ngày đầu tháng 10 tại trạm Khe Sanh - Quảng Trị cao hơn 6 lần so với trung bình nhiều năm. Đây là trận mưa lớn lịch sử kéo dài nhiều ngày, khiến lũ các sông vượt mức báo động 3 và vượt lũ lịch sử trước

đó, có thể coi là trận lũ có tốc độ nước dâng cao nhất từ trước đến nay, trong khoảng 3-4 tiếng nước lũ đã dâng cao đến 2m.

- Đợt 2 từ ngày 15-18/10/2020: Khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Quảng Nam tiếp tục có mưa to đến rất to, lượng mưa phổ biến tại xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị là 1.339mm và tại thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị là 858mm. Trước trận lũ, toàn khu vực đã trải qua đợt mưa với cường độ lớn và kéo dài, đất ngậm nước trong nhiều ngày gây nên tình trạng bão hòa nước, nước trên các sông chưa kịp rút hết kết hợp với mưa đặc biệt lớn trên diện rộng từ ngày 16/10-18/10/2020 dẫn đến tình trạng lũ chồng lũ (xuất hiện nhiều đỉnh lũ liên tiếp) làm cho nước lũ dâng cao trên các sông và cao hơn trận lũ ngày 8/10/2020 mặc dù lượng mưa không lớn bằng.

Theo số liệu quan trắc, mực nước trên các sông tại Đông Hà, Thạch Hãn dâng cao và vượt lịch sử trước đó. Tại trạm Đông Hà đỉnh lũ đạt 5,35m, vượt lũ lịch sử 0,77m và vượt tần suất lũ 1% tính toán trước đó, mặc dù tổng lượng mưa không lớn hơn trận trước.

2.1.2. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án và đặc điểm chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận này

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án trước đây là tuyến mương đất rộng khoảng 1,5m tiếp giáp phía Đông của khu vực, mương chảy uốn lượn theo hướng Nam - Bắc sau đó đổ vào khe Tiên Lai - là nhánh sông cấp 1 của sông Sa Lung, khe Tiên Lai chảy theo hướng Tây - Đông khoảng 850m rồi hợp lưu với sông Sa Lung. Sông Sa Lung hợp lưu với sông Bến Hải tại ngã ba cầu Hiền Lương, sau đó sông Bến Hải đổ ra biển tại thị trấn Cửa Tùng.

Hiện nay chưa có nghiên cứu chế độ thủy văn cụ thể của tuyến mương thủy lợi, tuy nhiên thực trạng cho thấy khu vực là đất thấp trũng, mùa hè đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho đồng ruộng lúa 02 vụ nên mương hầu như lúc nào cũng có nước, về mùa mưa thì khu vực thường ngập nước do chịu chế độ mưa lũ của sông Sa Lung và sông Bến Hải.

Sông Sa Lung dài 41,5km, diện tích lưu vực 397km², chiều dài lưu vực 31km, độ cao bình quân lưu vực 75km. Sông là nguồn phù sa bồi đắp cho các cánh đồng ven hai bên sông; cung cấp nước ngọt dồi dào cho sản xuất nông nghiệp của các xã Vĩnh Long, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, đồng thời còn là nơi điều hoà chế độ nhiệt ẩm cho khu vực, nhất là vào mùa hè. Sông chảy theo hướng Bắc Nam rồi hợp lưu với sông Bến Hải (gần cầu Hiền Lương).

Theo Báo cáo Quy hoạch tổng thể tài nguyên nước tỉnh Quảng Trị đến năm 2010, có định hướng 2020 thì đặc điểm thủy văn sông Bến Hải đo tại trạm Gia Vòng như sau:

Bảng 2.5. Đặc trưng tính toán thủy văn của sông Bến Hải

Tên sông - trạm	Diện tích lưu vực (km ²)	Các đặc trưng chuẩn				
		Q ₀ (m ³ /s)	M ₀ (l/skm ²)	Y ₀ (mm)	W ₀ (10 ⁶ m ³)	X ₀ (mm)
Sông Bến Hải - Gia Vòng	300	14,8	49,3	1.556	466,8	2.624,2

- Phân phối dòng chảy theo các tháng trong năm (tính chu kỳ 28 năm từ 1977-2004):

Bảng 2.6. Phân phối dòng chảy theo các tháng trong năm tại Sông Bến Hải - Gia Vòng

Đặc trưng dòng chảy	Tháng											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Q (m ³ /s)	8,84	4,98	3,30	3,12	5,16	3,94	2,12	3,88	21,3	50,7	45,5	21,8

Nhìn chung, biên độ dao động dòng chảy sông Bến Hải tháng trong năm khá lớn. Lượng dòng chảy tháng lớn nhất (tháng 10) là 50,7 m³/s chiếm tới 29,03% tổng lượng dòng chảy cả năm. Lượng dòng chảy tháng kiệt nhất (tháng 7) là 2,12 m³/s chiếm 1,21% tổng lượng dòng chảy năm. Dòng chảy ba tháng lớn nhất là các tháng 10, 11, 12 và ba tháng kiệt nhất là các tháng 3, 4, 7.

2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Linh

- Nông - lâm - ngư nghiệp:

+ Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc thu hoạch lúa vụ Đông - Xuân và chuẩn bị sản xuất vụ Hè - Thu. Một số loại cây trồng khác có diện tích cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Triển khai kế hoạch chuyển đổi đất lúa 1 vụ hoặc có khả năng khô hạn sang trồng các loại cây trồng khác. Xây dựng kế hoạch sản xuất lúa hữu cơ vụ Hè Thu 2023 ở các xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Long, Vĩnh Thủy với diện tích 130 ha. Tiếp tục thực hiện Đề án “phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới 3 xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà giai đoạn 2021-2025” năm 2023. Triển khai Đề án bố trí ổn định dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở đến tập trung tại vùng Cù Bạc, xã Vĩnh Ô.

+ Chỉ đạo công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, phòng chống nắng nóng cho đàn vật nuôi; chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh. Tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản năm 2023; chỉ đạo tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ. Tiếp tục hỗ trợ Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị triển khai thực hiện Dự án nuôi trồng chế biến thủy sản.

+ Trong khoảng thời gian từ đêm 07/5 đến rạng sáng ngày 08/5/2023 trên địa bàn huyện đã xảy ra dông, lốc, gió giật mạnh gây thiệt hại về tài sản của Nhân dân và năng

suất lúa đang thu hoạch, tổng thiệt hại khoảng 2,712 tỷ đồng. UBND huyện đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị kịp thời khắc phục hậu quả đồng, lốc gây ra.

- Công nghiệp, xây dựng:

+ Tháng 5/2023, ngành công nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục sản xuất có hiệu quả dựa trên tiềm năng, lợi thế của địa phương. Giá trị sản xuất CN - TTCN (Giá so sánh năm 2010) ước thực hiện đạt 125.086 triệu đồng, tăng 14,75% so với cùng kỳ; trong đó: khu vực nhà nước đạt 28.720 triệu đồng, khu vực ngoài quốc doanh đạt 96.366 triệu đồng. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

+ Tiếp tục thực hiện Kế hoạch năm 2023 Đề án phát triển công nghiệp huyện Vĩnh Linh. Kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng và sản xuất tại Cụm công nghiệp Cửa Tùng; phối hợp thúc đẩy đầu tư kết cấu hạ tầng tại KCN Tây Bắc Hồ Xá; tổ chức khảo sát bổ sung quy hoạch Cụm công nghiệp phía Tây và thành lập Cụm công nghiệp vùng Đông huyện Vĩnh Linh.

+ Công tác khuyến công được chú trọng; tổ chức kiểm tra các cơ sở, doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ khuyến công năm 2023; phối hợp thẩm định đề án khuyến công tỉnh của HTX Nông nghiệp sạch Tây Sơn, xã Vĩnh Chấp.

+ Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng, triển khai thực hiện các dự án được HĐND huyện thông qua. Đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý trong tháng 5/2023 ước thực hiện 15,83 tỷ đồng; trong đó, ngân sách huyện: 12,33 tỷ đồng; ngân sách xã: 3,5 tỷ đồng.

- Giao thông - Vận tải và Thương mại - Dịch vụ:

+ Hoạt động giao thông vận tải tiếp tục có những bước phát triển, cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư nâng cấp, mở rộng tạo điều kiện thuận lợi, phục vụ tốt vận chuyển hàng hoá và hành khách đi lại trên địa bàn. Doanh thu vận tải trong tháng 5/2023 ước đạt 18.86 triệu đồng, tăng 14,03% so với cùng kỳ 2022. Vận tải hàng hoá đạt 153.000 tấn, luân chuyển hàng hoá 3.180.000 tấn/km; vận tải hành khách 146.000 lượt người, luân chuyển 3.490.000 HK.km.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng 5/2023 ước thực hiện 643.410 triệu đồng, tăng 16,67% so với cùng kỳ; trong đó bán lẻ ước đạt 568.860 triệu đồng, tăng 16,84% so với cùng kỳ.

+ Chỉ đạo tổ chức kiểm tra chất lượng hàng hóa tại các chợ, cơ sở kinh doanh trên địa bàn huyện; xử lý chiếm giữ tài sản công các lô quầy tại Chợ Do

2.1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội xã Vĩnh Lâm

- Trồng trọt: Công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo đúng kế hoạch, khung lịch thời vụ, điều kiện khí hậu thuận lợi, chủ động theo dõi tình hình sâu bệnh, tuy nhiên vụ đông xuân do ảnh hưởng của mưa lớn thất thường từ 31/3 đến 03/4/2022 đã làm cho 343 ha lúa Đông xuân ngã đổ, ước thiệt hại 350 triệu đồng; Vụ hè thu thời tiết tương đối khắc nghiệt nên sản xuất NN năm 2022 chưa đạt so với nghị quyết đề ra. Thực hiện mô hình cánh đồng lớn tại 06 HTX với tổng diện tích 2 vụ 730ha. Mô hình liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ với tổng diện tích 15,6ha.

- Chăn nuôi: Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi ít phát sinh, tuy nhiên do giá thành thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá cả thịt hơi không ổn định do vậy tổng đàn lợn và gia cầm phát triển chậm, không ổn định.

Công tác phòng chống dịch bệnh đặc biệt là dịch cúm gia cầm được thực hiện tốt. UBND xã khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, thực hiện “Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng.Tổ chức tiêm phòng theo kế hoạch của UBND huyện

- Nuôi trồng thủy sản: Trong năm 2022, diện tích nuôi cá nước ngọt và nuôi tôm ổn định. Tổ HTNTTS phối hợp với TT khuyến công tỉnh, huyện triển khai 01 mô hình nuôi tôm công nghệ 2 giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học với diện tích 5 ha. Kết quả đánh giá vụ 1 bị thiệt hại do dịch bệnh nên sản lượng thấp, nuôi vụ 2 phát triển tốt, sản lượng thu hoạch cả năm đạt 52 tấn, lợi nhuận 9,1 tỷ đồng.

- Ngành nghề dịch vụ: Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ trên bàn xã diễn ra thuận lợi phục vụ nhu cầu mua bán của bà con trong và ngoài địa bàn. Chợ Tiên Mỹ, Lâm Cao hoạt động có hiệu quả. Đến nay trên địa bàn toàn xã có trên 333 hộ kinh doanh cá thể (công nghiệp 79 hộ, Thương mại 169 hộ, dịch vụ 61, vận tải 07 hộ); 14 doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực; 02 Tổ hợp tác may công nghiệp trên địa bàn Duy Viên, Tiên Mỹ 1 với quy mô trên 30 công nhân/ xưởng đã góp phần giải quyết nhu cầu việc làm cho nhân dân trên địa bàn xã. Phối hợp với TT khuyến công tỉnh, huyện khảo sát các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ và chế biến đề nghị nhà nước hỗ trợ theo chương trình khuyến công huyện năm 2022 cho 01 hộ kinh doanh tại địa bàn thôn Lâm Cao (30 triệu đồng).

2.1.4. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Căn cứ khoản 4 Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP các yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án như sau:

- Dự án sẽ thu hồi 1,081 ha đất lúa. Việc chiếm dụng đất lúa sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu nhập, kinh tế của 06 hộ bị thu hồi đất thuộc xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh.

- Ngoài ra, tuyến đường Quốc lộ 1A tiếp giáp Dự án có lưu lượng và vận tốc các phương tiện vận tải hạng nặng cao, gây mất an toàn giao thông an toàn cho người dân và gia súc chăn thả trong vùng.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

2.2.1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực, báo cáo tham khảo các dữ liệu hiện trạng môi trường từ báo cáo tổng hợp kết quả Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022 và báo cáo ĐTM của dự án Đầu tư xây dựng và phát triển

hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tại tỉnh Quảng Trị của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị (thời gian lấy mẫu từ ngày 25/4/2019 đến ngày 28/5/2019) do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị thực hiện.

a. Dữ liệu môi trường không khí và tiếng ồn

Bảng 2.7. Dữ liệu môi trường không khí và tiếng ồn

T T	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích					QCVN 05:2013/ BTNMT (trung bình 1h)
			K18	K30 Tháng 3	K30 Tháng 5	K30 Tháng 9	K30 Tháng 11	
1	Nhiệt độ	°C	34,3	23,8	31,4	35,4	27,4	-
2	Độ ẩm	%	57	86	64	55	88	-
3	Tốc độ gió	m/s	2,6	1,3	1,5	1,2	1,3	-
4	Bụi	µg/m ³	194	271	245	343	195	300
5	Độ ồn	dBA	61,8	70,2	68,9	68,4	67,6	70 ⁽¹⁾
6	SO ₂	µg/m ³	25	22	19	26	27	50
7	NO ₂	µg/m ³	26	9	22	9	12	200
8	CO	µg/m ³	2.031	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	30.000

Ghi chú:

- K30: Tại điểm giao giữa Quốc lộ 1A, gần chợ Hồ Xá, thị trấn Hồ Xá (mẫu quan trắc mạng lưới).

- K18 - Tại vị trí dự án thuộc Trạm y tế xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh (mẫu ĐTM hệ thống y tế)

Nhận xét: Kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, hầu hết các thông số đo đạc, phân tích đánh giá hiện trạng chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn tại các thời điểm khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT, riêng độ bụi và tiếng ồn ở vị trí K30 đã có dấu hiệu ô nhiễm, do vị trí quan trắc trên Quốc lộ 1A, gần chợ và trung tâm Thị trấn Hồ Xá nên chịu nhiều tác động bởi hoạt động của con người, phương tiện qua lại.

b. Dữ liệu môi trường nước mặt

Bảng 2.8. Dữ liệu môi trường nước mặt

Báo cáo ĐTM dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm					QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)
			NM21	SL3 Tháng 3	SL3 Tháng 5	SL3 Tháng 9	SL3 Tháng 10	
1	Nhiệt độ	°C	-	22,1	27,4	30,4	26,6	-
2	pH	-	6,1	6,4	6,8	7,2	6,9	5,5 - 9
3	TSS	mg/l	12	17,4	7,0	17,2	14,0	50
4	DO	mg/l	5,7	5,8	6,1	6,4	6,1	≥4
5	BOD ₅	mg/l	1,7	2,0	1,9	2,0	2,0	15
6	COD	mg/l	8	11	12	16	12	30
7	NH ₄ -N	mg/l	0,71	0,05	0,09	0,03	0,07	0,9
8	NO ₃ -N	mg/l	0,25	0,37	0,07	0,46	0,73	10
9	PO ₄ -P	mg/l	KPH (0,04*)	KPH (0,03*)	KPH (0,03*)	KPH (0,03*)	KPH (0,03*)	0,3
10	Fe	mg/l	0,15	0,65	KPH (0,021*)	0,16	0,36	1,5
11	Florua	mg/l	-	0,68	0,7	0,6	0,7	1,5
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH (0,18*)	KPH (0,3*)	KPH (0,3*)	KPH (0,3*)	KPH (0,3*)	1
13	E.Coli	MPN/100ml	-	12	18	22	21	100
14	Coliform	MPN/100ml	6	945	697	453	478	7500

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt - Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện.

- SL3: Điểm tại thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, cách điểm giao nhau với sông Bến Hải khoảng 2km về phía thượng lưu (mẫu quan trắc mạng lưới).

- NM 21: Tại khe Tiên Lai cách vị trí xây dựng Trạm Y tế xã Vĩnh Lâm khoảng 700m về phía Nam (mẫu ĐTM hệ thống y tế).

Nhận xét: Kết quả ở bảng trên cho thấy: Hầu hết các thông số đánh giá chất lượng nước mặt đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B1 - QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

c. Dữ liệu môi trường nước dưới đất

Bảng 2.9. Dữ liệu môi trường nước dưới đất

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm									QCVN 09-MT:2015/BTNMT
			N1T2	N1T4	N1T8	N1T10	N28T2	N28T4	N28T8	N28T10	N18	
1	pH	-	6,7	6,1	6,5	6,0	6,0	5,7	6,5	6,1	6,3	5,5-8,5
2	TDS	mg/l	202	73	54	13	47	50	159	40	374	1.500
3	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	84	30	21	9	29	24	26	25	183	500
4	Clorua	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	49	250
5	NH ₄ -N	mg/l	0,05	KPH (0,02*)	2,54	KPH (0,02*)	0,03	KPH (0,02*)	KPH (0,02*)	KPH (0,02*)	KPH (0,02*)	1
6	NO ₂ -N	mg/l	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	KPH (0,01*)	1
7	NO ₃ -N	mg/l	0,65	0,71	0,06	0,42	0,16	0,21	0,29	0,31	KPH (0,04*)	15
8	Fe	mg/l	KPH (0,030*)	KPH (0,030*)	1,37	KPH (0,030*)	KPH (0,030*)	KPH (0,030*)	0,058	0,056	0,039	5
9	Sunphat	mg/l	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	KPH (3*)	28	400
10	Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	4	3
11	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- QCVN 09-MT:2015/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- KPH: Không phát hiện
- N1: Tại giếng khoan khu vực nuôi tôm xã Vĩnh Sơn (mẫu quan trắc mạng lưới)
- N28: Tại giếng khoan khu vực nuôi tôm xã Hiền Thành (mẫu quan trắc mạng lưới)
- NN3: Tại giếng khoan hộ ông Nguyễn Anh Giáo, thôn Tiên Lai, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh (mẫu ĐTM hệ thống y tế)

Nhận xét: Kết quả tại bảng trên cho thấy: Hầu hết các thông số đánh giá chất lượng nước dưới đất đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

2.2.1.2. Đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường

Để đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án, Đơn vị tư vấn đã phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng tổ chức khảo sát, lấy mẫu vào ngày 16/6/2023, kết quả cụ thể như sau:

a. Hiện trạng môi trường không khí và tiếng ồn

- Vị trí lấy mẫu như sau:

Bảng 10a. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí và tiếng ồn

Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ VN2000 KTT 105, múi chiều 3°	
		X (m)	Y (m)
KK1	Điểm nằm trên Trung tâm khu vực dự án	1.881.231	582.679
KK2	Điểm nằm trên Quốc lộ 1A, tại ngã tư tuyến đường liên thôn phía Nam dự án	1.881.049	582.623

- Chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn thể hiện ở bảng sau:

Bảng 10b. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
			KK1	KK2	
1	Nhiệt độ	°C	37,7	36,5	-
2	Độ ẩm	%	53,5	52,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,6	-
4	Bụi lơ lửng	µg/m ³	178,5	209,4	300
5	SO ₂	µg/m ³	66,5	63,2	350
6	NO ₂	µg/m ³	60,0	58,8	200
7	CO	µg/m ³	2710	2724	30.000
8	Tiếng ồn	dB(A)	66,0	62,1	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ);

- (-) Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, các thông số quan trắc hiện trạng chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

b. Hiện trạng môi trường nước mặt

- Vị trí lấy mẫu nước mặt được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11a. Mô tả vị trí lấy mẫu nước mặt

Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ VN2000 KTT 105, múi chiều 3°	
		X (m)	Y (m)
NM1	Nước mặt tại mương nước phía Nam khu vực dự án	1.881.040	582.635
NM2	Nước mặt tại mương nước phía Đông khu vực dự án	1.881.071	582.697

- Chất lượng môi trường nước mặt thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11b. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015 /BTNMT (Cột B1)
			NM1	NM2	
1	pH	-	7,23	7,26	5,5-9
2	COD	mg/l	22,4	23,7	30
3	DO	mg/l	4,56	4,62	≥4
4	BOD ₅	mg/l	11,5	12	15
5	TSS	mg/l	26	27	50
6	PO ₄ -P	mg/l	0,12	0,14	0,3
7	NO ₃ -N	mg/l	0,66	1,03	10
8	NH ₄ -N	mg/l	0,35	0,27	0,9
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	0,4	0,5	1
10	Coliform	mg/l	2.100	2.600	7.500

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt. B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

- KPH: Không phát hiện.

- Phương pháp phân tích và đo đạc được thể hiện trong phiếu kết quả thử nghiệm phân phụ lục.

Nhận xét: Kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép tại cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

c. Hiện trạng môi trường nước dưới đất

- Vị trí lấy mẫu nước dưới đất được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 12a. Mô tả vị trí lấy mẫu nước dưới đất

Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ VN2000 KTT 105, múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
NN1	Nước giếng khoan hộ ông Trần Vũ Dũng, thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn nằm cách khu vực dự án khoảng 400m về phía Đông.	1.881.180	582.105

- Chất lượng môi trường nước dưới đất thể hiện ở bảng sau:

Bảng 12b. Kết quả quan trắc chất lượng nước dưới đất

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
			NN	
1	pH	-	6,35	5,5-8,5
2	Độ cứng	mgCaCO ₃ /l	189,5	500
3	TDS	mg/l	305	1500
4	NO ₃ -N	mg/l	0,3	15
5	NH ₄ -N	mg/l	0,16	1
6	Sunphat	mg/l	61,12	400
7	Fe	mg/l	0,31	5
8	Coliform	MPN/100ml	KPH	3
9	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH

Ghi chú:

- QCVN 09 - MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- (-): Không quy định.

- KPH: Không phát hiện. (*): Giới hạn phép hiện (LOD).

Nhận xét: Kết quả phân tích mẫu nước dưới đất tại bảng trên cho thấy, tất cả các thông số đánh giá chất lượng nước dưới đất nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học [4]

2.2.2.1. Dữ liệu về đa dạng sinh học

Hệ sinh thái trong khu vực có những đặc điểm như sau: Theo Báo cáo kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị đặc trưng thảm thực vật tại các công trình chủ yếu hình thành và phát triển trên lớp đất bị bào mòn và các vùng đất mới được cải tạo để phục vụ cho mục đích nông nghiệp nói riêng và sinh hoạt của con người

nói chung. Vì vậy, thảm thực vật trên cạn phần lớn là cây họ lúa, thực vật hoang dại lại những cây thân bụi, thân cỏ chịu hạn, ưa sáng, phát triển trên đất không giàu chất dinh dưỡng, thậm chí một số nơi bị chua phèn.

+ Ngoài những cây lúa nước thuộc chi *Oryza*, người dân còn trồng các loại hoa màu như: khoai lang (*Ipomoea batatas*), khoai môn (*Colocasia antiquorum*), bầu (*Lagernaria siceraria*), bí (*Benincasa pepo*), ngô (*Zea mays*).

+ Dọc hai bên bờ ruộng, kênh mương là những cây thân thảo và bụi mọc trên các vùng đất cải tạo làm bờ ruộng như: họ cúc (*Asteraceae*), họ cỏ (*Poaceae*), họ cói (*Cyperaceae*), họ cà (*Solanaceae*). Trong đó loài phổ biến và chiếm ưu thế là lúc (*Pluchea indica*), sơn cúc (*Wedelia biflora*), cỏ may (*Chrysopogon aciculatus*), cỏ chân vịt (*Dactyloctenium egypticum*)...

- Thực vật dưới nước bao gồm các nhóm thực vật nổi như tảo lam, tảo silic, tảo lục. Thực vật đáy tương đối nghèo, các loài nghi nhận được phần lớn là các loài thực vật thủy sinh sống chìm một phần hoặc chìm hoàn toàn trong nước như các loài ô rô gai, năng, cỏ chát, rong khét, rong bột...

Nói chung, tài nguyên sinh vật của các hệ sinh thái này không phong phú và chủ yếu bị tác động bởi các hoạt động của con người. Riêng hệ sinh thái thủy vực các con sông lớn còn chịu nhiều tác động của các hoạt động tự nhiên như khí hậu, thủy văn và thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán...).

- Đặc trưng về hệ động vật tại các công trình: Qua khảo sát khu vực thực hiện các công trình không có loài động vật quý hiếm nào thuộc sách đỏ Việt Nam và thế giới, chủ yếu là một số loài thuộc các nhóm sau:

+ Các loài động vật không xương sống thuộc nhóm động vật đất như: Giun đất, giun khoang..., các loài côn trùng, ấu côn trùng của chúng như: chuồn chuồn, cào cào, châu chấu, dế mèn, rầy xanh, bọ xít, bướm, tò vò, ruồi nhà, ruồi trâu, kiến... Các loài này thường phát triển trên hệ sinh thái đồng ruộng dọc các kênh mương.

+ Động vật có xương sống bao gồm những loài thuộc lớp ếch nhái (*Amphibia*) như: loài nhái, ếch đồng, chàng hươu, ếch ương, cóc nhà...; bò sát (*Reptilia*) như: thạch sùng, thằn lằn bóng, nhông cát, tắc kè, rắn nước, rắn cạp nong, rắn cỏ đỏ (*Rhabdophis saravacensis*)...; các loài chim bay (*Volantes*) chủ yếu thuộc bộ Sẻ, nhóm ăn sâu bọ có thành phần loài và mật độ cá thể chiếm ưu thế như: chào mào, chích choè, sơn ca, bách thanh, chèo bẻo, chích nâu, đớp ruồi, sẻ nhà...; ngoài ra còn có một số loài chim khác như: điều hâu, cu gáy, bìm bịp, cú lợn, sả đầu nâu, bói cá, cò bọ...

+ Khu hệ thú (*Mammalia*): chỉ gặp các loài thú nhỏ gần người như: chuột chù, chuột nhà, chuột cống, chồn bạc má,...và các loài gia cầm như gà (*Gallus gallus domesticus*), vịt nhà (*Anas platyrhynchos*); gia súc như: bò (*Bibos gaurus*), trâu

(Bubalus bubalis), chó nhà (Canis dingo), mèo nhà (Felis bengalensis), thỏ nhà (Oricholagus cuniculus),...

Động vật dưới nước: Bao gồm hệ sinh thái vùng sông Bến Hải, Thạch Hãn, Cánh Hòm, hệ sinh thái trong kênh mương, ao hồ, đồng ruộng. Có thể chia thành các nhóm với thành phần các loài động vật thủy sinh như sau:

+ Động vật nổi: các nhóm giáp xác Râu Ngành, Trùng bánh xe, Giáp xác chân chèo.

+ Động vật đáy: chủ yếu là các ấu trùng, côn trùng thuộc họ hai cánh, cánh lông, phù du, chuồn chuồn.

+ Khu hệ cá ở đây chủ yếu là các loài cá kích thước nhỏ và số lượng không nhiều, một số loài thường gặp là cá mương, cá bóng, cá chình sông, móm, cá cẵng, cá đối lá.

2.2.2.2. Hiện trạng về đa dạng sinh học

Qua khảo sát thực tế, tham vấn ý kiến cộng đồng cũng như tham khảo một số nguồn tài liệu từ các kết quả điều tra trước đây khu vực thực hiện các công trình của Dự án có chung hiện trạng tài nguyên sinh học như sau: Hệ sinh thái thủy vực sông Sa Lung, Bến Hải; Hệ sinh thái thủy vực các kênh mương, ao hồ và hệ sinh thái đồng ruộng. Trong đó:

- Thực vật trên cạn bao gồm lúa, cây bụi, tràm trồng,...

- Thực vật dưới nước bao gồm các nhóm thực vật nổi như tảo lam, tảo silic, tảo lục. Thực vật đáy tương đối nghèo, các loài nghi nhận được phần lớn là các loài thực vật thủy sinh sống chìm một phần hoặc chìm hoàn toàn trong nước như các loài ô rô gai, năng, cỏ chát, rong khét, rong bột...

- Hệ động vật dưới nước: Bao gồm hệ sinh thái vùng sông, hệ sinh thái trong khe suối, ao hồ, đồng ruộng. Có thể chia thành các nhóm với thành phần các loài động vật thủy sinh như sau:

+ Động vật nổi: các nhóm giáp xác Râu Ngành, Trùng bánh xe, Giáp xác chân chèo.

+ Động vật đáy: chủ yếu là các ấu trùng, côn trùng thuộc họ hai cánh, cánh lông, phù du, chuồn chuồn.

+ Khu hệ cá ở đây chủ yếu là các loài cá kích thước nhỏ và số lượng không nhiều, một số loài thường gặp là cá mương, cá bóng, cá chình sông, móm, cá cẵng, cá đối lá.

- Hệ động vật trên cạn: Kết quả điều tra, khảo sát trong và lân cận khu vực Dự án cho thấy chủ yếu là một số loài thuộc các nhóm sau:

+ Các loài động vật không xương sống thuộc nhóm động vật đất như: Giun đất, các loài côn trùng như: chuồn chuồn, cào cào, châu chấu, dế mèn, rầy xanh, bọ xít, bướm, tò vò, kiến...

+ Động vật có xương sống bao gồm những loài thuộc lớp Lưỡng cư như: loài nhái, ếch đồng, chàng hươu, ếch ương,...; bò sát như: thạch sùng, thằn lằn bóng, tắc kè, rắn nước,...; các loài chim bay chủ yếu thuộc bộ Sẻ, nhóm ăn sâu bọ có thành phần loài và mật độ cá thể chiếm ưu thế như: chào mào, chích choè, chèo bẻo, chích nâu, đớp ruồi, sẻ nhà...

+ Lớp thú bao gồm các loài gần con người như: chuột, chim,... và các loài gia cầm như gà, vịt; gia súc như: trâu, bò, lợn,....

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

* Các đối tượng bị tác động:

- Môi trường không khí khu vực dự án, dọc tuyến đường vận chuyển và CBCNV trong giai đoạn thi công xây dựng;

- Môi trường nước mặt của khe Tiên Lai và sông Sa Lung;

- Môi trường nước dưới đất của khu vực.

* Yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án:

- Các yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP:

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 1,0811 ha đất lúa;

- Ngoài ra, các yếu tố nhạy cảm về môi trường khác cũng cần phải quan tâm, xem xét trong quá trình triển khai thực hiện Dự án như:

+ Tuyến đường Quốc lộ 1A có lưu lượng và vận tốc các phương tiện vận tải hạng nặng cao, đi qua gây mất an toàn giao thông an toàn cho người dân và gia súc chăn thả trong vùng.

+ Nguồn nước mặt của khu vực Dự án nếu các chất thải không được quan tâm xử lý đảm bảo.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

- Về giao thông: Dự án nằm sát bên tuyến Quốc lộ 1A, tuyến tránh cầu Hiền Lương, đây là tuyến đường có mật độ phương tiện giao thông qua lại đông đúc nên thuận lợi để đầu tư kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp.

- Khu vực Dự án mặc dù là vùng ruộng lúa nhưng có nền địa chất khá ổn định, không có hiện tượng sụt lún thất thường.

- Khu vực có nguồn cấp điện, internet khá thuận lợi.

- Khu vực có khả năng thoát nước tốt.

- Hiện trạng môi trường khu vực dự án chưa bị ô nhiễm, chưa chịu tác động bởi việc phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

Mặc dù vậy, khu vực hiện trạng là đất lúa nên phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng, ảnh hưởng đến thu nhập từ canh tác của các hộ dân. Bên cạnh đó, khu vực có chênh lệch cos địa hình so với cos mặt đường Quốc lộ 1A khoảng 3,5m - 4m nên khối lượng san nền lớn, ảnh hưởng đến chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Qua phân tích cho thấy vị trí có nhiều ưu điểm, các hạn chế có thể khắc phục được trong năng lực của Chủ đầu tư.

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Các hạng mục được xây dựng xen kẽ hoặc đồng thời tùy vào điều kiện thực tế, với thời gian thi công xây dựng dự kiến là 16 tháng và bắt đầu từ năm 2023. Các tác động trong quá trình thi công xây dựng được phân tích theo bảng sau:

Bảng 3.1. Các tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng

TT	Hoạt động	Tác nhân liên quan đến chất thải	Tác nhân không liên quan đến chất thải	Sự cố môi trường	Đối tượng tác động
1	- Thu hồi đất - Rà phá bom mìn	CTR sinh khối thực vật (rom rạ, cỏ dại)	- Tác động đến KT-XH - Xáo trộn hoạt động sản xuất của người dân bị ảnh hưởng.	- Cháy nổ do bom mìn	- Người dân bị thu hồi đất. - Công nhân thi công.
2	Đào đắp, san nền	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung - Sự cố ngập úng	- Tai nạn lao động	- Ruộng lúa người dân - Hệ thống kênh tưới tiêu thủy lợi lân cận - Công nhân thi công
3	Vận chuyển nguyên vật liệu	- Bụi, khí thải - CTR	- Tiếng ồn, rung	- Tai nạn giao thông	- Khu dân cư có tuyến đường vận chuyển đi qua - Người tham gia giao thông. - Công nhân thi công.
5	Xây dựng công trình	- Bụi, khí thải - CTR - Nước thải xây dựng	- Tiếng ồn, rung - Ảnh hưởng đến dòng chảy	- Tai nạn lao động	- Khu dân cư lân cận. - Công nhân thi công.
6	Sinh hoạt của CBCNV	- Nước thải sinh hoạt - CTR	- Mất an ninh, trật tự	- Cháy nổ do chập điện	- Thủy vực tiếp nhận khe Tiên Lai, sông Sa Lung. - Môi trường đất tại công trường
7	Nước mưa chảy tràn	- Nước mưa cuốn theo các chất ô nhiễm: đất cát, CTR...	- Hư hỏng các công trình. - Ngập úng cục bộ.		- Ruộng lúa của người dân - Công nhân thi công

3.1.1.1. Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất

Dự án sẽ chiếm dụng 1,0811ha đất trồng lúa của 06 hộ dân thuộc xã Vĩnh Lâm. Hoạt động này sẽ làm giảm diện tích đất trồng lúa của địa phương và làm giảm tổng sản lượng lương thực.

+ Việc chiếm dụng đất lúa sẽ làm ảnh hưởng đến nhu cầu lương thực cũng như thu nhập của các hộ bị mất đất. Năng suất lúa trung bình khu vực tỉnh Quảng Trị khoảng 300kg/sào (01 sào tương đương 500m²), mỗi năm người dân sản xuất 2 vụ, như vậy sản lượng lúa bị mất hàng năm do chiếm dụng đất khoảng 12.973,2 kg/năm.

+ Về diện tích, với diện tích đất là bị mất là 1,0811ha trong tổng số 1.341ha đất trồng lúa của xã Vĩnh Lâm (Số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2022), chiếm 0,08%, diện tích này chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất trồng lúa của xã Vĩnh Lâm.

Như vậy, việc thực hiện dự án nếu không có phương án đền bù hợp lý, không làm việc cụ thể với người dân bị ảnh hưởng và kinh phí đền bù không thỏa đáng cho các hộ dân bị mất đất ở, đất sản xuất thì khả năng dẫn đến các mâu thuẫn gây tranh chấp, ảnh hưởng đến an ninh khu vực. Để Dự án thực hiện thành công thì việc tiên quyết đầu tiên là phải thực hiện đền bù thỏa đáng cho các hộ dân bị mất đất. Công việc này cần Chủ dự án phối hợp của các ban ngành liên quan và Chính quyền địa phương đến từng hộ gia đình bị ảnh hưởng.

Việc mất đất trồng lúa đã được đánh giá tác động, đưa vào kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất của huyện Vĩnh Linh để có kế hoạch cân đối hợp lý. Đối với đất trồng lúa chủ dự án đã thỏa thuận đền bù đối với 06 hộ dân cư, hiện nay đang thực hiện hồ sơ để chuyển mục đích sử dụng đất lúa phù hợp với Dự án.

Theo Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác quy định xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt. Chủ dự án xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt với diện tích 1,0811ha chuyển đổi đất trồng lúa sang đất thương mại dịch vụ, lượng đất mặt sẽ được tận dụng hoàn toàn để phục vụ cho trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án sau này.

3.1.1.2. Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng

** Đánh giá tác động do quá trình phát quang thảm thực vật*

- Trước khi triển khai các hoạt động san ủi, đào đắp, thi công xây dựng Dự án sẽ tiến hành phá bỏ các loại cây cối nằm trong khu vực Dự án.

- Qua khảo sát trong khu vực chiếm dụng đất 14.208 m² có 10.811 m² đất lúa, và còn lại là cỏ dại. Khi thực hiện triển khai dự án, phải tiến hành phá bỏ thảm thực vật, phát sinh một lượng sinh khối.

- Dự án hiện tại có 10.811m² đất lúa, theo Viện Sinh học nhiệt đới, mức sinh khối của đất trồng lúa, trồng hoa màu trung bình là 5 tấn/ha. Như vậy, ước tính khối lượng sinh khối phát sinh: 1,0811 ha x 5 tấn/ha = 5,4 tấn. Tuy nhiên, lúa trong khu vực giải phóng mặt bằng sẽ được người dân thu hoạch trước khi triển khai thực hiện Dự án nên sinh khối từ diện tích này là không lớn.

** Xây dựng các công trình phụ trợ (lán trại, bãi tập kết nguyên vật liệu, đường vận chuyển, thi công...):*

- Để phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng, trong giai đoạn này chủ dự án và nhà thầu sẽ xây dựng các công trình phục vụ cho thi công như: Bãi vật liệu xây dựng, mặt bằng lán trại, kho bãi phục vụ thi công, bãi thải tạm. Bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ bạt kín. Bãi tập kết vật liệu được dự tính đặt ở ngay trong khu vực dự án, nên không cần phải làm mặt bằng cho bãi tập kết vật liệu.

- Nhà thầu sẽ lắp dựng 01 lán trại dạng container trong đó bố trí chỗ ăn ngủ, có điện, nước cho công nhân và lực lượng quản lý, phần lớn công nhân là thuê lao động tại địa phương nên tự túc về nhà ở.

Các hoạt động này sẽ làm phát sinh bụi, khí thải và CTR (đất, đá...) ra môi trường xung quanh (việc đánh giá chi tiết sẽ trình bày cụ thể trong giai đoạn thi công dự án). Do đó, để giảm thiểu các tác động Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp quản lý và thu gom, xử lý chất thải hợp lý.

3.1.1.3. Đánh giá tác động đến môi trường của hoạt động GPMB

** Rà phá bom mìn:*

Bom mìn và vật nổ còn sót lại sau chiến tranh sẽ được rà phá cẩn thận để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án và đảm bảo an toàn cho công trình. Diện tích thực hiện rà phá bom mìn sẽ được thực hiện là 14.208 m².

Công tác này sẽ được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng về rà phá bom mìn của quân đội. Trong quá trình rà phá bom mìn thường sẽ gây nguy hiểm cho con người nếu tiếp cận khu vực thực hiện. Nếu sự cố cháy nổ do bom mìn xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân cũng như người dân gần khu vực dự án.

3.1.1.4. Đánh giá tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị.

** Bụi và khí thải từ vận chuyển nguyên vật liệu thi công*

Quá trình thi công xây dựng sẽ sử dụng các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hoạt động với mật độ cao, quá trình sẽ phát sinh nguồn ô nhiễm môi trường không khí như bụi, CO, NO_x, HC. Dựa vào nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình thi công của Dự án để tính toán nồng độ bụi và khí thải phát sinh như sau:

- Tổng hợp khối lượng nguyên, vật liệu thi công xây dựng của Dự án theo dự toán từng hạng mục công trình (theo bảng 1.4), 65.481,4 tấn, lượng tận dụng tại chỗ là 6.399,7 tấn, lượng vận chuyển đến chân công trình là 59.081,7 tấn. Dự án sử dụng phương tiện vận chuyển có trọng tải trung bình 10T, từ đó khối lượng lượt xe vận chuyển (không tính khối lượng đất đào) được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 3.2. Số lượt xe cần thiết để vận chuyển

TT	Thông số	Đơn vị	Khối lượng
1	Khối lượng vận chuyển	tấn	59.081,7
2	Số chuyến (Sử dụng xe tải trọng 10T vận chuyển)	chuyến	5.908
3	Tổng lượt xe (đi và về)	lượt xe	11.816
4	Trung bình lượt xe hàng ngày	lượt xe/ngày	33

Ghi chú: Thời gian thi công là 12 tháng, một tháng thi công 30 ngày, một ngày 8h

- Tải lượng các chất ô nhiễm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như vận tốc xe chạy, phân khối động cơ, chất lượng động cơ, nhiên liệu tiêu thụ, quãng đường đi. Theo QCVN 86:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới, giá trị giới hạn khí thải của động cơ xe ô tô chạy bằng dầu diesel như sau:

Bảng 3.3. Giá trị giới hạn khí thải của xe động cơ chạy bằng diesel

Khối lượng xe (kg)	Giá trị giới hạn khí thải (g/km)			
	CO	NO _x	HC	Bụi (PM)
1.760 < Rm	0,74	0,39	0,07	0,06

Trong đó: HC: Hydrocacbon, đối với xe chạy dầu diesel có công thức là C₁H_{1,86}.

- Với số lượt xe vận chuyển nguyên vật liệu trung bình là 33 lượt/ngày, tương đương ~4 xe/h (ngày làm 8 tiếng). Dựa vào giá trị giới hạn khí thải động cơ theo QCVN 86:2015/BGTVT, ước tính được tải lượng tối đa ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển như sau:

Tải lượng bụi: $E_{\text{bụi}} = 4 \text{ xe/h} \times 0,06 \text{ g/km/xe} = 0,000066 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng NO_x: $E_{\text{NO}_x} = 4 \text{ xe/h} \times 0,39 \text{ g/km/xe} = 0,00043 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng CO: $E_{\text{CO}} = 4 \text{ xe/h} \times 0,74 \text{ g/km/xe} = 0,00082 \text{ mg/m.s.}$

Tải lượng HC: $E_{\text{HC}} = 4 \text{ xe/h} \times 0,07 \text{ g/km/xe} = 0,000077 \text{ mg/m.s.}$

Để xác định nồng độ phát thải các chất ô nhiễm của động cơ xe vận chuyển, có thể áp dụng mô hình phát thải nguồn đường để tính toán nồng độ các chất ô nhiễm. Sử dụng công thức Sutton để xác định nồng độ ô nhiễm như sau [4]:

$$C_{(x)} = 0,8.E \left(e^{[-(z+h)^2/2\sigma_z^2]} + e^{[-(z-h)^2/2\sigma_z^2]} \right) / \sigma_z u \quad (1)$$

Trong đó:

+ $C_{(x)}$: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí tại độ cao z so với mặt đất, cách đường giao thông x mét (mg/m^3).

+ E : Tải lượng nguồn thải ($mg/m.s$).

+ z : Độ cao tại điểm tính toán, tính ở độ cao 1,5m.

+ σ_z : Hệ số khuếch tán theo phương z (m), là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi và độ ổn định của khí quyển, $\sigma_z = 0,53 \times x^{0,73}$, với cấp độ ổn định khí quyển loại B (là cấp độ ổn định khí quyển đặc trưng của khu vực).

+ u : Tốc độ gió trung bình so với nguồn thải tính theo chiều gió thổi, tốc độ gió trung bình là 2,4m/s.

+ h : Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (lấy mặt đường bằng mặt đất, $h = 0m$).

+ x : Khoảng cách của điểm tính so với nguồn thải tính theo chiều gió thổi.

Thay các giá trị vào công thức (1), nồng độ các chất ô nhiễm ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện như sau:

Bảng 3.4. Nồng độ khí thải tại các khoảng cách khác nhau

Khoảng cách x (m)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/m^3)			
	Bụi	HC	NO _x	CO
5	0,000014	0,000016	0,000091	0,000174
10	0,000011	0,000013	0,000070	0,000134
15	0,000009	0,000010	0,000055	0,000106
20	0,000007	0,000008	0,000046	0,000088
25	0,000006	0,000007	0,000040	0,000076
QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 h)	0,3	-	0,2	30

Đánh giá tác động: Khí thải động cơ từ phương tiện giao thông là nguồn thải không cố định và mang tính bất khả kháng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân thi công; người dân sống trong khu vực và dọc tuyến đường vận chuyển. Tuy nhiên, qua kết quả tính toán trên cho thấy nồng độ của bụi và các chất khí độc hại từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án rất thấp. Đồng thời, không gian hoạt động của các phương tiện rộng rãi, tần suất hoạt động không liên tục nên

tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện chỉ mang tính tạm thời, ảnh hưởng cục bộ trong thời gian vận chuyển.

** Bụi rơi vãi từ các phương tiện vận chuyển trên các tuyến đường giao thông*

Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sẽ làm phát sinh bụi từ các vật liệu rời rơi vãi và bụi cuốn theo xe từ mặt đường, trong đó đặc biệt là lượng bụi cuốn theo xe từ mặt đường. Tải lượng bụi phát sinh phụ thuộc rất lớn đến chất lượng mặt đường và loại vật liệu chuyên chở. Qua quá trình khảo sát cho thấy, các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu là chủ yếu là tuyến đường có kết cấu nhựa, do đó lượng bụi phát sinh trên các đoạn đường này sẽ thấp. Tuy nhiên, những đoạn ra vào công trường thường có nhiều loại vật liệu rơi vãi đặc biệt là đất đào đắp tạo thành nguồn phát sinh bụi đáng kể nếu có xe vận chuyển đi qua vào những ngày khô ráo. Để đánh giá tải lượng bụi phát sinh do quá trình vận chuyển chạy trên đường, báo cáo áp dụng công thức tính toán như sau [5]:

$$E = 1,7k \times \left(\frac{s}{12}\right) \times \left(\frac{S}{48}\right) \times \left(\frac{W}{2,7}\right)^{0,7} \times \left(\frac{w}{4}\right)^{0,5} \times \left(\frac{365-p}{365}\right), \text{kg}/(\text{xe.km})(2)$$

Trong đó:

- + *E* - Lượng phát thải bụi, kg bụi/(xe.km)
- + *k* - Hệ số để kể đến kích thước bụi, (*k*=0,8 cho bụi có kích thước nhỏ hơn 30 micron)
- + *s* - Hệ số để kể đến loại mặt đường (đường nhựa *s*=5,7)
- + *S* - Tốc độ trung bình của xe tải (*S*=20 km/h)
- + *W* - Tải trọng của xe, (10 tấn)
- + *w* - Số lớp xe của ô tô (8 lớp)
- + *p* - Số ngày mưa trung bình trong năm (154 ngày)

Thay số liệu vào công thức (2) ta có *E* = 0,92 kg/xe/km. Giả thiết quãng đường vận chuyển trung bình trên tuyến đường phát sinh nhiều bụi từng khu vực của Dự án là 0,5km, ước tính lượng bụi phát sinh trên đoạn đường vận chuyển này là 0,46 kg/xe.

Với quãng đường vận chuyển nguyên liệu trên tuyến đường phát sinh nhiều bụi khoảng 0,5km, sự phân bố lượng xe trên 1m chiều dài của đường trong thời gian 1h như sau: 4 xe/h/500m = 0,008 xe/m.h. Vậy tải lượng bụi phát sinh từ lớp xe là: 0,008 xe/m.h×0,46 kg/xe = 0,0036 kg/m.h = 1,0 mg/m.s

Để xác định nồng độ phát thải bụi từ lớp xe ma sát với mặt đường, có thể áp dụng mô hình phát thải nguồn đường để tính toán nồng độ bụi. Thay các giá trị vào

công thức (1), nồng độ bụi ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện như sau:

Bảng 3.5. Nồng độ bụi do lốp xe ma sát với mặt đường từ phương tiện vận chuyển

TT	Khoảng cách x(m)	σ_z	Nồng độ (mg/m^3)
1	5	1,71	0,42
2	10	2,85	0,35
3	20	4,72	0,28
4	25	5,56	0,23
5	30	6,35	0,20
QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1h)			0,3

Đánh giá tác động: Qua số liệu tính toán tại bảng trên cho thấy, nồng độ bụi phát sinh do lốp xe ma sát với mặt đường vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Lượng bụi phát sinh từ mặt đường do xe vận chuyển chạy qua là tác động đáng quan tâm trong quá trình thi công Dự án, đặc biệt là đoạn ra vào công trường trong phạm vi bán kính 10m có nhiều đất đá rơi vãi làm lượng bụi phát sinh lớn vào những ngày nắng, mặt đường trở nên khô ráo làm cho các hạt đất mất kết dính với nhau dễ dàng bị cuốn theo bánh xe và luồng gió do xe chạy qua. Lượng bụi phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến người tham gia giao thông. Ngoài ra, tác động của bụi phát sinh từ mặt đường có thể gây ra tai nạn giao thông do mất tầm nhìn. Do đó Chủ dự án sẽ đặc biệt quan tâm đến tác động này.

b. Đánh giá, dự báo tác động do tiếng ồn

Việc sử dụng các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc thiết bị bằng ô tô sẽ phát sinh tiếng ồn từ động cơ chạy bằng dầu DO. Theo tài liệu *Đánh giá tác động môi trường của PGS.TS Nguyễn Đình Mạnh, 2005*, tiếng ồn từ động cơ của xe tải đo tại khoảng cách 1m là 90dBA.

Để đánh giá được ảnh hưởng của độ ồn tới các đối tượng là khu dân cư và công nhân trực tiếp vận hành, mức độ ồn giảm theo khoảng cách được tính theo công thức sau: $LP(x) = LP(x_0) + 20 \times \lg(x_0/x)$ (3)

Trong đó:

- $LP(x)$: *Mức ồn tại vị trí cần tính toán(dBA)*

- $x_0 = 1m$

- $LP(x_0)$: *Mức ồn cách nguồn 1m (dBA)*

- x : Khoảng cách từ nguồn tới vị trí tính toán (m).

Với khoảng cách từ phương tiện đến nhà dân trung bình 15m, độ ồn giảm theo khoảng cách được tính như sau:

$$LP(15) = 90 + 20 \times \lg(1/15) = 66,5\text{dBA}.$$

Đánh giá tác động: Như vậy độ ồn tính toán với khoảng cách là 15m so với nguồn gây ra là 66,5dBA, với mức ồn này nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (70dBA). Như vậy, tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển gây ra ít ảnh hưởng đến nhà dân sống dọc các tuyến đường vận chuyển.

c. Tác động đến vấn đề giao thông

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thi công xây dựng sẽ làm phát sinh bụi ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến người tham gia giao thông và người dân sống dọc các đường vận chuyển.

- Sự xuất hiện của các xe tải trọng lớn vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ thi công công trình gây hư hỏng đường sá.

- Mật độ xe tăng làm cản trở giao thông, có khả năng gây ra tai nạn nếu không điều tiết lượng xe và tốc độ phù hợp. Các vị trí dễ xảy ra tai nạn là các đoạn giao giữa tuyến đường Quốc lộ 1A và đoạn đi vào thôn Phan Hiền xã Vĩnh Sơn.

3.1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án

a. Tác động do bụi từ quá trình san ủi đào đắp đất, cát

* **Bụi từ quá trình san ủi đào đắp đất, cát**

Dựa vào tổng khối lượng đất đào đắp tại bảng 1.4 và tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì hệ số trung bình phát tán bụi từ đào đắp, san ủi là 0,0075 kg/tấn vật liệu. Như vậy, tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san ủi mặt bằng là:

Bảng 3.6. Tải lượng bụi phát sinh từ quá trình đào đắp nền đường

TT	Hạng mục	Khối lượng	Hệ số phát sinh bụi	Tải lượng bụi
1	Đất đào	6.399,7 tấn	0,0075 kg/tấn	48 kg
2	Đất đắp	54.194,7 tấn		406,4 kg
Tổng				454,4 kg

Thời gian dự kiến của hoạt động đào, đắp mặt bằng tại khu vực Dự án khoảng 180 ngày, tải lượng và nồng độ bụi từ quá trình đào, đắp được tính toán như sau:

Bảng 3.7. Nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp san nền [7]

TT	Thông số	Đơn vị	Khối lượng
1	Tải lượng bụi phát sinh	kg	454,4
2	Diện tích mặt bằng	m ²	14.208
3	Thể tích tác động trên mặt bằng dự án	m ³	142.080
4	Tải lượng	kg/ngày	2,52
5	Hệ số phát thải bụi bề mặt	g/m ² /ngày	0,17
6	Nồng độ bụi trung bình trong 1h	mg/m ³	0,62

Ghi chú:

- Diện tích mặt bằng dọc theo tuyến đường dự án 14.208 m².

- Thể tích tác động trên mặt bằng dự án $V = S \times H = 14.208 \text{ m}^2 \times 10\text{m} = 142.080 \text{ m}^3$ (với S là diện tích mặt bằng, H là chiều cao các thông số khí tượng lấy khoảng 10m).

- Tải lượng (kg/ngày) = Tổng tải lượng bụi (kg)/Số ngày thi công san ủi (90 ngày) = $454,4/180 = 2,25 \text{ kg/ngày}$.

- Hệ số phát thải bụi bề mặt (g/m²/ngày) = Tải lượng (kg/ngày) $\times 10^3$ /Diện tích (m²) = $2,52 \times 10^3/14.208 = 0,17 \text{ g/m}^2/\text{ngày}$.

- Nồng độ bụi trung bình (mg/m³) = Tải lượng (kg/ngày) $\times 10^6/8\text{h}$ /Thể tích mặt bằng (m³) = $2,52 \times 10^6/8/142.080 = 2,2 \text{ mg/m}^3$.

Đánh giá tác động: Nồng độ bụi được tính toán ở trên nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn về môi trường lao động của Bộ Y tế QCVN 02:2019/BYT (8 mg/m³), tuy nhiên so với môi trường không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT (0,3mg/m³) thì nồng độ bụi còn rất cao. Như vậy, có thể thấy nồng độ bụi phát sinh từ hoạt động san ủi đào đắp sẽ ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại công trường. Việc thường xuyên tiếp xúc với môi trường có nồng độ bụi cao có thể gây ra các bệnh về mắt, bệnh ngoài da và bệnh về đường hô hấp nếu Chủ dự án không có các biện pháp giảm thiểu. Ngoài ra, bụi phát sinh từ các hoạt động của dự án có thể gây ảnh hưởng đến năng suất của cây trồng đặc biệt là lúa của người dân sát khu vực dự án. Thời gian chịu tác động khoảng 06 tháng thi công san lấp mặt bằng.

b. Đánh giá, dự báo tác động của nước thải

* *Tác động do nước thải*

- *Nước thải sinh hoạt:*

+ Phát sinh từ 50 công nhân thi công trên công trường.

+ Thành phần của nước thải: Chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và các vi sinh vật.

+ Tải lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân với tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ng.đ (theo QCVN 01:2021/BXD). Với khoảng 50 người có mặt trên công trường tương đương với lượng nước sử dụng là 4 m³/ng.đ, tổng lượng nước thải bằng 100% tổng lượng nước cấp và bằng 4 m³/ng.đ. Nước thải sinh hoạt chứa các vi sinh vật có khả năng trở thành nơi phát triển, lây lan các vi sinh vật gây bệnh cho con người và động vật hoặc thấm qua cát gây ô nhiễm nước ngầm.

Dựa vào thành phần, tính chất nước thải sinh hoạt. Ước tính tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm do nước thải sinh hoạt như sau:

Bảng 3.8. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số (g/người/ngày) ^(*)	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	BOD ₅	49,5	2.475	618,75	50
2	COD	87	870	1.087,5	-
3	TSS	107,5	1075	1.343,7	100
4	Tổng N	8	80	100	-
5	Tổng P	2,6	260	325	-
6	Dầu mỡ	20	200	250	20

Nguồn^(*): Tài liệu đánh giá nhanh WHO 1993.

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A: Giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

- Dấu (-) quy chuẩn không quy định

Đánh giá tác động: Qua bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của 50 CBCNV vượt nhiều lần so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Do đó, Chủ dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm này. Nguồn ô nhiễm này nếu không được thu gom, xử lý sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường tiếp nhận (khe nước phía Đông và khe Tiên Lai), đồng thời làm mất cảnh quan khu vực.

Do đó, Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu nguồn gây ô nhiễm này.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước thải xây dựng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động trộn bê tông, rửa vật liệu, rửa máy móc, thiết bị và phương tiện giao thông, tưới bảo dưỡng công trình...

+ Thành phần nước thải này chứa đất đá, các chất lơ lửng, các chất vô cơ, dầu mỡ...

+ Tải lượng nước thải phát sinh do hoạt động xây dựng phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: Phương pháp thi công, khối lượng thi công, ý thức tiết kiệm nước của công nhân... Tuy nhiên, trên thực tế lượng nước thải này phát sinh không thường xuyên, tải lượng ít và tác động chỉ xảy ra cục bộ trên công trường trong giai đoạn thi công.

- *Nước mưa chảy tràn:*

+ Lưu lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc rất nhiều vào chế độ khí hậu trong khu vực Dự án. Trong quá trình thi công xây dựng, các chất bẩn (rác, đất, đá...) từ sân bãi chứa nguyên vật liệu, từ mặt bằng thi công,.. khi gặp mưa sẽ bị cuốn trôi và dễ dàng hoà tan vào trong nước mưa gây ô nhiễm các thủy vực tiếp nhận, nước ngầm và đất trong khu vực Dự án. Ngoài ra nước mưa bị ô nhiễm cũng có thể làm ăn mòn các vật liệu xây dựng và công trình trong khu vực.

+ Để đánh giá lượng nước mưa chảy tràn trong diện tích khu vực Dự án đối với môi trường được xác định theo (TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế) theo công thức: $Q = q \times C \times F$

Trong đó:

Q - là lượng nước mưa chảy tràn. F - là diện tích mặt bằng khu vực Dự án 14.208m².

q - là lượng mưa tháng lớn nhất trong vòng 05 năm gần đây (2015-2021) có giá trị 283 mm (tháng 10/2020 - Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị 2020).

C - là hệ số dòng chảy, C = 0,3 tương ứng với mặt đất, độ dốc trung bình.

⇒ Vậy: $Q = 14.208 \text{ m}^2 \times 0,283 \text{ m} \times 0,3 = 1206,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Qua quá trình khảo sát thực địa cho thấy địa chất ở khu vực Dự án chủ yếu là đất ruộng và đất san nền khi đổ thêm nên lượng nước mưa chảy tràn sẽ dễ thấm xuống đất, ít chảy tràn trên bề mặt. Do đó, lượng nước mưa chảy tràn có thể thấp hơn số liệu được dự báo. Nước mưa hầu như không chứa các chất ô nhiễm, tuy nhiên, nước mưa có thể cuốn theo các chất bẩn như: Đất cát, rác thải, dầu mỡ... làm ô nhiễm thủy vực tiếp nhận và cuốn trôi đất đắp, nguy cơ ảnh hưởng đến diện tích đất lúa đang canh tác quanh khu vực thực hiện Dự án của người dân.

* *Tác động do CTR:*

- *CTR sinh hoạt:*

+ CTRSH phát sinh từ quá trình sinh hoạt CBCNV trên công trường; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả... Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình từ khoảng 0,5 kg/người/ngày (theo *Giáo trình Quản lý CTR - GS. Trần Hiếu Nhuệ biên soạn, Nxb Xây dựng, 2001*), với tổng số công nhân trên công trường là 50 người thì tổng lượng rác thải phát sinh khoảng 25 kg/ngày.

+ CTRSH phát sinh nếu không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ tạo mùi khó chịu và gây ô nhiễm đất, nguồn nước và mất mỹ quan, có thể phát sinh dịch bệnh và ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân và cộng đồng dân cư gần với khu vực thực hiện dự án.

- *CTR xây dựng:*

+ CTR phát sinh do rơi đất, cát, sạn, ... trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên, khối lượng loại CTR này rất khó xác định chính xác, thường phụ thuộc vào phương pháp thi công, khả năng tiết kiệm nguyên vật liệu, ý thức của công nhân thi công, chất lượng vật liệu...

+ Lượng đất phong hóa cần bóc đi để san nền tạo mặt bằng Dự án theo báo cáo KTKT của dự án là 4.413,58 m³, lượng đất này nếu không quản lý phù hợp thì có nguy cơ gây bồi lấp kênh mương, ô nhiễm môi trường.

+ Lượng chất thải này nếu để phát tán tự do ra môi trường sẽ làm mất mỹ quan khu vực, gây tắc nghẽn dòng chảy, xâm nhập vào đất làm thay đổi kết cấu đất, gây ô nhiễm đất, nước mưa có thể cuốn theo các chất thải xây dựng làm ô nhiễm môi trường nước... Tuy nhiên, phần lớn CTR xây dựng có khả năng tận dụng, Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công thu gom tận dụng và xử lý thích hợp.

- *CTNH:* CTNH trong giai đoạn này chủ yếu phát sinh từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị thi công, bao gồm các loại như: giẻ lau, dầu mỡ thải... Khối lượng phát sinh ước tính khoảng 5kg/tháng. Lượng CTNH phát sinh từ Dự án với khối lượng không lớn, đồng thời công tác bảo dưỡng, thay thế và sửa chữa máy móc, thiết bị sẽ được Chủ dự án và nhà thầu thực hiện ở các gara trên địa bàn nên sẽ hạn chế được tình trạng phát sinh CTNH tại khu vực công trường. Trong trường hợp lượng CTNH này phát sinh tại công trường, Chủ dự án sẽ có biện pháp quản lý, thu gom và xử lý thích hợp.

Đánh giá tác động:

- Tác động của CTRSH: CTRSH nếu để lâu sẽ phân hủy, tạo ra các khí thải có mùi hôi khó chịu như H₂S, CH₄... là nơi phát sinh các mầm bệnh cho con người và gây mất mỹ quan khu vực. Chủ dự án sẽ kiểm soát bằng các biện pháp thu gom hợp vệ sinh.

- Tác động của CTR xây dựng: Các loại CTR xây dựng phát sinh nếu không được chú trọng thu gom, cũng như quản lý chặt chẽ sẽ làm mất mỹ quan, cản trở giao thông đi lại. Ngoài ra, một khi lượng chất thải này không được tận dụng, quản lý và

thu gom hợp lý sẽ cuốn trôi xuống nguồn nước mặt cụ thể là mương nước (nằm giáp với khu vực Dự án về phía Đông) từ đó làm tăng lượng chất rắn lơ lửng, hàm lượng TSS, gây đục nguồn nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh.

- Tác động của CTNH: CTNH phát sinh trên công trường không lớn tuy nhiên với tính chất độc hại tới môi trường và con người nên sẽ có tác động nhất định. Đáng quan tâm nhất trong giai đoạn thi công là dầu mỡ từ phương tiện bị rò rỉ hoặc bị nước mưa cuốn trôi làm ô nhiễm các thủy vực tiếp nhận.

d. Tác động của tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị trong thi công xây dựng các hạng mục công trình như: Máy ủi, máy đập bê tông, máy trộn bê tông...

- Để đánh giá được ảnh hưởng mức độ ồn tới các đối tượng là khu dân cư và công nhân, mức ồn giảm theo khoảng cách và kết quả tính toán mức ồn theo các khoảng cách khác nhau được tính theo công thức: $LP(x) = LP(x_0) + 20.lg(x_0/x)$

Trong đó: + $LP(x)$: Mức ồn tại vị trí cần tính toán (dBA).

+ $x_0 = 1m$.

+ $LP(x_0)$: Mức ồn cách nguồn 1m (dBA).

+ x : Khoảng cách từ nguồn tới vị trí tính toán (m).

Bảng 3.9. Mức ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công

STT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn (dBA)						
		3,5m	7,5m	15 m	30m	60m	120m	240m
1	Máy ủi	107	100	93	87	81	75	69
2	Máy đập bê tông	99	92	85	79	73	67	61
3	Máy nén Diesel	94	87	80	74	68	62	56
4	Máy trộn bê tông	89	82	75	69	63	57	51
Cộng hưởng tiếng ồn		109,3	102,3	95,3	89	83,3	77,3	73,2
QCVN 26:2010/BTNMT		70 dBA (từ 6h đến 21h)						

Ghi chú: Mức ồn cộng hưởng được tính trong trường hợp tất cả các máy trên cùng hoạt động đồng thời. Quy tắc đặc biệt áp dụng đối với việc cộng hưởng tiếng ồn: Hai máy đang vận hành ở cùng cấp độ ồn sẽ làm tăng mức độ tổng thể là 3 dBA. Nếu sự khác biệt giữa hai nguồn phát tiếng ồn là 10 dBA trở lên thì chúng sẽ không nâng mức độ ồn tổng thể [13].

Đánh giá tác động: Qua bảng tính toán trên cho thấy các thiết bị, máy móc hoạt động trong giai đoạn thi công thường có mức ồn vượt QCVN 26:2010/BTNMT (70 dBA từ 6 giờ đến 21 giờ). Từ khoảng cách >120 m thì mức ồn của đa số máy móc thiết bị nằm trong giới hạn. Đối tượng chịu tác động ở đây chủ yếu là công nhân trên công trường và các người dân đi ngang qua khu vực hộ dự án. Tuy nhiên độ ồn khi tới các nhà dân lân cận được giảm theo khoảng cách nằm trong giới hạn cho phép và trên thực tế thì khoảng cách từ khu vực thi công đến các cụm dân cư này cũng khá xa nên đối tượng chịu tác động chủ yếu là công nhân trên công trường. Cường độ ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe như mất ngủ, mệt mỏi, tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động của công nhân trên công trường, làm cho họ kém tập trung tinh thần dễ dẫn đến tai nạn lao động. Vì vậy, Chủ dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu thích hợp nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

- Độ rung: Rung động phát sinh từ hoạt động của các máy móc thi công, chủ yếu là đào đất, khoan và san ủi. Mức độ rung động phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó đặc biệt quan trọng là cấu tạo địa chất của nền móng công trình. Khi mức độ rung động lớn vượt giới hạn cho phép có thể ảnh hưởng tới sức khỏe của người công nhân, dân cư xung quanh và làm hư hại các công trình lân cận. Mức độ rung động của các máy móc thi công thể hiện như sau:

Bảng 3.10. Mức độ rung của các máy móc thi công

STT	Các phương tiện	Mức độ rung động cách nguồn 10m (dB)	Mức độ rung động cách nguồn 30m (dB)
1	Máy đào đất	80	71
2	Xe lu	82	71
3	Máy ủi	79	69
4	Máy nén khí	81	71
5	Máy đào bằng hơi	85	73
QCVN 27:2010/BTNMT		75	

Đánh giá tác động: Qua bảng trên cho thấy ở khoảng cách ≥ 30 m, mức rung từ các máy móc thi công bảo đảm giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT đối với hoạt động xây dựng là 75 dB. Tuy nhiên ở khoảng cách <30 m, người công nhân thi công sẽ bị ảnh hưởng bởi độ rung còn nhà dân cư ở xa nên hầu như không bị các tác động như: làm nứt nẻ nhà dân sống gần khu vực dự án, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như tính mạng của người dân. Mặc dù vậy, Nhà thầu thi công cũng phải áp

dụng các biện pháp giảm thiểu để bảo đảm sức khỏe cho công nhân lao động trên công trường.

*** Tác động đến vấn đề giao thông**

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và thi công xây dựng sẽ phát sinh bụi ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, người tham gia giao thông, tác động đến hoạt động sản xuất của người dân.

- Việc vận chuyển nguyên vật liệu nếu không có biện pháp che chắn làm rơi vãi khi gặp mưa gây ra lầy lội, trơn trượt ảnh hưởng đến việc đi lại và có thể gây ra các tai nạn giao thông.

- Hiện tại mật độ phương tiện giao thông tại khu vực là tương đối cao. Do đó, khi Dự án triển khai sẽ góp phần làm gia tăng mật độ phương tiện tại khu vực, có khả năng gây ra tai nạn nếu không điều tiết lượng xe và tốc độ phù hợp, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân, làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông nhất là tại các điểm giao cắt tuyến đường dự án với các tuyến đường khu vực. Tai nạn giao thông xảy ra có thể ảnh hưởng đến tính mạng của người dân, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án.

- Quá trình vận chuyển trong thi công sẽ giao với các tuyến đường vào khu vực Dự án, đặc biệt tuyến đường đối ngoại như Quốc lộ 1A, đường vào thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn; các khu vực này có mật độ giao thông khá cao do đó sẽ làm tăng nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ. Tai nạn giao thông xảy ra có thể ảnh hưởng đến tính mạng của người dân, gây tâm lý hoang mang và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án;

- Đồng thời quá trình vận chuyển nguyên vật liệu (đá, đất, cát, sắt thép, xi măng,...) của các phương tiện có tải trọng lớn dễ gây ra hư hỏng, sụt lún các tuyến đường. Do đó, Chủ dự án và nhà thầu xây dựng sẽ có biện pháp quản lý, lịch trình, kế hoạch cũng như bắt buộc chủ các phương tiện vận chuyển đúng tải trọng quy định.

*** Tác động đến hệ sinh thái:**

Thực vật tại khu vực Dự án phần lớn là đất lúa, cỏ dại, hoạt động thi công sẽ phá bỏ thảm thực vật trên các khu vực này và thay vào đó là các công trình cơ sở hạ tầng, đường đi, bãi tập kết vật liệu,... Qua đó, thảm thực vật sẽ bị mất đi vĩnh viễn. Đối với hệ động vật sẽ làm mất đi nơi cư trú cũng như nguồn thức ăn của các loài động vật, đồng thời việc tập trung lượng lớn người và thiết bị máy móc trên công trường sẽ gây ra sự hoảng sợ đối với các loài động vật, bắt buộc chúng phải di chuyển đến nơi khác để sinh sống. Đối với các loài động vật trưởng thành có khả năng di chuyển nhanh sẽ tồn tại, còn các loài động vật chưa trưởng thành (con non, trứng); tổ của các loài côn trùng (tổ kiến, ong...) sẽ bị mất đi.

Tuy nhiên, qua khảo sát hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực dự án cho thấy mức độ đa dạng về số lượng, thành phần loài rất ít. Hệ sinh thái tự nhiên của khu vực đã bị tác động lớn bởi các hoạt động phát triển kinh tế của con người. Quá trình thi

công sẽ tác động tức thời tới môi trường sống cũng như làm giảm số lượng của một số loài động thực vật. Tuy nhiên, tác động này diễn ra trong phạm vi hẹp và mức độ nhỏ.

*** Tác động đến KTXH:**

Các hoạt động thi công, xây dựng công trình làm phát sinh các tác động đến tình hình KTXH, an ninh trật tự tại địa phương, các tác động này bao gồm:

- Việc tiến hành thu hồi đất phục vụ cho xây dựng công trình của Dự án sẽ buộc các hộ dân bị ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt hàng ngày.

- Việc tập trung một lượng công nhân khá lớn trong thời gian xây dựng có thể ảnh hưởng tới an ninh trật tự xã hội khu vực Dự án.

- Hoạt động của phương tiện vận tải trong thời gian thi công làm tăng mật độ giao thông, tăng áp lực lên kết cấu đường, gây nên các biến dạng về kết cấu làm yếu nền đường, sụt lún nứt vỡ... dẫn đến giảm tốc độ lưu thông trên đường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Ảnh hưởng đến các tuyến đường giao thông, hoạt động đi lại của người dân trong khu vực.

- Độ ồn tác động đến sức khỏe công nhân thi công.

- Bụi phát sinh trong quá trình thi công xây dựng ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động trực tiếp và người dân sinh sống đi qua khu vực công trường.

Ngoài các tác động tiêu cực trên thì giai đoạn thi công cũng có tác động tích cực là góp phần giải quyết nhu cầu việc làm; tăng thu nhập tạm thời cho người lao động; kích thích phát triển một số loại hình dịch vụ như kinh doanh ăn uống, giải khát phục vụ cho công nhân.

f. Đánh giá tác động do ngập úng cục bộ

Đặc trưng khí tượng, thủy văn tỉnh Quảng Trị thường chia là 2 mùa là mùa khô và mùa mưa. Cùng với đó là dòng chảy chia làm hai mùa: mùa lũ và mùa kiệt. Mùa lũ hàng năm từ bắt đầu từ tháng IX đến XII trên các sông Trường Sơn Đông và từ tháng VI đến tháng XI trên các sông Trường Sơn Tây, chiếm tới 62,5÷80% tổng lượng dòng chảy năm. Phần lớn lãnh thổ Quảng Trị có mô đun dòng chảy mùa lũ trung bình 100-140 l/s.km². Tháng X là tháng có nhiều trận lũ nhất. Mùa lũ ở đây được chia làm 3 thời kỳ.

Lũ tiểu mãn xảy ra vào tháng V, VI hàng năm. Tính chất lũ này nhỏ, tập trung nhanh, xảy ra trong thời gian ngắn, đỉnh lũ nhọn, lên xuống nhanh, thường xảy ra

trong 2 ngày nên ít ảnh hưởng đến đời sống dân cư, chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Lũ sớm xảy ra vào tháng 6 đến đầu tháng IX hàng năm. Lũ này không có tính chất thường xuyên nhưng lũ có tổng lượng lớn hơn lũ tiểu mãn, tập trung lũ nhanh. Thời kỳ xảy ra lũ sớm thường vào thời kỳ triều bắt đầu cao. Do vậy mực nước lũ cao hơn lũ tiểu mãn. Lũ này ít ảnh hưởng tới dân sinh mà chủ yếu là ảnh hưởng tới nông nghiệp và thủy sản.

Lũ chính vụ xảy ra từ trung tuần tháng IX đến cuối tháng XI đầu tháng XII hàng năm. Đây là thời kỳ mưa lớn trong năm và lũ thời kỳ này có thể xảy ra lũ quét sườn dốc gây lở đất hay ngập lụt ở hạ du. Lũ này thường đi liền với bão gây thiệt hại lớn cho kinh tế xã hội, gây chết người và hư hỏng công trình, cơ sở hạ tầng. Lũ thường kéo dài 5 - 7 ngày có đỉnh lũ cao và tổng lượng dòng chảy lớn.

Trong những năm gần đây tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa do ảnh hưởng của bão nhiệt đới gây lũ lịch sử đặc biệt nghiêm trọng như năm 2020. Trong đó:

- Đợt 1 từ ngày 5÷11/X/2020: Các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Bình Định có mưa rất to, tập trung chủ yếu trong 3 ngày (từ 19h/06/X đến 19h/9/X), lượng mưa phổ biến ở các tỉnh: Hà Tĩnh từ 350-450 mm; Quảng Bình từ 400-600 mm; Quảng Trị từ 500-1150mm; Thừa Thiên Huế từ 600-850mm; Đà Nẵng từ 500-650mm; Quảng Nam từ 350-550 mm. Cơ quan khí tượng ghi nhận lượng mưa 10 ngày đầu tháng X tại Thừa Thiên Huế cao hơn so với trung bình nhiều năm từ 2 đến 4 lần, A Lưới (Thừa Thiên Huế) là 5 lần, Khe Sanh (Quảng Trị) 6 lần. Đây là trận mưa lớn lịch sử kéo dài nhiều ngày, khiến lũ các sông vượt mức báo động 3 và vượt lũ lịch sử trước đó, có thể coi là trận lũ có tốc độ nước dâng cao nhất từ trước đến nay, trong khoảng 3-4 tiếng nước lũ đã dâng cao đến 2m.

- Đợt 2 từ ngày 15-18/X/2020: Khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Quảng Nam tiếp tục có mưa to đến rất to, lượng mưa phổ biến từ 300-400mm, một số trạm có lượng mưa lớn hơn 400mm như: Kỳ Thượng (Hà Tĩnh) 1.045mm, Thạch Xuân Hà Tĩnh) 794mm, Đồng Tâm (Quảng Bình) 779mm, Hướng Linh (Quảng Trị) 1.339mm, Khe Sanh (Quảng Trị) 858mm, Khe Tre (Thừa Thiên Huế) 679mm, Hồ Đồng Nghệ (Đà Nẵng) 492mm.

Trước trận lũ, toàn lưu vực đã trải qua đợt mưa với cường độ lớn và kéo dài, đất đã ngậm nước trong nhiều ngày gây nên tình trạng bão hòa nước, nước trên các sông chưa kịp rút hết kết hợp với mưa đặc biệt lớn trên diện rộng từ ngày 16/X-18/X/2020 dẫn đến tình trạng lũ chồng lũ (xuất hiện nhiều đỉnh lũ liên tiếp) làm cho nước lũ dâng cao trên các sông và cao hơn trận mưa lũ ngày 8/X/2020 mặc dù lượng mưa không lớn bằng. Theo số liệu quan trắc, mực nước trên các sông tại Đông Hà, Thạch Hãn dâng cao và vượt lịch sử trước đó. Tại trạm Đông Hà đỉnh lũ đạt 5,35m,

vượt lũ lịch sử 0,77m và vượt tần suất lũ 1% tính toán trước đó, mặc dù tổng lượng mưa không lớn hơn trận trước.

Các vấn đề thời tiết mưa lũ thất thường những năm qua nếu xảy ra trong quá trình thi công sẽ làm cho các hạng mục có nguy cơ sạt lở mái taluy, xói mòn, cuốn trôi đất đá, phá hủy các công trình đang thi công dở dang. Nếu sự cố này xảy ra sẽ gây làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, tổn thất kinh phí đầu tư và gây gián đoạn tiến độ thi công.

Dựa vào tình hình thời tiết, yếu tố địa hình, thủy văn khu vực những năm trở lại đây có thể dự báo: quá trình thi công dự án cũng có thể xảy ra ngập úng vào mùa mưa bão khi khu vực là vùng ruộng lúa chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn của khe Tiên Lai, sông Sa Lung và sông Bến Hải, từ đó Chủ Dự án cần có kế hoạch, giải pháp phù hợp để ứng phó đảm bảo khi có tình huống ngập lụt xảy ra.

g. Rủi ro, sự cố của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

** Sự cố cháy nổ*

- Cháy nổ do bom mìn: Bom mìn và vật nổ còn sót lại sau chiến tranh sẽ được rà phá cẩn thận để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường và đảm bảo an toàn cho công trình. Công tác này sẽ được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng rà phá bom mìn của quân đội. Trong quá trình rà phá bom mìn thường sẽ gây nguy hiểm cho con người nếu tiếp cận khu vực thực hiện. Nếu sự cố cháy nổ do bom mìn xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân cũng như người dân gần khu vực dự án.

- Sự cố cháy nổ thông thường:

Khả năng gây cháy nổ có thể được chia thành những nhóm chính:

+ Bất cẩn trong việc thực hiện các biện pháp an toàn PCCC (lưu trữ nhiên liệu, gas... không đúng quy định).

+ Sự cố về các thiết bị điện: chập và gây cháy tại các điểm tiếp xúc, các mối nối không đảm bảo an toàn hoặc chập mạch do mưa dông.

+ Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ v.v...

Các vị trí có khả năng xảy ra sự cố đó là các khu vực kho chứa CTR, CTNH, các vị trí tập kết nhiên liệu, nguyên liệu dễ cháy (ván khuôn gỗ, bao bì,...). Sự cố cháy nổ nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại to lớn về kinh tế và làm ô nhiễm cả hệ sinh thái đất, nước, không khí nghiêm trọng.

** Sự cố tai nạn lao động*

- Nguyên nhân về kỹ thuật: Do dụng cụ, phương tiện thiết bị máy móc không hoàn chỉnh hay hư hỏng, thiếu cơ cấu an toàn, thiếu che chắn, thiếu hệ thống báo hiệu phòng ngừa.

- Thiếu kiểm tra giám sát thường xuyên: Việc kiểm tra giám sát nhằm mục đích phát hiện những sai phạm trong quá trình hoạt động, nếu không làm thường xuyên dẫn đến thiếu ý thức trách nhiệm và ý thức thực hiện các yêu cầu về công tác an toàn

hay các sai phạm không phát hiện một cách kịp thời dẫn đến xảy ra sự cố gây tai nạn lao động.

- Không thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ bảo hộ lao động như: Chế độ làm việc, nghỉ ngơi, trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân... Nếu không thực hiện một cách nghiêm chỉnh sẽ làm giảm sức khỏe người lao động, làm tăng khả năng xảy ra tai nạn.

- Nguyên nhân do bản thân người lao động: Thao tác vận hành không đúng kỹ thuật, không đúng quy trình hay do sức khỏe không đảm bảo.

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.1.2.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực do chiếm dụng đất, GPMB

a. Phương án tính toán hỗ trợ bồi thường:

** Công tác tư tưởng đối với việc tuyên truyền, vận động quần chúng:*

Hoạt động đầu tiên nhằm giảm thiểu các tác động của Dự án là giúp các hộ dân nắm được thông tin về vị trí và lợi ích của Dự án cũng như các tác động dự kiến, đề từ đó, cùng phối hợp giảm thiểu thấp nhất các tác động. Thông qua việc tham vấn cộng đồng đã tiến hành trên địa bàn Dự án nhằm công khai thông tin về Dự án và các tác động dự kiến cũng như các phương án thu hồi đất và bồi thường.

** Công tác triển khai, thực hiện:*

Chủ dự án đã phối hợp cùng với các Ban ngành liên quan và Chính quyền địa phương để thực hiện công tác đền bù cũng như tiến hành khảo sát, thống kê mức độ thiệt hại để tổ chức thực hiện đền bù cho các cá nhân liên quan, căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện công tác GPMB của Dự án, nếu có các văn bản, quyết định thay đổi, điều chỉnh bổ sung chính sách đền bù GPMB của Chính phủ, các Thông tư hướng dẫn của các Bộ và các quyết định, văn bản của UBND tỉnh Quảng Trị liên quan đến công tác GPMB, phù hợp với Khung chính sách của Dự án thì sẽ thực hiện theo nội dung các quyết định, thông tư, văn bản đó.

Về đất:

Đối với diện tích đất thuộc về sở hữu của các hộ cá nhân, Chủ dự án sẽ phối hợp với các Cơ quan liên quan để thành lập hội đồng bồi thường, GPMB theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013.

- Việc kiểm kê, thu hồi đất sản xuất đối với hộ gia đình và cá nhân nằm trong vùng Dự án được thực hiện đúng, đảm bảo trình tự theo Luật đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014

của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, Chủ dự án sẽ thực hiện trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về sửa đổi, bổ sung quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Chủ dự án sẽ kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyên truyền, giải thích và đối thoại với người dân. Tránh xảy ra các việc hiểu lầm, gây khó khăn cho địa phương cũng như việc triển khai Dự án.

- Chủ dự án sẽ yêu cầu Đơn vị nhà thầu trước khi thi công cần làm việc với các chủ quản các công trình liền kề để cập nhật theo dõi lưu lại những hư hỏng nứt nẻ về sau để làm căn cứ khi có sự cố do quá trình thi công xảy ra.

Nguyên tắc đền bù GPMB: Phương án đền bù GPMB cần phải được chuẩn bị trước và được lập kế hoạch dựa trên các nguyên tắc chủ yếu sau:

- Đảm bảo đúng chính sách hiện hành.
- Giảm thiểu khó khăn về thu nhập tới các hộ gia đình.
- Giảm thiểu các tác động về quan hệ xã hội.

Trình tự, yêu cầu, tiến độ thực hiện công tác GPMB:

Sau khi thiết kế được phê duyệt, công tác thu hồi đất, công tác đền bù cho những người bị ảnh hưởng bởi Dự án sẽ được tiến hành. Toàn bộ công tác GPMB phải được hoàn thành trước khi Chủ đầu tư trao hợp đồng xây lắp. Tại thời điểm giao thầu, phải hoàn thành các biện pháp trợ giúp khôi phục đời sống.

Chủ dự án chỉ đạo tư vấn tổ chức cắm cọc GPMB và đo đạc địa chính. Sau khi nhận bàn giao hồ sơ kỹ thuật thửa đất và cọc GPMB, triển khai kiểm đếm thiệt hại, áp giá đền bù và lên phương án đền bù trình UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi phương án đền bù được duyệt Chủ dự án sẽ tổ chức chi trả.

Trong suốt quá trình chuẩn bị, kiểm đếm, chi trả, giải toả mặt bằng và giải quyết khiếu nại, tất cả các chính sách và thủ tục thu hồi đất, đền bù và GPMB phải được thông tin đầy đủ đến người bị ảnh hưởng. Người bị ảnh hưởng phải được tham gia vào quá trình khảo sát, đo đạc chi tiết và quá trình thu thập, kiểm tra số liệu, đóng góp vào việc hoàn thiện các biện pháp khôi phục đời sống. Các biện pháp hỗ trợ đưa ra được thống nhất cụ thể theo Luật định, phù hợp với nguyện vọng của tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng.

Bồi thường tài sản trên đất:

Áp dụng theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc và đơn giá các loại cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, vật kiến trúc và cây, hoa màu gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế theo quy định của Pháp luật.

Phương án tái sản xuất, hỗ trợ sản xuất và sinh kế cho người dân:

- Đền bù cho các hộ dân bị mất đất theo đúng các quy định hiện hành.
- Chủ dự án sẽ làm việc với chính quyền địa phương để xây dựng phương án hỗ trợ, tổ chức trao đổi, lấy ý kiến bổ sung, thống nhất với người được hưởng chính sách hỗ trợ.

Bên cạnh đó, trong quá trình thi công dự án, Chủ dự án sẽ tạo thêm việc làm cho một số người dân tại địa phương như thi công hạ tầng trong giai đoạn triển khai xây dựng nhằm góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phương án đối với đất trồng lúa:

Chủ dự án đã thực hiện đền bù cho các hộ dân bị mất đất sản xuất. Các hộ dân đồng tình xây dựng khi dự án triển khai.

Kinh phí đền bù, GPMB của Dự án: 1.218.800.000 đồng.

Phương án bảo vệ tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa:

Do công trình được triển khai xây dựng trên đất được chuyển đổi một phần từ đất chuyên trồng lúa nước, có tác động đến tầng đất mặt nên sẽ bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách từ 20 đến 25 cen-ti-mét tính từ mặt đất. Chủ dự án sẽ xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, đồng thời lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định, cụ thể:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 57 của Luật Trồng trọt.
- Tổ chức, cá nhân xây dựng các công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước có tác động đến tầng đất mặt thì phải bóc riêng tầng đất mặt đó để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.
- Độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách từ 20 đến 25 cen-ti-mét tính từ mặt đất.
- Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt. Phương án sử dụng tầng đất mặt được xây dựng như sau: Trước khi san lấp mặt bằng phải thực hiện việc bóc, tách tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước thuộc phạm vi dự án, độ sâu tầng đất mặt bóc tách từ 20-25cm. Phù hợp với BCNKT xây dựng Dự án đã được thẩm duyệt. Sử dụng lớp đất mặt để trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án về sau. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang xây dựng công trình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt.

b. Thu gom, xử lý sinh khối thực vật:

- Lên kế hoạch GPMB cụ thể, thu gom triệt để lượng chất thải rắn phát sinh, tuyệt đối không xả ra môi trường.
- Đối với đất lúa, thỏa thuận với người dân và sẽ tiến hành GPMB sau khi thu hoạch để giảm thiểu lượng CTR phát sinh. Đồng thời, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến kinh tế cho các hộ dân này.

- Đối với sinh khối thực vật (rơm rạ, cỏ) phát sinh từ quá trình GPMB sẽ được thu gom và đốt tại chỗ.

3.1.2.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong quá trình thi công xây dựng

a. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với bụi và khí thải

** Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, bụi rơi vãi trên các tuyến đường*

- Phương án vận chuyển:

+ Lập phương án thi công, tiến độ thi công, xây dựng nội quy, lịch trình, lựa chọn tuyến đường vận chuyển, loại phương tiện vận chuyển phù hợp sẽ giảm thiểu đáng kể bụi và khí thải phát sinh.

+ Các xe vận chuyển nguyên vật liệu sẽ được phủ bạt kín khi hoạt động để tránh làm rơi vãi các loại vật liệu.

+ Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm (từ 6h30 - 7h30; 16h30 - 17h30) để hạn chế ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông, sử dụng phương tiện vận chuyển phù hợp với tải trọng thiết kế của hạ tầng giao thông.

+ Người điều khiển phương tiện bắt buộc phải có giấy phép và đảm bảo không phóng nhanh vượt ẩu, chạy quá tốc độ trong khi hoạt động.

+ Các phương tiện vận chuyển không được chở quá khổ, quá tải, phải có bạt che phủ tránh vật liệu rơi vãi ra đường. Nếu phương tiện để rơi vãi đất đá ra đường thì Chủ đầu tư và đơn vị nhà thầu phải bố trí công nhân thu gom, dọn dẹp sạch sẽ.

+ Chủ dự án yêu cầu Nhà thầu phải cam kết xe không chở nguyên vật liệu quá tải, tránh gây hư hỏng, sụt lún nền đường. Trong trường hợp bị hư hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, Nhà thầu phải sửa chữa kịp thời đảm bảo chất lượng bằng hoặc tốt hơn chất lượng đường hiện trạng.

- Tưới nước vệ sinh bánh xe, rửa thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu ngay sau khi ra khỏi công trường để tránh cuốn theo bùn đất dính bám trên xe, làm rơi vãi trên các tuyến đường.

- Phân luồng xe vào ra tách biệt trên công trường, các phương tiện vận tải sẽ được bố trí thời gian tập kết nguyên vật liệu phù hợp để tránh nhiều xe cùng hoạt động trong 1 thời điểm tại khu vực Dự án.

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Vào những ngày nắng, gió phát sinh nhiều bụi sẽ tưới nước trên các tuyến đường vận chuyển vật liệu có qua khu dân cư (tần suất tối thiểu 02 lần/ngày khi cần sẽ tăng lên).

** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí (bụi và khí thải) tại công trình xây dựng*

Để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ quá trình đào đắp, xây dựng công trình, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lập hàng rào tôn cao 3m bao xung quanh khu vực Dự án.
- San nền kết hợp lu lèn, đầm chặt bề mặt đất để tránh phát tán bụi do gió vào những ngày khô nóng.
- Bố trí thời gian thi công hợp lý, thi công theo hình thức cuốn chiếu, dứt điểm từng hạng mục để dễ kiểm soát và hạn chế ô nhiễm bụi trên diện rộng.
- Các máy móc thi công sẽ bố trí khoảng cách và thời gian hoạt động hợp lý nhằm giảm nồng độ các chất ô nhiễm không khí trong công trường làm việc.
- Chỉ sử dụng các phương tiện máy móc thi công đã được đăng kiểm, không sử dụng các loại máy móc cũ có khả năng gây ô nhiễm cao.
- Tại các bãi chứa nguyên vật liệu được che phủ bạt tránh gió cuốn làm phát sinh bụi.
- Việc bố trí bãi vật liệu phụ thuộc vào từng hạng mục công trình cụ thể đảm bảo thuận tiện trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu cũng như hoạt động xây dựng đồng thời tránh ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân. Đặc biệt phải có lịch trình thi công cũng như vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công hợp lý.
- Vật liệu xây dựng được bố trí tại khu vực Dự án tránh vút bừa bãi gây ách tắc giao thông.
- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn sạch sẽ chất thải rắn phát sinh nhằm hạn chế chiếm diện tích khu vực.
- Công nhân thi công xây dựng sẽ được trang bị bảo hộ lao động như: Khẩu trang, găng tay, mũ, giày.
- Hàng ngày bố trí công nhân quét thu dọn tại các điểm giao với đường vào khu vực Dự án.
- Phun ẩm tại các đoạn đường vào khu vực Dự án. Phun ẩm với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày và tăng lên vào thời kỳ cao điểm, nhằm hạn chế lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh trong những ngày nắng gió.

Nhận xét: Biện pháp phun ẩm và mua bạt che phủ là rất dễ triển khai, thu dọn đất đá rơi vãi,... chi phí thấp và giảm bụi rất hữu hiệu, hiện nay rất nhiều đơn vị thi công các công trình xây dựng đang áp dụng.

b. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với nước thải

** Nước thải sinh hoạt*

Như đã trình bày trên, nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân trong quá trình thi công, xây dựng Dự án có tính phân tán ở các lán trại. Việc xây nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn để xử lý đang áp dụng phổ biến hiện nay là rất khó thực hiện, do đặc thù của công trình là nằm trên diện tích rộng và gần các khu dân cư. Hơn nữa, nếu xây dựng các hầm tự hoại 03 ngăn sẽ rất khó khăn và tốn kém trong xây dựng, phá dỡ sau này. Nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân thi công vệ sinh thuận tiện và không gây ô nhiễm môi trường, Chủ dự án sẽ sử dụng nhà vệ sinh di động bằng vật liệu Composite đặt tại công trường. Bên cạnh đó, Chủ dự án và Nhà thầu xem xét có thể tuyển chọn lao động tại địa phương vừa tạo công ăn việc làm cho người dân vừa hạn chế phát sinh nước thải tại khu vực.



Hình 3.1. Nhà vệ sinh di động composite

Đây là loại nhà vệ sinh 01 ngăn, Dung tích hầm chứa khoảng 02m³, định kỳ đầy hầm chứa, Chủ dự án sẽ thuê Trung tâm Môi trường và Công trình đô thị huyện Vĩnh Linh hút đi xử lý.

** Nước thải xây dựng:*

Để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của nước thải xây dựng đến môi trường trong giai đoạn thi công, Chủ dự án sẽ quản lý chặt chẽ và yêu cầu đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình.
- Tiết kiệm nước trong quá trình trộn bê tông, vữa, hạn chế tối đa thất thoát ra môi trường.
- Tiến hành lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ô nhiễm môi trường.
- Hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc thi công bằng cách che đậy hoặc chứa trong nhà có mái che khi có mưa.

- Đảm bảo máy móc, thiết bị được che chắn, hạn chế tối đa rò rỉ dầu mỡ trong quá trình thi công.

** Nước mưa chảy tràn:*

Như đã phân tích ở trên, trong giai đoạn thi công nước mưa chảy tràn không phải là nước thải, do vậy Chủ dự án không tiến hành xử lý trực tiếp ra môi trường. Tuy nhiên, do giai đoạn này đang thi công, hệ thống hạ tầng chưa hoàn chỉnh nên việc giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn rất khó thực hiện. Vì vậy, ưu tiên thi công cuốn chiếu san từ cao xuống thấp, đắp từ thấp đến cao, khối đất đắp ra phải được lu lèn chặt ngay sau đó,... Bên cạnh đó, Nhà thầu sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

- Lên kế hoạch thi công hợp lý, tập trung thi công vào mùa khô, hạn chế thi công vào mùa mưa nhằm tránh nước mưa gây lầy lội, mất mỹ quan, làm đục nguồn nước;

- Quản lý, thu gom CTR xây dựng rơi vãi, CTR sinh hoạt, nước thải sẽ góp phần hạn chế ô nhiễm do nước mưa chảy tràn;

- Bố trí công nhân hàng ngày thường xuyên thu gom CTR vào các thùng chứa, nâng cao ý thức giữ gìn môi trường trong khu vực Dự án;

- Phủ bạt đối với máy móc thi công khi trời mưa;

- Thực hiện việc thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

Nhận xét:

Trên đây là các biện pháp không gây tốn kém về kinh phí nhưng bắt buộc các đơn vị thi công phải thực hiện nhằm tránh hiện tượng xói lở đất, gây đục và ô nhiễm nguồn nước trong quá trình thi công xây dựng. Tuy nhiên hiệu quả thực hiện của các biện pháp còn phụ thuộc vào ý thức thực hiện của đội ngũ thi công. Thông qua hoạt động giám sát Chủ dự án sẽ tăng cường các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo giảm thiểu tác động đưa ra được thực hiện một cách nghiêm túc nhất.

c. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với CTR

** CTR sinh hoạt:*

- Với khối lượng CTR phát sinh tối đa khoảng 25kg/ngày. Chủ dự án sẽ bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt (loại 120L, 02 ngăn để phân loại) ở khu vực lán trại để thu gom CTR sinh hoạt của công nhân xây dựng. Bên cạnh đó sẽ nhắc nhở công nhân cần thải bỏ rác đúng nơi quy định.

- Đối với các loại rác thải có khả năng tận dụng như bìa carton, chai nhựa, vỏ lon, kim loại (sắt, thép)... tận dụng bán phế liệu.

- Đối với rác thải sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng, tái chế thì thu gom và sau đó hợp đồng với Trung tâm môi trường và đô thị huyện Vĩnh Linh định kỳ 2 lần/tuần để đem đi xử lý.

*** CTR xây dựng:**

- Đối với khu vực đất trồng lúa phải thực hiện bóc tách từ 20-25cm tính từ mặt đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- CTR là đất đào thải từ quá trình bóc tách đất nông nghiệp: Đất đào thải sẽ được máy ủi gom về dọc mép góc phía Đông và phía Bắc khu đất, sau khi san lấp phần nền khu vực còn lại sẽ dùng máy xúc đổ lên lớp đất mặt những khu vực trồng cây xanh, đắp các mái taluy để trồng cỏ.

- Các chất thải rắn xây dựng khác có thể tận dụng được như bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ thu gom riêng, tận dụng bán phế liệu.

- Xe chở nguyên, vật liệu phục vụ thi công xây dựng sẽ được che chắn cẩn thận, thùng chứa của xe phải đảm bảo nhằm hạn chế rơi vãi.

- Vệ sinh bánh xe vận chuyển vật liệu khi ra vào công trình để tránh mang theo bùn đất rơi vãi trên các tuyến đường, nhất là vào những ngày có mưa.

- Bố trí tại cổng ra của công trường xây dựng 01 máng rửa bánh xe kết cấu BTCT, dài 10 m, rộng 4 m, chiều sâu lớp nước 0,3 m, xung quanh có rãnh thu nước tràn bề mặt để bắt buộc rửa bánh xe mỗi khi ra khỏi công trường. Nước được bổ sung vào máng bù cho lượng hao hụt.

- Hằng ngày bố trí công nhân quét dọn thu gom bụi hoặc bùn, đất rơi vãi tại các điểm giao của tuyến đường vào khu vực Dự án với các tuyến vận chuyển chính.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu chở đúng tải trọng quy định và có phủ bạt kín để không làm rơi vãi đất, cát ra tuyến đường.

- Chủ dự án cam kết quản lý CTR theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*** CTR nguy hại:**

CTNH trong giai đoạn này chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, để giảm thiểu nguồn chất thải này cần tiến hành các giải pháp sau:

- Không thay thế, sửa chữa hoặc bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc thi công... tại khu vực công trường, ngoại trừ những trường hợp phương tiện, máy móc, thiết bị bị hư hỏng đột xuất; khi thay thế, sửa chữa phải được lót bạt, có đầy đủ các dụng cụ để thu gom dầu mỡ thải, giẻ lau... và xử lý theo đúng qui định về CTNH.

- Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng duy tu cho phương tiện, thiết bị thi công tại công trường sẽ được các đơn vị thi công xây dựng dùng các tấm bạt bằng nilon hoặc tấm tôn thép có diện tích đủ rộng che phần diện tích phía dưới thiết bị trước khi sửa chữa nhằm tránh hiện tượng dầu, mỡ thải rơi xuống đất gây ô nhiễm môi trường. Giẻ lau, dầu, mỡ thải từ quá trình sửa chữa sẽ được thu gom, tập trung vào 01 thùng đựng CTNH chuyên dụng (loại 120L) để lưu trữ (thùng đựng có dán nhãn và ghi rõ loại CTNH) vào kho chứa gần với lán trại, không để lẫn lộn với rác thải thông thường, kho chứa phải có mái che đảm bảo. Nhà thầu sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng với quy định.

d. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động khác

** Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung*

- Chất lượng các máy móc, thiết bị phải đảm bảo đúng quy định.
- Bố trí lịch thi công hợp lý, không thi công bằng các thiết bị cơ giới có khả năng gây ồn lớn trong thời gian yên tĩnh, tránh thi công vào thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau.
- Hạn chế các phương tiện vận chuyển qua các tuyến đường vào giờ cao điểm hay vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.
- Ngoài ra, để giảm thiểu độ rung của các máy lu Chủ dự án sẽ sử dụng máy lu tĩnh để giảm thiểu được rung động trong quá trình lu nén nền đường.
- Không thi công với cường độ lớn, cần phân kỳ giai đoạn thi công hợp lý, tránh thi công một lần nhiều hạng mục nhằm giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn, độ rung.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.
- Các phương tiện, máy móc trước khi sử dụng được cân chỉnh cố định.
- Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo hoạt động đúng công suất, vận chuyển đúng trọng tải quy định.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành các máy móc phương tiện phát sinh độ ồn cao.

** Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái*

- Thi công dứt điểm từng hạng mục, tránh thi công tràn lan nhiều hạng mục dở dang một lần.
- Thu dọn sạch rơm rạ, các chất thải khác tránh hiện tượng nước mưa cuốn trôi xuống khe nước phía Đông dự án.
- Không được rửa các máy móc thiết bị trên công trường nhằm tránh thải ra dầu mỡ ở trên các dòng nước trong khu vực.

** Biện pháp giảm thiểu tác động đến phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp không thuộc diện tích thu hồi*

Để giảm thiểu các tác động đến phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp không thuộc diện tích thu hồi. Chủ dự án sẽ quản lý chặt chẽ, hạn chế tối đa các nguồn thải (nhất là bụi, chất thải rắn đất cát cuốn trôi theo dòng chảy) theo như các biện pháp đã phân tích ở trên đối với từng loại nguồn tác động, như:

- Thi công dứt điểm từng hạng mục, tránh thi công tràn lan nhiều hạng mục dở dang một lần.

- Không được rửa các máy móc thiết bị trên công trường nhằm tránh thải ra dầu mỡ ở trên các dòng nước trong khu vực.

- Lập hàng rào tôn cao 03 m bao xung quanh khu vực Dự án.

- Tuân thủ nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu đối với khí hải, nước thải, CTR.

** Biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học*

- Thi công dứt điểm từng hạng mục, tránh thi công tràn lan.

- Thu dọn sạch các loại rơm rạ, cỏ dại, các chất thải khác tránh hiện tượng nước mưa cuốn,... nhằm hạn chế sự phân huỷ của chúng trong môi trường nước.

- Không được rửa các máy móc thiết bị trên công trường hạn chế tác động do nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ xuống khe nước trong khu vực.

- Không để rò rỉ, rơi vãi dầu nhờn xuống mặt nước trong suốt quá trình thi công.

- Xây dựng theo đúng quy hoạch, phạm vi khu vực Dự án và tập trung xây dựng dứt điểm trong từng khu vực, tránh sự mở rộng khi không cần thiết.

Ngoài ra, thực hiện có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn, nước thải, không khí như đã nêu ở các phần trên sẽ tránh được những tác động đến hệ sinh thái, vì các thành phần môi trường bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái.

** Biện pháp giảm thiểu tác động đến KTXH*

Để giảm thiểu các tác động đến KTXH trong giai đoạn thi công, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như:

- Có kế hoạch, biện pháp phối hợp với chính quyền địa phương quản lý trật tự, an ninh, quản lý hộ khẩu tạm trú của công nhân xây dựng.

- Đưa ra những quy định nghiêm ngặt với công nhân thi công về tổ chức, ăn, nghỉ, sinh hoạt, tránh phát sinh mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng với người dân gây mất ổn định xã hội và làm giảm tiến độ chung của Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện pháp luật, bảo đảm trật tự an ninh và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội như cờ bạc và các hoạt động gây mất trật tự xã hội trên địa bàn.

- Đảm bảo thi công đúng theo thiết kế để đảm bảo chất lượng công trình, có biển báo chỉ đường, biển báo hướng dẫn đầy đủ nhằm hạn chế tai nạn giao thông gây tâm lý không tốt cho nhân dân.

- Các loại phương tiện như máy xúc, máy ủi có bánh xích được chở vào khu vực bằng xe chuyên dụng, không được chạy trực tiếp trên đường.

** Phương án phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông và hư hỏng tuyến đường vận chuyển:*

Quá trình thi công xây dựng Dự án ảnh hưởng đến nhiều tuyến đường hiện hữu và khu dân cư. Vì vậy, việc đảm bảo an toàn giao thông trong thi công là rất quan trọng. Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công phải thực hiện các biện pháp sau:

- Trước khi thi công phải tiến hành kiểm tra các phương tiện với yêu cầu đã được Đăng kiểm như trong hồ sơ dự thầu xây dựng của Nhà thầu.

- Có nội quy nghiêm ngặt cấm sử dụng chất kích thích (bia rượu....) trước và trong khi lái xe.

- Người điều khiển phương tiện phải có giấy phép lái xe và tuân thủ Luật Giao thông đường bộ.

- Các xe chở nguyên vật liệu có khả năng phát sinh bụi phải được che chắn kỹ để tránh ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.

- Chủ dự án và Nhà thầu thi công xây dựng sẽ lắp đặt cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra vào trong công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn như ngã ba giao nhau, góc khuất tầm nhìn.

- Chủ dự án và Nhà thầu thi công xây dựng sẽ bố trí thời gian, công nhân điều tiết phân luồng, tuyến hợp lý (nhất là nút giao Quốc lộ 1A và Dự án) trong quá trình tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công. Xe vận chuyển đúng tải trọng quy định, không chở quá tải làm hư hại và rơi vãi trên đường đi, gây tai nạn giao thông.

- Không vận chuyển nguyên vật liệu tại các giờ cao điểm như: Giờ bắt đầu đi làm, đi học từ 6h30 - 7h30, giờ tan ca từ 11h00 - 11h30 để tránh ùn tắc giao thông.

- Dọn dẹp vệ sinh đường sá sau mỗi ngày thi công và sau khi thi công xong, tránh để các chất thải rắn xây dựng rơi vãi gây trơn trượt, gồ ghề làm tăng nguy cơ tai nạn giao thông.

- Các phương tiện vận chuyển không được chạy nhanh vượt ẩu, tránh dừng đỗ xe trên các tuyến đường hẹp.

- Cấm các phương tiện đỗ và dừng xe dưới lòng đường.

- Việc sử dụng các phương tiện vận tải lớn, chở quá trọng tải quy định của xe với mật độ dày sẽ gây ra hư hỏng cho các tuyến đường vận chuyển. Gây ra tổn thất cho các công trình cũng như nguy hiểm cho người tham gia giao thông. Tuy nhiên, tuyến đường

vận chuyển chủ yếu là các tuyến lớn (như Quốc lộ 1A), chất lượng các tuyến đường này đáp ứng được nhu cầu vận chuyển vật liệu, máy móc thi công. Bên cạnh đó, khi đường xá bị hư hỏng do quá trình vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu phục vụ cho dự án, chủ dự sẽ có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình tham gia giao thông của người dân.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ*

- Phương án rà phá bom mìn:

+ Toàn bộ công tác thi công chỉ được tiến hành sau khi vùng khảo sát đã được đảm bảo chắc chắn là không có bom mìn và các vật liệu nổ khác.

+ Công tác rà phá bom mìn phải được các cơ quan chuyên ngành và có đủ thẩm quyền tiến hành, tránh rủi ro xảy ra khi triển khai Dự án về sau.

- Đường dây điện tới công trường phải là các đường dây kín, đảm bảo an toàn trong sử dụng.

- Đối với việc đấu nối đường dây điện vào công trường thi công sẽ giao cho cán bộ kỹ thuật có chuyên môn đảm nhiệm nhằm thực hiện các thao tác đấu nối điện đúng kỹ thuật và an toàn nhất.

- Đối với hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ được quản lý bằng các quy định và nội quy như không được hút thuốc và vứt tàn thuốc vào những khu vực dễ cháy nổ; sử dụng an toàn về điện tránh chập điện do quá tải.

- Đối với máy móc, động cơ sẽ được bảo trì, kiểm tra định kỳ, không hoạt động trong tình trạng quá tải.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công nhân giám sát sẽ báo ngay cho chỉ huy công trường để kịp thời chỉ đạo, đồng thời sử dụng các thiết bị cứu hỏa như: Bình CO₂, vòi phun nước, cát... để dập ngay đám cháy. Trường hợp có người bị thương cần sơ cứu khẩn cấp và liên hệ với trung tâm y tế gần nhất để cứu chữa kịp thời.

** Phương án phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:*

- Chủ dự án sẽ tổ chức đấu thầu để chọn ra đơn vị thi công có năng lực, đội ngũ công nhân có tay nghề cũng như kỹ luật cao.

- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, vệ sinh sức khỏe đối với người lao động theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

- Khi thi công ở những khu vực cao như mái nhà, thì công nhân cần được trang bị thiết bị bảo hộ lao động, chú ý an toàn cho công nhân.

- CBCNV phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, qui trình, qui phạm về an toàn lao động, xây dựng và bảo dưỡng thiết bị, nhằm không để xảy ra các sự cố và rủi ro về tai nạn lao động.

- Thành lập ban thực hiện an toàn lao động do chỉ huy trưởng công trường phụ trách nhằm mục đích theo dõi, kiểm tra việc thực hiện bảo hộ lao động an toàn lao động

trên công trường của công nhân.

** Phương án phòng ngừa sự cố sạt lở, ngập úng cục bộ:*

Chủ dự án sẽ yêu cầu Nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố như sau:

- Trong quá trình thi công mái ta luy nền công trình, nền đường, lề đường, san gạt đúng độ dốc thiết kế; những nơi địa chất mái ta luy không ổn định, cần phải gia cố mái dốc, những nơi nền đường bị ngập nước phải được gia cố lề, mái ta luy và kết cấu mặt đường phải bằng vật liệu phù hợp.

- Đối với hệ thống thu gom thoát nước bảo đảm thoát nước tốt, độ dốc cần thiết hạn chế các sự cố xói mòn, sạt lở.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống, làm đục nguồn nước của khu vực tiếp nhận;

- Thường xuyên thu gom CTR vào các thùng chứa, tránh vứt bừa bãi ra môi trường có thể gây tắc nghẽn các đường thoát nước;

- Tập trung thi công vào mùa hè và thi công theo hình thức cuốn chiếu.

- San nền được thực hiện cuốn chiếu từ khu vực cao đến khu vực thấp, không san nền tràn lan tránh gây ngập úng cục bộ trong khu vực.

- Thiết lập các công trình thoát nước dọc, ngang ngay khi đổ đất san nền.

- Đào kênh tạm dẫn dòng thoát nước mặt theo thực tế hiện trạng công trình, cuối kênh bố trí các hố bẫy đất để kết hợp lắng chất thải rắn, đất cát.

Trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành kịp các hệ thống thoát nước cũng như cos san nền mà gặp phải mưa bão, gây ngập úng. Chủ dự án cần phải:

- Di chuyển người và máy móc thiết bị đến nơi an toàn.

- Cử đội công nhân khơi thông, tạo dòng chảy để nước ứ đọng trong khu vực có thể thoát ra sông.

- Thực hiện đào các rãnh thoát nước trước khi thực hiện các hạng mục nhằm giảm thiểu sự cố ngập úng khi có mưa bão.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành các hoạt động chủ yếu là:

- Các phương tiện như xe ô tô, xe máy hoạt động trong khu vực.

- Quá trình vận hành nhập, tồn, xuất xăng dầu.

- Quá trình kinh doanh buôn bán hàng hóa.

- Hoạt động của khoảng 112 CBCNV trong khu vực.

Các hoạt động trên diễn ra sẽ góp phần gây ô nhiễm môi trường trong khu vực và được đánh giá một các chi tiết như sau:

3.1.3.1. Tác động liên quan đến chất thải

a. Nguồn gây tác động ô nhiễm môi trường không khí:

* Nguồn phát sinh:

- Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện ra vào Trạm;
- Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu.
- Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình đun nấu của Nhà bếp, sự phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh, ...

* Thành phần và tải lượng:

Khí thải và bụi do hoạt động của các phương tiện ra vào Trạm:

- Các xe ra vào Trạm sẽ cuốn bụi lên từ mặt đất. Xe sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu DO, khi hoạt động sẽ thải ra môi trường làm phát sinh các loại khí thải như VOC, NO₂, CO, CO₂, SO₂, bụi, ...

- Tải lượng các khí thải này phụ thuộc vào nhiều yếu tố: mật độ, tần suất các loại phương tiện ra vào, điều kiện thời tiết và chất lượng nền đường trong khu vực Trạm, ...

- Vì khu vực Dự án thoáng đãng, nền đường và sân đều được xây dựng bằng bê tông theo tiêu chuẩn, tần suất xe ra vào không cao nên các khí thải, bụi rất ít có khả năng gây ảnh hưởng đến người dân sống xung quanh khu vực mà hầu như chỉ tác động cục bộ đến CBCNV của Trạm. Đáng chú ý là vào mùa khô, những ngày nắng, gió, lượng bụi sẽ tăng nhiều, Công ty sẽ áp dụng biện pháp quản lý và xử lý hạn chế tác động này.

Hơi xăng dầu:

Sự ô nhiễm môi trường không khí giai đoạn này chủ yếu là do lượng xăng, dầu bay hơi khuếch tán vào không khí từ các nguyên nhân sau đây:

- Trước tiên do bản chất của xăng, dầu là rất dễ bay hơi, khi công tác lưu giữ không đảm bảo hoặc khi xuất nhập thì lập tức sẽ xảy ra hiện tượng bay hơi. Thất thoát do bay hơi chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các nguyên nhân gây ra hao hụt.

- Thất thoát từ các công đoạn nhập xuất: Từ trên xe bồn ô tô xitéc vào đường ống sau đó vào bồn chứa;

- Rò rỉ xăng dầu do các van, các mối nối, từ các đường ống và rò rỉ hệ thống bồn không được kín khít tuyệt đối;

Thành phần trong hơi xăng dầu chủ yếu là các hợp chất hydrocacbon, khí H₂S, bụi,... Trong các chất ô nhiễm thì chủ yếu là các hợp chất hydrocacbon dễ bay hơi (VOC) phát tán vào môi trường không khí.

Có thể xác định tải lượng VOC theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới trong quá trình nhập, lưu trữ và xuất theo bảng dưới đây:

Bảng 3.10. Hệ số phát sinh lượng VOC từ quá trình lưu và xuất nhập xăng dầu

TT	Công đoạn	Phát sinh từ xăng	Phát sinh từ dầu
1	Tồn chứa	1,14 kg VOC/m ³ bể chứa/năm	0,015 kg/m ³ bể chứa/năm
2	Xuất nhập	0,59 kg VOC/m ³	0,18 kg VOC/m ³

Nguồn: Tổ chức Y tế thế giới (WHO), 1993

Theo quy mô của Dự án: DO được chứa trong 01 bể 25m³; Xăng RON 95 được chứa trong 01 bể 10m³; E100 được chứa trong 01 bể 10m³.

Lượng xăng dầu nhập xuất thông qua Dự án là 2.662 m³/năm. Trong đó: lượng xăng là 1.137m³/năm (Xăng E92: 536 m³/năm; Xăng E95: 601 m³/năm), lượng dầu là 1.525m³. Vậy có thể tính toán lượng VOC phát sinh của Dự án như sau:

Bảng 3.11. Lượng VOC bay hơi trong quá trình hoạt động của Dự án

TT	Công đoạn	Phát sinh từ xăng	Phát sinh từ dầu
1	Tồn chứa	22,8 kgVOC/năm	0,375 kgVOC/năm
2	Xuất nhập	670,83 kgVOC/năm	274,5 kgVOC/năm

Qua *Bảng 3.11.* cho thấy: lượng VOC phát sinh từ xăng lớn hơn từ dầu và từ công đoạn xuất nhập lớn hơn công đoạn tồn chứa.

Đánh giá tác động:

Dựa vào các tính toán trên cho thấy, lượng xăng dầu hao hụt do bay hơi vào môi trường không khí tương đối lớn. Lượng thất thoát ra ở dạng hơi và bay vào không khí sẽ làm ô nhiễm đến chất lượng môi trường không khí ở khu vực này. Thành phần hơi xăng chủ yếu là các hợp chất hydrocacbon mạch ngắn và các phụ gia có trong xăng như benzen, toluen, xylen và các tạp chất là hợp chất lưu huỳnh. Các chất ô nhiễm này gây các tác động sau:

+ Các chất này rất dễ phát tán và hoà lẫn chiếm chỗ các thành phần có trong không khí nên con người và gia súc rất dễ hít phải.

+ Phát sinh mùi hôi khó chịu trong khu vực.

+ Đây là những chất độc đối với người và động thực vật.

Môi trường không khí chịu ảnh hưởng lớn nhất là môi trường trong khu vực Trạm xăng dầu và khu vực lân cận. Sự tác động đến môi trường không khí do sự gia tăng hàm lượng các hydrocacbon gây ô nhiễm môi trường qua đó làm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người. Đánh giá tác động đến sức khoẻ con người do hơi xăng dầu.

Thực tế hiện nay, việc áp dụng công nghệ mới, hiện đại và các biện pháp giảm thiểu hao hụt đã được nhiều nước trên thế giới rất quan tâm đầu tư nghiên cứu và áp dụng. Theo dự kiến, Công ty sẽ nhập mua các máy móc, thiết bị có công nghệ hiện đại để hạn chế tối đa rò rỉ và thất thoát xăng dầu gây ảnh hưởng đến kinh tế của Công ty.

- Ngoài các khí thải nói trên, còn có mùi hôi do phân hủy các chất thải và từ khu vệ sinh. Tuy nhiên, mức độ của mùi hôi phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, thời gian lưu, ý thức của nhân viên và khách hàng, ...

b. Nguồn gây tác động ô nhiễm nguồn nước:

* *Nước thải sinh hoạt:* Tổng số CBCNV giai đoạn này là 112 người. Theo tính toán như Mục 5.1.1.1.b thì lượng nước thải phát sinh là: 9 m³/ng.đ. Với nồng độ các chất ô nhiễm cao (như trình bày tại Bảng 3.8), đây là lượng nước thải cần xử lý trước khi thải vào môi trường.

** Nước thải sản xuất:*

- Nguồn phát sinh từ các công đoạn sau:

+ Nước súc rửa bể chứa: nguồn này thường phát sinh gián đoạn và thường không thể xác định chính xác được số liệu mà phụ thuộc vào thời điểm dùng, người dùng, quy mô từng dự án...Đối với Dự án, dung tích bồn chứa 45m³, mỗi lần súc rửa bồn máy xịt áp lực với lượng nước sử dụng khoảng 05 m³/lần.

+ Nước khu vực rửa xe: Dự án bố trí 02 cầu rửa xe để phục vụ chủ yếu cho các xe CBCNV và khách đường xa, theo thực tế các Trạm đang hoạt động của Công ty ước tính lượng nước dùng và lượng thải khoảng 05 m³/ngày.

Tham khảo số liệu phân tích nước thải tại bể tách dầu, mương thải của các kho chứa đang hoạt động của Petrolimex đều cho thấy hàm lượng dầu mỡ trong nước thải dao động từ 250 ÷ 1.000mg/l, tạp chất cơ học từ 100 ÷ 250mg/l, vượt QCVN

29:2010/BTNMTQCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và CHXD- Giá trị cột A rất nhiều lần.

Nhận xét: Nước thải từ các hoạt động trên chứa lượng lớn dầu mỡ nếu không có biện pháp xử lý sẽ làm ô nhiễm nguồn nước xung quanh khu vực Dự án. Vì vậy, Chủ dự án sẽ có biện pháp thích hợp để xử lý nước thải này trước khi xả ra ngoài.

** Nước mưa chảy tràn:*

Do Trạm luôn có các loại phương tiện ra vào nhập, xuất xăng dầu nên trên mặt đất luôn chứa hàm lượng dầu mỡ. Khi có mưa, nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo các chất thải xuống khe nước sát khu vực Dự án gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt khu vực nếu Chủ dự án không có các biện pháp khống chế thích hợp.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích Dự án trong giai đoạn này được tính toán tương tự như giai đoạn thi công tại mục 3.1.1.5.b

Theo đó, kết quả tính toán lưu lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án như sau:

Bảng 3.12. Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hệ số (C)	Lượng mưa tháng lớn nhất (m)	Lưu lượng nước mưa chảy tràn (m ³ /tháng)
1	Đất khu vực nguy cơ nhiễm dầu mỡ	3.656	0,75	0,283	775,98
2	Đất khu vực còn lại	3.891	0,75		825,86
3	Cây xanh, dự trữ	3.264	0,37		341,77
	Tổng	10.811			1943,61

Đánh giá tác động:

- Tác động do nước thải sinh hoạt: Trong giai đoạn này, do lượng CBCNV đông hơn nên lượng nước thải sinh hoạt sẽ lớn hơn. Do vậy, mức độ tác động sẽ lớn hơn giai đoạn thi công.

- Tác động của nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án có hàm lượng chất ô nhiễm vượt Quy chuẩn cho phép nhất là hàm lượng dầu mỡ. Việc thu gom và xử lý không

đạt đảm bảo sẽ gây ô nhiễm đến nguồn nước mặt ở các vùng trũng và các kênh mương nhỏ trong khu vực..

+ Tác động đến môi trường nước mặt: Một phần lượng dầu mỡ và chất ô nhiễm cũng sẽ phát tán vào môi trường nước mặt ở khu vực theo con đường trực tiếp hoặc do sự lan toả theo nguồn nước mặt. Do dầu mỡ rất khó phân huỷ, nhẹ hơn nước nên dầu mỡ sẽ nổi trên bề mặt, lan toả rất nhanh và tạo ra một lớp màng che phủ bề mặt. Do đặc tính lan toả và tính chất độc hại của các chất ô nhiễm trong nước thải nên nếu không được xử lý triệt để, kịp thời thì sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng đến chất lượng nước mặt ở khu vực dự án và các khu vực lân cận, quy mô tác động có thể lan rộng ra khe Tiên Lai, sông Sa Lung, sông Bến Hải.

- Tác động của nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa không chứa xăng, dầu: Mức tác động của nước thải loại này đến môi trường nước mặt không đáng kể. Thành phần chủ yếu là các chất rắn vô cơ như đất, cát sẽ được lắng đọng tại các hố gas trước khi thải ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn có chứa xăng, dầu:

Hàm lượng xăng dầu có trong nước thải tuy không lớn nhưng do đặc tính lan toả và tính độc hại của nó đến hệ sinh thái nên cần phải được thu gom và xử lý để giảm bớt mức tác động đến môi trường tiếp nhận.

c. Tác động do chất thải rắn

*** Nguồn gốc và tải lượng:**

- Chất thải rắn từ nhà dịch vụ ăn uống: Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình từ khoảng 0,5kg/người/ngày (theo: *Quản lý chất thải rắn - GS. Trần Hiếu Nhuệ biên soạn, NXB Xây dựng, 2001*). Với lượng khách vào trạm là 100 người/ngày, số lượng CBCNV Trạm là 12 người, vậy tổng lượng rác thải phát sinh tính được khoảng 56 kg/ngày. Tuy nhiên, do khách vắng lai và sử dụng dịch vụ thấp hơn nên số lượng CTR phát sinh thực tế ít hơn lượng CTR như dự báo trên.

- Các chất thải rắn nguy hại: Hoạt động của Dự án phát sinh các chất thải nguy hại như: dầu mỡ thải, giẻ lau dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc; các loại bóng đèn hỏng, pin hỏng, cặn dầu,... Theo quy mô của Dự án và dựa vào lượng thực tế phát sinh các Trạm tương tự Dự án đang hoạt động của Công ty thì lượng chất thải từ khu vực Dự án ước tính khoảng 15-20 kg/tháng.

*** Đánh giá tác động:**

- Chất thải rắn phát sinh ở giai đoạn này sẽ thu gom, xử lý thích hợp tránh phát tán gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan và là nguồn lây lan vi sinh vật gây bệnh.

- Đối với các chất thải nguy hại: Trong quá trình hoạt động, đáng chú ý nhất là lượng chất thải rắn từ quá trình trong quá trình lau chùi và sửa chữa thiết bị ở garage. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại, thì các loại CTNH thì các chất thải này đều nằm trong danh mục CTNH cần phải xử lý riêng.

Tác nhân trong các CTNH của Dự án chủ yếu là dầu mỡ. Như vậy, các loại chất thải này nếu không được thu gom, xử lý triệt để thì sẽ có những tác động rất lớn đến môi trường, sức khỏe con người và gây mất mỹ quan. Đối với lượng CTNH phát sinh này sẽ Chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom, xử lý thích hợp.

3.1.3.2. Tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tiếng ồn và độ rung

Trong giai đoạn hoạt động tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải ra vào Trạm, các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Ví dụ xe du lịch nhỏ có mức ồn 77 dBA, xe khách - xe tải: 84-90 dBA,... Mặc dù vậy, do ở xa khu dân cư nên tiếng ồn và độ rung chỉ tác động đến CBCNV và người tham gia giao thông, khách vãng lai.

b. Các tác động về mặt kinh tế - xã hội

*** Tác động tích cực:**

- Dự án có quy mô hiện đại, góp phần nâng cao hệ thống dịch vụ giao thông tỉnh Quảng Trị nói riêng và Việt Nam nói chung, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển huyện Vĩnh Linh theo định hướng của Tỉnh.

- Dự án triển khai sẽ góp phần giải quyết được tình trạng thiếu hụt nhiên liệu, thuận tiện cho khách hàng tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ 1A.

- Góp phần giải quyết việc làm cho địa phương với khoảng 12 lao động khi đi vào vận hành.

- Mang lại thu nguồn thu nhập cho Công ty cũng như đóng góp các khoản thuế cho Nhà nước và góp phần ổn định thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế cho khu vực.

- Tạo nên một hình ảnh, một tổ hợp khu nghỉ chân du lịch vừa hiện đại và có bản sắc văn hóa.

- Góp phần cải thiện môi trường, khai thác có hiệu quả cảnh quan huyện Vĩnh Linh, xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch vùng đất Quảng Trị, góp phần phát triển địa chỉ du lịch nổi tiếng quốc gia.

- Tăng tính hấp dẫn các khu du lịch trong địa bàn Quảng Trị và thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của du khách cũng như cộng đồng dân cư.

*** Tác động tiêu cực:**

- Dự án sẽ tập trung nhiều công nhân trên khu vực, từ đó có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự, làm thay đổi lối sống văn hoá địa phương.

- Các chất thải của Dự án nếu không được xử lý sẽ tác động đến môi trường, hệ động thực vật và sức khỏe cộng đồng khu vực xung quanh.

3.1.3.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của Dự án

a. Sự cố cháy, nổ:

- Tại các khu vực như tồn chứa, cột bơm, van của Trạm xăng dầu và khu dịch vụ dừng chân rất dễ xảy ra cháy, nổ nếu có phát sinh tia lửa từ các nguồn sau:

+ Nguồn lửa phát sinh từ sinh hoạt của con người như: bật lửa, diêm, tàn thuốc, ...

+ Nguồn lửa phát sinh do sự cố chập, chạm hệ thống điện, ... dẫn đến phóng tia lửa điện.

+ Nguồn nhiệt phát sinh từ các bình ắc quy, ống xả khí thải từ các phương tiện ra vào Trạm

+ Do sét đánh nếu hệ thống thu sét không đảm bảo độ an toàn.

+ Do đội ngũ CBCNV không tuân thủ và chấp hành nghiêm túc các nội quy chung của Trạm dừng chân.

*** Tai nạn lao động:**

Các tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có thể xảy ra đối với CBCNV nếu Chủ dự án không có các biện pháp an toàn và bảo hộ lao động thích hợp. Đối với ngành xăng dầu thì ngoài nguy cơ cháy nổ còn có một tác động khác rất lớn đó là khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe nhân viên trực tiếp bán hàng nếu tiếp xúc lâu dài với hơi xăng dầu mà thiếu biện pháp hạn chế, giảm thiểu, bảo hộ và chế độ chăm sóc sức khỏe định kỳ.

*** Sự cố về tai nạn giao thông:**

Vị trí xây dựng Dự án nằm trên Quốc lộ 1A, lưu lượng phương tiện giao thông rất lớn, vì thế các loại phương tiện ra vào nhập, mua nhiên liệu và dịch vụ ăn, uống tổng hợp khác, ... rất dễ xảy ra các tai nạn giao thông nếu chủ phương tiện thiếu cẩn thận hoặc không tuân thủ Luật giao thông đường bộ hoặc do Trạm không có các biển báo hướng dẫn, chỉ dẫn theo quy định.

3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Giảm thiểu hơi xăng dầu trong quá trình nhập, tồn chứa và xuất:

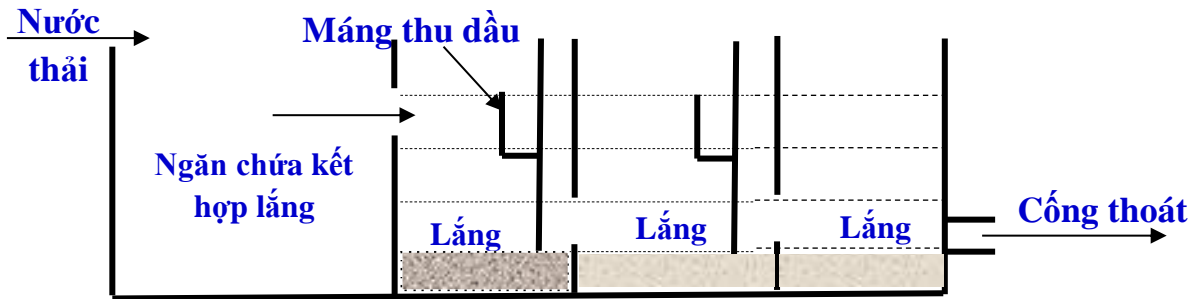
Để giảm thiểu tác động gây ô nhiễm do hơi hydrocacbon từ xăng dầu, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Mỗi bồn chứa xăng dầu đều lắp đặt van thở, ngoài việc điều áp trong bồn còn làm giảm hơi áp từ ô tô xitec.
- Hệ thống nhập xăng dầu từ ô tô xitec vào bồn chứa là một hệ thống khép kín.
- Đường ống nhập vào bồn chứa phải kéo xuống đáy bể và cách đáy bể ít nhất là 0,2m. Đường ống phải có độ dốc >1% về phía bồn chứa.
- Nếu ống thông khí và ống nối van thở được lắp đặt dọc tường hay cận cửa thì miệng xả của hai loại ống này phải cao hơn nóc hoặc mái nhà ít nhất 1,0m và cách các cửa >3,5m.
- Xe ô tô dùng để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và các thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.
- Tổ chức vệ sinh hàng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực Trạm dừng chân.
- Đối với các bồn chứa xăng dầu phải được chôn ngầm, lắp đặt các hệ thống đúng theo quy định an toàn trong lưu giữ xăng dầu.
- Tiến hành trồng cây xanh quanh tường rào và các vị trí thích hợp trong khu vực.
- Trang bị các phương tiện, áo quần, kính, găng tay, khẩu trang, ... cho công nhân lao động.

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

a. Nước mưa chảy tràn và nước súc rửa bồn chứa:

Nước mưa chảy tràn qua sân khu vực bán xăng dầu, nước súc rửa bồn định kỳ, nước thải khu vực rửa xe: Đây là loại nước thải này có chứa hàm lượng dầu mỡ, chất rắn lơ lửng cao nên Công ty sẽ xây dựng hệ thống thu gom nước thải dẫn về bể xử lý tách dầu mỡ và lắng cặn như sau:



Hình 3.1. Mô hình hệ thống xử lý nước nhiễm dầu

Nguyên lý hoạt động:

- Nước mưa chảy tràn và nước súc rửa bồn chứa và nước rửa xe theo các mương dẫn đưa về vị trí xử lý tập trung, tại đây nước thải được dẫn vào hệ thống xử lý bằng cách lắng, gạn dầu mỡ theo các công đoạn sau:

+ Nước thải được thu về bể gom để chứa kết hợp lắng, đồng thời ổn định lưu lượng.

+ Nước thải tiếp tục vào ngăn thứ hai: Phần lớn đất cát được lắng xuống, lượng dầu mỡ khoáng trong nước thải do có khối lượng riêng nhỏ hơn nước nên được nổi lên trên bề mặt sẽ chảy tràn vào máng gạn, thu dầu.

+ Nước sau khi qua ngăn thứ hai sẽ được dẫn vào ngăn thứ ba bằng ống thông ở phía dưới mặt nước nhằm ngăn chặn dầu đi qua. Tại ngăn này, các chất cặn lắng tiếp tục được lắng xuống, phần nhũ dầu mỡ trong nước khi qua ngăn thứ ba, ở ngăn này do nước ở dạng ít bị xáo trộn nên phần nhũ dầu mỡ có điều kiện nổi lên trên mặt nước sẽ được tiếp tục gạn, thu dầu mỡ ở ngăn thứ ba.

+ Nước thải từ ngăn thứ ba được dẫn qua ngăn thứ tư, tại đây nước đã được xử lý đạt hiệu suất như sau: Chất rắn lơ lửng giảm 85÷95%, dầu mỡ khoáng giảm 80÷90%, nước thải được xả ra môi trường tiếp nhận là khe nước phía Đông Dự án.

- Dầu mỡ thu gom và cặn lắng nhiễm dầu sẽ được để đúng nơi quy định, định kỳ đem đi xử lý tại các đơn vị có chức năng trong và ngoài Tỉnh (đối với chất thải này phải xử lý theo công nghệ xử lý chất thải nguy hại).

- Hệ thống các hồ lắng gạn dầu được thiết kế xây dựng gồm 04 ngăn với kích thước các ngăn được tính toán như sau:

Các nguồn nước đầu vào: tối đa khi có mưa: 25,98 m³/ngày + lượng nước khu vực rửa xe 05 m³/ngày + nước súc rửa bồn 05m³/ngày. Tuy nhiên, lượng phát sinh thường xuyên hàng ngày là 05 m³ ở khu vực rửa xe, khi có mưa thì không rửa xe và súc rửa bồn. Do đó, hệ thống xử lý tính tối đa là 25,98 m³/ngày (trương đương với lượng nước mưa ngày), với thời gian lưu nước khoảng 12h, kích thước các ngăn như sau:

+ Ngăn chứa kết hợp lắng: dài × rộng × sâu = 4 x 1,5 x 1,3m.

+ Ngăn thứ hai: dài × rộng × sâu = 1,0×1,5×1,3m.

+ Ngăn thứ ba: dài × rộng × sâu = 1,0×1,5×1,3m.

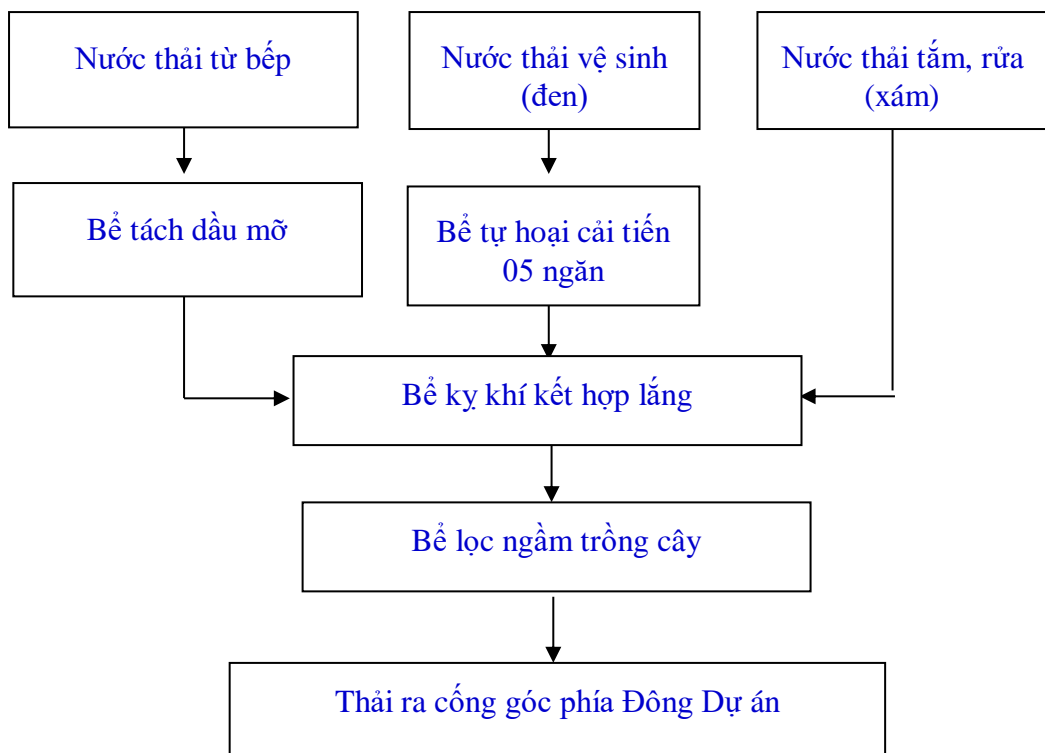
+ Ngăn thứ tư: dài × rộng × sâu = 1,0×1,5×1,3m.

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ được thải trực tiếp ra khe nước phía Đông của Dự án.

b. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ, công nhân viên của Dự án và khách hàng vào mua bán xăng dầu, khách vào ăn uống, nghỉ ngơi và các hoạt động dịch vụ khác. Dự án sẽ tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

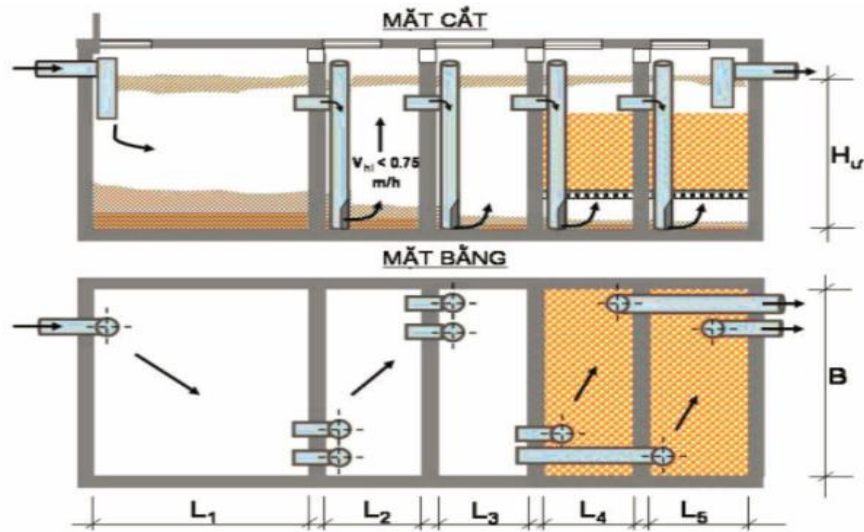
Sơ đồ quy trình thu gom và xử lý nước thải của Dự án:



Hình 3.2. Quy trình thu gom và xử lý nước thải của Dự án

a) Nước thải vệ sinh

Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) được thu gom về bể tự hoại cải tiến 05 ngăn để xử lý. Mô hình một bể tự hoại như sau:



Hình 3.3. Mô hình bể tự hoại 05 ngăn

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức: $W = W_n + W_c$

- Trong đó:

+ W_n : Thể tích phần nước của bể (m^3);

+ W_c : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể (m^3);

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1÷3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh. Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 2 \times 9 = 18 m^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1000] \text{ (m}^3\text{)}.$$

- Trong đó:

+ a : Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5÷0,8 L/người.ngày)

+ T : Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365$ ngày

+ W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1 = 95\%$, $W_2 = 90\%$.

+ b : Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

+ c : Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

+ N: Số người mà bể phục vụ (chọn 112 người).

$$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times 112] / [(100-90) \times 1.000] \approx 30,6 \text{ m}^3.$$

Như vậy, tổng thể tích bể tự hoại cần xây dựng là:

$$18 \text{ m}^3 + 13,73 \text{ m}^3 \approx 32 \text{ m}^3$$

Với tổng thể tích yêu cầu như trên, chủ dự án dự kiến bố trí bể tự hoại với thể tích 32 m³.

Dự kiến sẽ xây dựng thành 02 vị trí độc lập, kích thước dự kiến như sau:

+ Khu vực Cửa hàng xăng dầu (phục vụ CBCNV) với thể tích khoảng 12m³ (3x2,5x1,6m).

+ Khu vực Nhà dịch vụ tổng hợp khoảng 20m³ (4x3x1,7m).

- Nguyên lý hoạt động:

Bước 1: Các dòng chất thải ra bồn cầu đều được đưa lên bể chứa lớn

Bước 2: Nước thải khi được đưa lên bể chứa lớn, nhanh chóng được đưa vào ngăn thứ 2 thông qua hệ thống đường ống hoặc vách ngăn, giúp điều hòa nồng độ chất thải, ngăn chặn việc lắng đọng chất thải giúp lên men kỵ khí.

Bước 3: Tại đây nước thải được chuyển qua các ngăn còn lại theo chiều chuyển động từ dưới lên nhằm tiếp xúc được hết các sinh vật kỵ khí ở lớp bùn dưới đáy bể. Tại mỗi khoang bể chứa, các chất hữu cơ sẽ được sinh vật kỵ khí hấp thụ, làm chuyển hóa nhanh, bóc tách thành hai pha lên men axit và lên men kiềm.

Thông qua chuỗi phản ứng này, bể sẽ được xử lý triệt để các chất cặn bã hữu cơ, bùn góp phần tăng thời gian lưu bùn.

Bước 4: Ở ngăn lọc cuối của hệ thống bể tự hoại cải tiến Bastaf, sinh vật kỵ khí sẽ sống bám vào bề mặt hạt vật liệu, từ đó làm sạch nguồn nước thải, ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo.

Theo Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường, trường Đại học Xây dựng, bể tự hoại cải tiến Bastaf là bể phản ứng kỵ khí, sử dụng các ngăn lọc kỵ khí với vách ngăn mỏng giúp điều hòa lưu lượng nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải ngăn chặn sự lắng đọng của chất thải.

Quá trình hoạt động của bể góp phần tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn kỵ khí có ích phát triển trong từng giai đoạn, tăng thời gian lưu bùn.

Hiệu suất của bể tự hoại cải tiến luôn ổn định ngay cả trong môi trường có giao động lưu lượng chất thải và nồng độ đầu vào lớn hơn. Một số kết quả với số liệu

đánh giá hiệu suất hoạt động của bể tự hoại cải tiến Bastaf cụ thể như: BOD₅ đạt 71 đến 85%, COD đạt 75 đến 90%, TSS đạt 75% đến 95%.

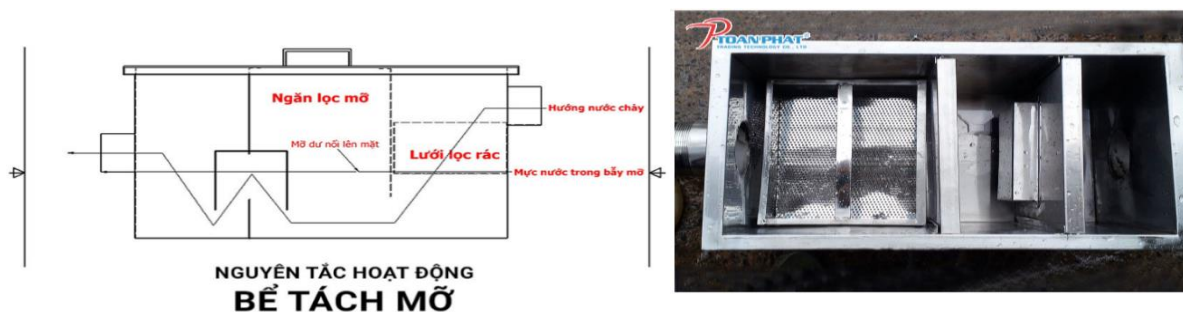
Lượng bùn cặn sẽ định kỳ hợp đồng với Trung tâm Môi trường và CTĐT huyện Vĩnh Linh hút đi xử lý.

b) Nước thải tắm rửa

- Nước thải từ hoạt động tắm, rửa (nước thải xám) qua song chắn rác rồi theo đường ống U.PVCD200 về bể lắng, lọc.

c) Nước thải từ bếp

- Nước thải từ bếp, khu vực nhà hàng dịch vụ ăn uống thu gom về bể tách dầu mỡ xử lý sơ bộ, tại đây lớp dầu nổi trên bề mặt được thu gom bằng máy hút dầu chuyên dụng, sau đó theo đường ống U.PVCD200 về bể lắng 2 ngăn. Số lượng bể tách dầu là 01 cái đặt tại Nhà bếp.



Hình 3.4. Nguyên tắc hoạt động và cấu tạo của bể tách dầu mỡ

* Về kích thước thiết bị lắng, gạn dầu mỡ:

- Nhiệm vụ: Lắng và tách dầu mỡ có trong nước thải.
- Lưu lượng nước thải vào ngăn lắng: 0,17 m³/h.
- Thời gian lưu: 12h.
- Thể tích hữu dụng của ngăn lắng: V ≈ 2 m³.
- Chia thành 2 công đoạn: lắng và vớt dầu mỡ.

Tại bể tách mỡ sẽ có ngăn để trích ly dầu mỡ, định kỳ công nhân sẽ vớt lượng dầu mỡ nổi trên bề mặt bằng thủ công và lưu trữ vào kho chứa CTNH.

d) Xử lý nước thải tại bể lắng lọc:

Nước thải sau khi được thu gom từ các nguồn (sau bể tự hoại, khu vực nhà bếp và khu vực tắm rửa) được dẫn qua bể kỵ khí bằng BTCT nhằm tiếp tục quá trình xử lý chất ô nhiễm, nước thải tiếp tục tự chảy qua bể lọc ngầm trồng cây bằng hệ ống uPVC (phi 50) đục lỗ để chia đều lượng nước với hình thức lọc ngược, qua các lớp vật liệu lọc từ dưới lên, ở bề mặt bố trí các loại cây thích hợp như: Hoa chuối, thủy trúc, cỏ sậy,...nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) trước khi thải ra môi trường là khe nước phía Đông Dự án.

* Tính toán kích thước hệ thống XLNT:

- Khu vực Cửa hàng xăng dầu (phục vụ CBCNV) khoảng: 6 m³.
- Lưu lượng đầu vào: 06 m³/ngày.đêm, tương đương 0,25 m³/giờ.

Kích thước:

- + Bể kỵ khí (BTXM): DxRxH=(2,5 x 2 x 1,2)m, thời gian lưu 24 giờ.
- + Bể lọc ngầm trồng cây (BTXM hoặc bạt HDPE): DxRxH = (4 x 3 x 1)m, thời gian lưu 48 giờ.

- Khu vực Nhà dịch vụ ăn uống tổng hợp khoảng: 03 m³.

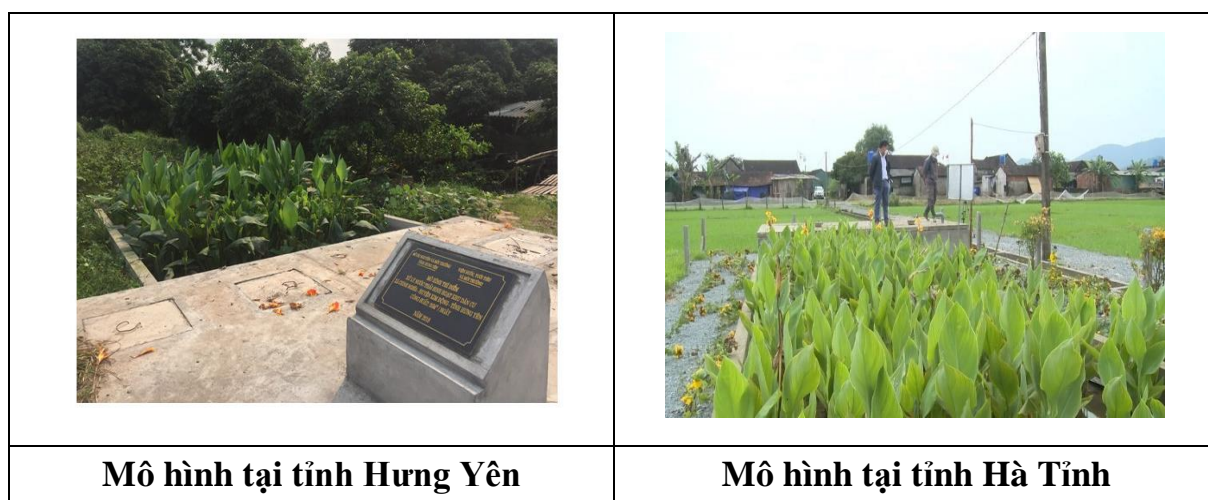
- Lưu lượng đầu vào: 03 m³/ngày.đêm, tương đương 0,125 m³/giờ.

Kích thước:

- + Bể kỵ khí (BTXM): DxRxH=(2 x 1,5 x 1,0)m, thời gian lưu 24 giờ.
- + Bể lọc ngầm trồng cây (BTXM hoặc bạt HDPE): DxRxH = (3 x 2 x 1)m, thời gian lưu 48 giờ.

- Các lớp vật liệu lọc từ dưới lên gồm: Lớp sạn B dày 0,3m, lớp cát thô/đá 1x2 dày 0,2m, lớp than hoạt tính dày 0,1m, lớp cát mịn trộn đất dày 0,2m. Giữa các lớp sử dụng tấm vải địa kỹ thuật để chống các loại đất cát mịn lọt xuống lớp dưới.

* Phân tích lựa chọn mô hình: Hiện nay có rất nhiều công nghệ hiện đại để xử lý hiệu quả nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, Chủ Dự án lựa chọn 01 hệ thống xử lý nước thải rẻ tiền, hiệu quả về xử lý và dễ vận hành là rất cần thiết, công nghệ này hiện nay đã được áp dụng thực tế để xây dựng mô hình nông thôn mới tại các tỉnh như Hà Tĩnh, Hưng Yên.



Hình 3.5. Hình ảnh thực tế công trình xử lý nước thải xám

3.2.2.3. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng

Trang 103

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần phát triển công nghệ môi trường Miền Trung

Chủ dự án sẽ bố trí các sọt rác ở một số khu vực chức năng cụ thể như sau:

- Cửa hàng xăng dầu: 02 sọt nhỏ.

- Khu dịch vụ tổng hợp:

+ Bố trí dưới mỗi bàn ăn là 01 sọt nhỏ (30 sọt)

+ 01 thùng rác đặt ở nhà bếp (loại 120L, 02 ngăn để phân loại).

+ 01 thùng rác đặt ở khuôn viên nhà dịch vụ (loại 120L, 02 ngăn để phân loại).

- Định kỳ sẽ hợp đồng với Trung tâm Môi trường và CTĐT huyện Vĩnh Linh đưa đi xử lý tập trung.

b. Chất thải rắn khác:

- Các chất thải rắn có thể tận dụng, tái sử dụng như thùng, chai, lon, vỏ hộp... sẽ được tận thu và bán lại cho đơn vị tái chế, tái sử dụng.

c. Chất thải nguy hại:

Trong công tác xử lý chất thải rắn, khó khăn nhất hiện nay của Cửa hàng là việc xử lý chất thải nguy hại như: Dầu nhớt thải loại, giẻ lau từ các phương tiện, máy móc, bóng đèn hỏng, pin hỏng, ... cặn dầu từ quá trình xử lý nước thải tại bể trích ly dầu... Cơ sở sẽ thực hiện việc thu gom các loại chất thải nguy hại nói trên bằng cách lưu giữ trong thùng kín ngay góc phía sau của Trạm. Cụ thể:

+ Bố trí 01 thùng chuyên dụng loại 120L đựng giẻ lau nhiễm dầu, gi sắt nhiễm dầu, hộp vỏ dầu nhớt thải,...;

+ Bố trí 01 thùng phuy đựng dầu nhớt thải định kỳ đem bán cho các đơn vị có nhu cầu đốt, nhóm lò.

Hiện nay trên địa bàn Tỉnh chưa có đơn vị nào có đủ tư cách pháp nhân để xử lý chất thải nguy hại. Về lâu dài Công ty xin kiến nghị tới các cơ quan chức năng hỗ trợ, hướng dẫn Công ty cùng xử lý. Trong trường hợp trong chưa xử lý được, Công ty sẽ thuê đơn vị đủ tư cách pháp nhân ở các tỉnh lân cận (như Công ty Cổ phần Cơ điện – Môi trường Lilama Quảng Ngãi) để xử lý theo đúng quy định.

3.2.2.4. Giảm thiểu tác động về kinh tế - xã hội

- Phối hợp với chính quyền địa phương, công an tại địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội có thể xảy ra trong và ngoài khu vực Dự án.

- Xây dựng nội quy và quy chế hoạt động của Trạm nhằm hạn chế các vi phạm xảy ra.

- Chủ dự án phải thực hiện tốt công tác BVMT theo các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

3.2.2.5. Các sự cố môi trường

a. Biện pháp giảm thiểu sự cố do cháy, nổ

** Phòng chống rò rỉ xăng dầu:*

- Định kỳ súc rửa và kiểm tra áp lực bồn chứa, van thở và ống bơm rót luôn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Kiểm tra máy móc, tình trạng thiết bị của Trạm xăng dầu trước và sau mỗi ngày làm việc.

- Các xe ô tô xitec trước khi nhập xăng dầu phải được kiểm tra hệ thống an toàn như van chặn, ống dẫn xăng dầu, các đầu nối, độ dốc ống dẫn, ...

** Biện pháp xây dựng, trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ:*

- Về PCCC, Dự án sẽ triển khai ngay từ khâu thiết kế cơ sở, bố trí đầy đủ các phương tiện chữa cháy theo quy định và trình cơ quan chuyên môn phê duyệt. Thiết kế và xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ theo các quy định sau:

+ TCVN 4530:2011 - Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế.

+ TCVN 5684:2003 về an toàn cháy các công trình dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu chung.

+ TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế.

+ TCVN 4090-85 - Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu. Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 4756-89 - Qui phạm nối đất và nối không thiết bị điện.

+ TCVN 5334-1991 - Thiết bị điện kho dầu và sản phẩm dầu - Qui phạm kỹ thuật an toàn trong thiết kế và lắp đặt.

- Xây dựng phương án PCCC tại chỗ theo định kỳ 01 lần/năm và tổ chức cho CBCNV trong Cửa hàng tập huấn, huấn luyện các phương án PCCC theo các tình huống có thể xảy ra.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC với số lượng và quy cách đúng quy định của Nhà nước hiện hành (theo TCVN 5684:2003):

+ Các bình bọt chữa cháy, bình CO₂, hệ thống hố cát nước, chần sợi, bảng mika, hệ thống bảng cảnh báo, ... và một số vật dụng liên quan khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về PCCC hướng dẫn và yêu cầu trang bị.

+ Bể chứa nước chữa cháy: 5m³.

+ Bể chứa cát: 3m³.

+ Đặt các hộp chứa thiết bị PCCC, các biển báo cấm lửa theo sự chỉ dẫn của Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Trị.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị.

+ Đặt, treo các biển báo cấm lửa đối với công nhân cũng như khách hàng khi vào đồ xăng dầu và trao đổi hàng hoá cũng như các dịch vụ khác.

+ Đối với hệ thống ống công nghệ và bồn chứa chôn ngầm, phải đóng cọc tiếp đất và đảm bảo luôn có trị số điện trở tiếp đất $R \leq 4\Omega$, ...

- Trang bị hệ thống chống sét đầy đủ và đúng quy cách.

b.. Giảm thiểu sự cố về tai nạn lao động

- Công nhân làm việc trực tiếp với xăng dầu và rửa xe cần được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định hiện hành.

- Trạm phải có lịch bố trí thời gian làm việc của công nhân hợp lý và tránh tình trạng quá tải.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên 1 lần/năm; nếu phát hiện bệnh nghề nghiệp, tiến hành điều trị ngay.

c. Giảm thiểu sự cố về tai nạn giao thông

- Trước khi Trạm đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý để xin giấy phép đầu nối với tuyến Quốc lộ 1A dẫn vào Trạm theo đúng quy định hiện hành.

- Xây dựng, lắp đặt các cột, các biển báo giao thông, biển quảng cáo, gờ giảm tốc... theo quy định.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường trong quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động nhằm hạn chế tối đa tác động của Dự án đến chất lượng môi trường của khu vực.

Bảng 3.13. Tóm tắt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Công trình xử lý	Dự toán kinh phí (1.000đ)	Trách nhiệm thực hiện
I	Giai đoạn thi công		
1	Phun ẩm giảm thiểu bụi tối thiểu 02 lần/ngày.	5.000/ngày	Đơn vị thi công và Chủ dự án
2	Lắp hàng rào bằng tôn và bạt cao 03m bao quanh công trường.	50.000	
3	Bố trí 01 thùng đựng rác loại 120L, 02 ngăn.	2.400/thùng	Đơn vị thi công và Chủ dự án
4	01 Thùng chứa CTNH loại 120L	2.500/thùng	Đơn vị thi công và Chủ dự án
5	Bố trí 01 nhà vệ sinh di động	15.000/nhà	Đơn vị thi công và Chủ dự án
6	Lắp đặt các biển báo, rào chắn giao thông	10.000	Chủ dự án
II	Giai đoạn vận hành		
1	Vệ sinh, phun ẩm định kỳ sân bãi (02 lần/tuần)	1.000/lần.	Chủ dự án
2	Trồng cây xanh trong khuôn viên	50.000	Chủ dự án
3	Đầu tư hệ thống bể tự hoại 03 ngăn (02 khu vực)	80.000	Chủ dự án
4	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (02 khu vực)	100.000	Chủ dự án
5	Đầu tư hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn, nước súc rửa bồn nhiễm dầu.	45.000	Chủ dự án
6	Bố trí 02 thùng đựng rác loại 120L, 02 ngăn; 32 sọt rác nhỏ.	15.000	Chủ dự án
7	01 thùng chứa CTNH loại 120L, 01 thùng phuy, khu vực kho chứa có dán biển báo kho CTNH.	30.000	Chủ dự án
8	Trang bị bảo hộ lao động 02 bộ/người/năm.	1.000	Chủ dự án
9	Trang bị thiết bị, máy móc PCCC	Theo hồ sơ riêng	Chủ dự án

TT	Công trình xử lý	Dự toán kinh phí (1.000đ)	Trách nhiệm thực hiện
I	Giai đoạn thi công		
10	Trang bị thiết bị, máy móc ứng phó sự cố tràn dầu	Theo Kế hoạch riêng	Chủ dự án

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Các phương pháp áp dụng để dự báo ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình thi công và hoạt động của Dự án đều là các phương pháp phổ biến, đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình ĐTM hiện nay tại Việt Nam cũng như thế giới.

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc những phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của Dự án nên đã đưa ra giải pháp phù hợp, giúp Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về BVMT có cơ sở để triển khai các công việc tiếp theo của Dự án.

Mức độ tin cậy của các phương pháp được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.14. Nhận xét về mức độ chi tiết của các đánh giá

TT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Lý giải
1	Đánh giá tác động đến môi trường không khí	Cao	Nhìn chung việc đánh giá tác động đến môi trường không khí trong báo cáo ĐTM là khá chi tiết và cụ thể cho từng nguồn gây tác động. Các phương pháp tính toán nồng độ bụi và khoảng cách chịu tác động được tính toán dựa vào số liệu nguyên liệu đầu vào của dự án để nội suy.
2	Đánh giá tác động đến môi trường nước	Khá	Đánh giá chi tiết các tác động của việc xây dựng dự án đến đối tượng xung quanh. Báo cáo đã xác định được đối tượng bị ảnh hưởng chính là các khe thoát nước, sông Trúc Khê, Rào Cầu. Đã đưa ra được các nguồn thải.
3	Đánh giá tác động đến môi trường đất	Trung bình	Các nguồn thải chỉ mới ước tính được lượng chất thải, nước thải và dầu mỡ khi bảo trì phương tiện phát sinh, chưa dự tính được cụ thể lượng chất ô nhiễm gia nhập vào môi trường đất và dự báo các tác động lâu dài. Thời gian bị ảnh hưởng chỉ mới được khẳng định là trong thời gian thi công xây dựng, chưa xác định thời gian tồn lưu các chất ô nhiễm trong đất.

TT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Lý giải
4	Đánh giá các tác động đến sức khỏe lao động và cộng đồng dân cư	khá	Đã liệt kê cụ thể từng nguồn gây ô nhiễm gây tác động có thể xảy ra khi triển khai dự án. Đã mô tả được hiện trạng dân cư khu vực và vùng lân cận dự án. Xác định được khoảng cách chịu tác động bởi hoạt động của dự án. Các tác động ảnh hưởng phổ biến đến đời sống, sức khỏe của cộng đồng dân cư.
5	Đánh giá tác động đến tài nguyên sinh vật	Trung bình	Đánh giá mang tính định tính, dựa trên kết quả điều tra về hiện trạng khu vực dự án và khu vực lân cận.
6	Tác động đến các điều kiện kinh tế - xã hội	Cao	Đánh giá dựa trên kết quả mục tiêu xây dựng dự án và dựa trên kết quả tham vấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư thông qua các phiếu tham vấn, cũng như họp tham vấn trực tiếp đối với các hộ dân chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Kết quả đã nhận ra mặt lợi cho kinh tế địa phương khi triển khai dự án
7	Các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra	Cao	Đã nhận định hết được các rủi ro, sự cố môi trường và tai nạn xảy ra trong quá trình thi công xây dựng tuyến đường. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra.

Tuy nhiên trong phần đánh giá tác động, các kết quả tính toán tải lượng phát thải chỉ có ý nghĩa dự báo do các mô hình, phương pháp tính toán ở mức độ tổng quát, ước tính theo thống kê, kinh nghiệm và khi áp dụng vào cho từng đoạn tuyến thì chỉ cho kết quả gần đúng.

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường của dự án ở từng giai đoạn dự án, dự án sẽ tiếp tục xác định cụ thể và chi tiết các tác động xấu, đồng thời sẽ vào áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp các tác động này

Ngoài ra, các tác động không liên quan đến chất thải như sạt lở, bồi lắng lòng sông còn thiếu dữ liệu để đánh giá nên mức độ chưa thực sự cụ thể.

CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để đảm bảo cho quá trình chuẩn bị, GPMB, xây dựng các hạng mục công trình và quá trình đi vào hoạt động không gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong suốt thời gian hoạt động của Dự án. Chủ dự án cần tiến hành xây dựng một chương trình quản lý môi trường như sau:

- *Giai đoạn chuẩn bị, GPMB:* Chủ dự án kết hợp cùng chính quyền địa phương các cấp thành lập Hội đồng đền bù nhằm phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng của Dự án không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Hội đồng đền bù có trách nhiệm xác định diện tích, khối lượng bị thiệt hại của người dân hay của Nhà nước để đưa ra các biện pháp đền bù thỏa đáng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- *Giai đoạn thi công xây dựng các công trình của Dự án:* Chủ dự án sẽ tiến hành thành lập Đội quản lý thi công công trường khoảng 02 người. Đội có trách nhiệm toàn bộ đối với quá trình cải tạo, san ủi mặt bằng. Hướng dẫn công nhân xây dựng tuân thủ nghiêm ngặt những qui định trong xây dựng, yêu cầu thiết kế kỹ thuật và thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm nhằm hạn chế các tác động xấu đến môi trường như đã nêu ở phần trên của Báo cáo.

- *Giai đoạn đi vào vận hành của Dự án:* Chủ dự án xây dựng nội qui làm việc. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến vấn đề BVMT, an toàn lao động và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, các sự cố như: tràn dầu, sự cố do thiên tai, sự cố cháy nổ... Chủ dự án sẽ chuyển Đội quản lý thi công công trường của giai đoạn thi công sang đảm nhận công tác BVMT và an toàn lao động. Đồng thời tuyển bổ sung thêm lực lượng khoảng 3 người, lấy nòng cốt là các công nhân trong Công ty, trong đó có 01 cán bộ có chuyên ngành về môi trường. Đội thường xuyên được đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị. Đội có trách nhiệm theo dõi và quản lý chất thải, mọi vấn đề liên quan đến môi trường và công tác phòng ngừa, ứng phó các sự cố, kịp thời đưa ra những giải pháp và cùng Ban lãnh đạo giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh hoặc tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của Dự án và báo cáo lên cấp trên nếu sự cố môi trường vượt ra khỏi sự kiểm soát của Ban quản lý Dự án.

Sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, Chủ dự án sẽ triển khai công tác giám sát môi trường cũng như công tác quản lý, tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT song song với hoạt động thi công xây dựng và vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, Những hoạt động này sẽ chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về BVMT cấp trên là Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Đồng thời thành lập lực lượng PCCC nhằm phòng ngừa ứng phó sự cố PCCC và sự cố tràn dầu.

Bảng 4.1. Tổng hợp chương trình quản lý môi trường

TT	Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (ngàn đồng)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan giám sát
I	Giai đoạn GPMB					
1	Đền bù, thu hồi đất, GPMB	- Thực hiện đo đất, tính mức giá đền bù theo quy định pháp luật. Diện tích diện đền bù đất lúa là 1,0811ha.	1.281.800	Năm 2023 (trước khi thi công)	(trước khi thi công)	
2	Sinh khối thực vật (rơm rạ, cỏ dại)	Thu gom, xử lý bằng phương pháp đốt tại chỗ.	2.000		Đơn vị thi công và chủ dự án	
3	Sự cố bom mìn	Hợp đồng với đơn vị có năng lực để rà phá	-	(trước khi thi công)	(trước khi thi công)	
II	Giai đoạn xây dựng					
1	- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công, từ quá trình đào, đắp cát...	<ul style="list-style-type: none"> - Lập hàng rào bằng tôn và bạt cao 3m xung quanh khu vực thi công. - Tưới nước giảm bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày tại các điểm ra vào khu vực Dự án và khu vực san ủi mặt bằng. - Rửa bánh xe phương tiện vận chuyển nhằm hạn chế bụi rơi vãi trên tuyến đường. - Sử dụng các phương tiện giao thông đã được đăng kiểm. 	50.000	Trong suốt quá trình thi công xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh
			500/ngày			

	- Khí thải từ hoạt động phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường	- Xây dựng nội quy, lịch trình phân tuyến và phân luồng cho các loại phương tiện tham gia vận chuyển trong quá trình thi công. - Bố trí công nhân thu dọn CTR rơi vãi ngay khi phát sinh		Trong suốt quá trình thi công xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh
	- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc.	- Các phương tiện vận chuyển phải có giấy phép của Cơ quan Đăng kiểm. - Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận hạn chế phát sinh tiếng ồn. - Không bố trí máy móc tải trọng nặng sát các công trình hạ tầng lân cận, thường xuyên kiểm tra hiện trạng các công trình hạ tầng lân cận để phát hiện hư hỏng kịp thời;				
2	- Nước thải sinh hoạt.	- Sử dụng nhà vệ sinh di động bằng vật liệu Composite.	15.000	Trong kinh phí xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện
	- Nước mưa chảy tràn.	- Xây dựng mương thu gom, thoát nước trong toàn bộ khu vực dự án. Trên hệ thống có bố trí các hố ga, cuối hệ thống xây dựng bể tách dầu và bể lắng, lọc trước khi thoát ra khe nước phía Đông. - Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác, phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống.				

3	- CTR xây dựng	- CTR xây dựng tái sử dụng cho các mục đích khác nhau như: san lấp mặt bằng, lưu trữ lớp đất mặt để sử dụng đất màu trồng cây xanh, cây hoa, thảm cỏ; bán phế liệu các chất thải có khả năng tái chế.	-			
	- CTR sinh hoạt.	- Trang bị 01 thùng đựng rác loại 120L, loại 02 ngăn ở các khu vực lán trại. - Hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Đô thị huyện Vĩnh Linh thu gom và đưa đi xử lý	2.200	Theo hợp đồng		
II	Giai đoạn hoạt động					
1	Bụi phát sinh từ phương tiện ra vào Trạm	<p>- Các phương tiện hoạt động như ô tô, xe bồn chứa xăng dầu,... phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm</p> <p>- Bố trí biển chỉ dẫn về luồng, hạn chế tốc độ, nội quy của Trạm.</p> <p>- Vệ sinh, thu gom, quét dọn mặt bằng sân bãi, đường trong Trạm để hạn chế bụi (tần suất 1-2 lần/ngày).</p> <p>- Trồng cây xanh khuôn viên dự án</p>	50.000	Trong suốt thời gian hoạt động	Chu dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh
				Trong suốt thời gian hoạt động		Chu dự án
2	- Nước thải sinh hoạt	Xây dựng bể tự hoại 05 ngăn và hệ thống xử lý nước thải xám đồng bộ (bể lắng và lọc ngầm trồng cây) ở 02 khu vực Nhà làm việc CBCNV và khu vực nhà dịch vụ.	180.000			

	Nước mưa có nhiễm dầu	- Nước mưa có nhiễm dầu được thu gom theo mương thoát nước mưa đã xây dựng đưa về bể lắng, lọc và tách dầu mỡ trước khi thoát ra khe nước phía Đông khu vực.	45.000			
3	- CTR sinh hoạt	- Sử dụng 32 sọt nhỏ và 02 thùng rác loại 120L, 02 ngăn.	15.000			
		- Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Vĩnh Linh đem đi xử lý.	Theo hợp đồng			
	- CTNH.	- Thu gom, phân loại để vào 02 thùng chứa: 01 cái 120L và 01 thùng phuy; - Xây dựng kho chứa CTNH	25.000			
- Hợp đồng với Công ty CP Cơ điện – Môi trường Lilama Quảng Ngãi để thu gom và xử lý CTNH.		Theo hợp đồng				
4	- Sự cố cháy nổ	- Xây dựng và thẩm duyệt phương án PCCC riêng; Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC. - Bố trí các thiết bị chữa cháy theo quy định tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: bình chữa cháy CO ₂ , hệ thống vòi phun nước,...	Theo quy định	Trong suốt thời gian hoạt động	Chủ dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh
	- Sự cố tràn dầu.	- Lập kế hoạch, phương án chống sự cố tràn dầu trình UBND tỉnh phê duyệt. - Mua sắm thiết bị, huấn luyện cán bộ và triển khai các hoạt động ứng cứu khi xảy ra sự cố tràn dầu ở khu vực Trạm.				

<p>- Tai nạn lao động và giao thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các phương tiện vận chuyển thực hiện đúng theo quy định của Luật giao thông đường bộ. - Bố trí các hệ thống biển báo tại các tuyến đường giao nhau vào khu vực. - Khi sự cố xảy ra, sẽ ứng cứu kịp thời và báo cáo cho các ban ngành liên quan để cùng có kế hoạch khắc phục. - Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động CBCNV. 				
<p>- Sự cố do mưa bão, lũ lụt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và tổ chức triển khai phương án phòng, chống bão, mưa lũ. - Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc cho khu vực. - Lắp đặt hệ thống chống sét. - Tham gia tổ chức khắc phục thiệt hại sau khi cơn bão đi qua. 				
<p>- Các vấn đề về an ninh trật tự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và áp dụng quy chế hoạt động của Trạm; - Phối hợp với Chính quyền địa phương, trong quản lý CBCNV. 		<p>Trong suốt thời gian hoạt động</p>	<p>Chủ dự án</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Vĩnh Linh</p>

4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ dự án sẽ xây dựng chương trình giám sát chất lượng môi trường và được áp dụng trong suốt thời gian vận hành của Dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện công tác giám sát, Chủ dự án phải thường xuyên báo cáo tiến độ, nội dung và kết quả của hoạt động giám sát lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Linh, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị. Qua đó có thể theo dõi, kiểm soát nguồn thải nhằm đảm bảo trong quá trình hoạt động của Dự án không gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và đánh giá hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm mà Chủ Dự án thực hiện.

4.2.1. Giám sát môi trường không khí

Môi trường không khí lao động

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, độ bụi, độ ồn CO, NO_x, SO₂, VOC.
- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí: 01 vị trí tại khu vực bồn chứa; 01 vị trí tại khu vực nhà xuất xăng, dầu.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Tiêu chuẩn áp dụng:* QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT, Tiêu chuẩn theo quyết định 3733/QĐ-BYT.

4.2.2. Giám sát môi trường nước

**** Giám sát nước thải***

- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, SS, Tổng N, Tổng P, Fe, Cd, Cu, Pb, Zn, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- *Vị trí giám sát:* Mẫu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Tiêu chuẩn áp dụng:* QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

4.2.3. Giám sát chất thải rắn

- *Thông số giám sát:* Khối lượng rác thải, thành phần hữu cơ, vô cơ, mẫu bùn cặn, khối lượng chất thải nguy hại.
- *Vị trí giám sát:* Trong khu vực Dự án.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/năm.

(Sơ đồ vị trí giám sát được bố trí ở phần Phụ lục)

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ THAM VẤN

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

a. Tóm tắt quá trình tham vấn UBND xã Vĩnh Lâm và các tổ chức liên quan

Nhằm tuân thủ Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng đã gửi Công văn số 35/ĐD-ĐTM ngày 12/5/2023 đến UBND, UBNDTTQ xã Vĩnh Lâm, kèm theo báo cáo ĐTM của dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”.

b. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư

Công tác tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư được thực hiện theo hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung, một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

Quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư cho dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5” được thực hiện tại trụ sở của UBND xã Vĩnh Lâm vào hồi 14h00 ngày 23/5/2023. Chủ trì cuộc họp do UBND xã Vĩnh Lâm và Chủ dự án là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng cùng phối hợp thực hiện.

Thành phần tham dự cuộc họp gồm có:

- Thành phần xã Vĩnh Lâm:

+ Ông: Lê Đức Dũng - Chủ tịch UBND xã - Chủ trì cuộc họp

+ Bà: Cao Văn Cường - Cán bộ địa chính - Thư ký cuộc họp.

+ Đại diện các tổ chức chính trị xã hội và ban ngành cấp xã’

+ Đại diện các hộ dân thôn Tiên Mỹ 1, thôn Tiên Mỹ 2, xã Vĩnh Lâm

- Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

+ Ông: Nguyễn Thanh Lương – Phó Giám đốc

- Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Môi trường Miền Trung

+ Ông: Lê Văn An – Giám đốc

5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng Kết quả tham vấn cộng đồng và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn cộng đồng được thể hiện như sau:

Bảng 5.1. Bảng kết quả tham vấn cộng đồng

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan/ tổ chức/ cộng đồng dân cư/ đối tượng quan tâm
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử		
1	Không có ý kiến tham gia		
II	Tham vấn bằng hình thức họp lấy ý kiến (Nội dung về tham vấn cộng đồng được đính kèm tại Phụ lục)		
	Chương 1. Thông tin về dự án		
	Chương 2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án		
	Chương 3. Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường		
-	Ông Lê Văn Hóa – Chủ tịch MTTQVN xã nhất trí cao về vị trí, diện tích thực hiện dự án. Trong quá trình thi công đề nghị chủ dự án đảm bảo về khói, bụi tác động đến sản xuất lúa của bà con nhân dân vùng liền kề. Đảm bảo vấn đề về giao thông, thủy lợi, nội đồng cho bà con sản xuất	- Đơn vị chủ dự án cam kết không làm ảnh hưởng đến việc giao thông đi lại và sản xuất của bà con - Xây dựng các biển báo bảo đảm an toàn giao thông 2 phía của công trình	- Chủ tịch MTTQVN xã Vĩnh Lâm
-	Ông Lê Đức Long – Chủ tịch Hội nông dân xã nhất trí về vị trí thực hiện dự án. Trong quá trình vận hành hạn chế phát tán mùi và rò rỉ nhiên liệu, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường xung quanh khu vực cây xăng về rác thải sinh hoạt.		Chủ tịch Hội nông dân xã Vĩnh Lâm
-	Ông Nguyễn Hải Tiên – Chủ tịch HĐQT HTX Tiên Mỹ đồng tình về vị trí xây dựng. Trong quá trình thi công mặt bằng tránh trường hợp đất đá làm ảnh hưởng đến hệ thống kênh mương và ruộng của bà	Về vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống tưới tiêu: xây dựng công trình cách mương 3m. Cam kết không ảnh hưởng đến việc tưới tiêu của bà con	Chủ tịch HĐQT HTX Tiên Mỹ

	con		
-	Ông Nguyễn Anh Giáo – Chủ tịch Hội CCB xã nhất trí về vị trí xây dựng dự án. Cam kết với chính quyền xã về quá trình thi công mặt bằng nếu có tác động xấu đến việc sản xuất lúa của bà con thì phải có biện pháp xử lý và bồi thường thiệt hại về sản xuất		Chủ tịch hội CCB xã Vĩnh Lâm
-	Ông Trần Hữu Bình – Bí thư Chi bộ thôn Tiên Mỹ 1 nhất trí về vị trí thực hiện dự án		Bí thư Chi bộ thôn Tiên Mỹ 1
Chương 4: Chương trình quản lý và giám sát môi trường			
Chương 5. Kết quả tham vấn cộng đồng			
Kết luận, kiến nghị, cam kết			
Các ý kiến khác			
-	Ông Lê Đức Dũng – Chủ tịch UBND xã đề nghị đơn vị chủ dự án thực hiện đầy đủ các cam kết về vấn đề tác động đến sản xuất của bà con nhân dân.		Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lâm
III	Tham vấn bằng văn bản (Các công văn trả lời của UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm)		Nội dung Công văn đính kèm tại Phụ lục
Chương 1. Thông tin về dự án			
1	Nhất trí cao về vị trí, diện tích thực hiện dự án	-	UBND xã Vĩnh Lâm
2	Vị trí dự án thuận tiện nằm bên trái tuyến Quốc lộ 1A đoạn tránh cầu Hiền Lương nhưng cũng có những tác động xấu đó là nằm trên đường tránh mặt đường nhỏ , phương tiện qua lại nhiều nên dẫn đến mất ATGT. Dự án nằm trong vùng thấp trũng và nằm sát với diện tích đất trồng lúa của bà con nông dân nên phần nào cũng ảnh hưởng đến môi trường xung		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm

	quanh		
Chương 2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án			
Chương 3. Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường			
-	Nhất trí về tác động trong báo cáo nêu ra	-	UBND xã Vĩnh Lâm
-	Nêu thêm ảnh hưởng đến đất lúa xung quanh khu vực dự án	Đã mô tả ảnh hưởng đến đất lúa xanh quanh khu vực dự án	UBND xã Vĩnh Lâm
-	Dự án nằm trong vùng lũ hàng năm nên cần xem xét kỹ trong quá trình thi công để bảo đảm môi trường khi bị ngập lụt		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm
-	Dự án nằm trong khu vực đất trồng lúa nên cần đảm bảo các hệ thống tưới tiêu của các vùng xung quanh và đề phòng các tình huống sự cố xảy ra		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm
-	Cần đảm bảo đúng quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường khi thực hiện dự án để giảm thiểu mức tối đa về bảo vệ môi trường khi thi công cũng như khi hoạt động		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm
Chương 4: Chương trình quản lý và giám sát môi trường			
-	Đồng ý với biện pháp đưa ra	-	UBND xã Vĩnh Lâm
-	Bổ sung biện pháp bảo vệ đất trồng lúa xung quanh khu vực dự án	Đã bổ sung biện pháp bảo vệ đất trồng lúa xung quanh khu vực dự án	UBND xã Vĩnh Lâm
-	Đề nghị chủ dự án thực hiện theo đúng cam kết đã nêu để đảm bảo môi trường		UBND xã Vĩnh Lâm
-	Về quản lý và giám sát môi trường cần thực hiện tốt các biện pháp BVMT của dự án, thực hiện ứng phó với sự cố một cách hiệu quả, nhanh nhất và kịp thời nhất		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm

	Chương 5. Kết quả tham vấn cộng đồng		
	Kết luận, kiến nghị, cam kết		
	Các ý kiến khác		
-	Sau khi dự án được các cấp phê duyệt và triển khai thi công cần phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan địa phương và bà con nhân dân 3 thôn: Tiên Mỹ 1, Tiên Mỹ 2, Tiên Lai, để dự án triển khai đúng tiến độ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ để dự án vận hành có hiệu quả		UBNDMTTQ xã Vĩnh Lâm

(Nội dung chi tiết về tham vấn cộng đồng được đính kèm tại Phụ lục)

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Dự án được xây dựng hoàn thành sẽ là điểm cung cấp xăng dầu, cung cấp các dịch vụ mua bán hàng hóa, điểm dừng chân ăn uống cho các chủ phương tiện qua lại trên trục Quốc Lộ 1A rất thuận lợi, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương và khu vực, tăng thu cho ngân sách địa phương và tạo việc làm cho người lao động.

Qua phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, môi trường và kinh tế xã hội của khu vực trong và lân cận Dự án. Kết hợp với các phân tích khi Dự án được đặt trong hiện trạng khu vực đó với các hạng mục thi công, xây dựng; quy mô, công suất hoạt động cũng như các máy móc thiết bị, nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu, nguồn nhân lực sử dụng. Báo cáo đã đưa ra những nhận định về các nguồn ô nhiễm đến môi trường do hoạt động của Dự án như sau:

- Các tác động liên quan đến chất thải:

+ Giai đoạn thi công: Làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, bụi và khí thải. Trong đó, đáng kể nhất là tác động từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng. Các đối tượng bị tác động chính là nguồn nước mặt, hệ sinh thái thủy sinh, môi trường không khí xung quanh khu vực xây dựng và dọc tuyến đường vận chuyển chính.

+ Khi Dự án đi vào hoạt động: Các tác động đáng chú ý là việc phát sinh bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển và từ quá trình xuất nhập tồn chứa xăng dầu; hoạt động của khu dịch vụ bán hàng ăn uống làm phát sinh nước thải nếu không được kiểm soát sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí và môi trường nước mặt xung quanh khu vực.

- Các tác động không liên quan đến chất thải như: Mất đất lúa sản xuất ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân; tác động đến các tuyến đường vận chuyển, tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường bộ

- Các sự cố môi trường có thể xảy ra như: Cháy nổ, sạt lở, mưa bão, sự cố tràn dầu...

- Báo cáo đã đánh giá tổng quát và chi tiết về mức độ cũng như quy mô tác động do các hoạt động của Dự án đến môi trường không khí, nước, đất và môi trường sinh thái.

- Báo cáo đã trình bày đầy đủ các sự cố có thể xảy ra, phân tích và đánh giá về nguy cơ xảy ra các sự cố, mức độ nghiêm trọng của các sự cố.

- Từ những phân tích, đánh giá các tác động xấu, các sự cố môi trường có thể xảy ra, Báo cáo đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, các giải pháp phòng ngừa, ứng phó với các sự cố. Các biện pháp này có tính khả thi cao và Chủ dự án có thể chủ động áp dụng.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực, Chủ dự án sẽ áp dụng các phương án phòng chống, quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong báo cáo ĐTM

này.

2. Kiến nghị

Đề dự án được thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ và chất lượng công trình cũng như các biện pháp bảo vệ môi trường được đảm bảo. Chủ dự án kiến nghị đối với những cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp giúp đỡ, để khắc phục những vấn đề vượt khả năng của Chủ dự án.

3. Cam kết

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình triển khai Dự án, Chủ dự án cam kết thực hiện như sau:

- Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn xây dựng của Dự án. Tuân thủ thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu,... như trong báo cáo ĐTM này.

- Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi Dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kiểm soát, quan trắc và giám sát môi trường (như nước thải, không khí, bụi, tiếng ồn,...), như trong báo cáo ĐTM đã hướng dẫn và có chế độ báo cáo lên cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại địa phương theo đúng quy định.

- Cam kết áp dụng các Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM này.

- Thực hiện công tác rà phá bom mìn, đảm bảo an toàn giao thông theo quy định.

- Thực hiện đền bù cho các hộ dân, tổ chức cá nhân bị thiệt hại theo đúng quy định.

- Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai Dự án.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; thông báo, công khai kế hoạch thi công xây dựng, kế hoạch BVMT; xây dựng quy chế hoạt động Trạm trong đó có các nội dung về đảm bảo an toàn cháy nổ, ứng phó sự cố tràn dầu; giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương.

- Công ty sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu trong quá trình thi công và hoạt động của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

NGUỒN TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2022, Cục Thống kê Quảng Trị;
- [2]. Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 của tỉnh Quảng Trị; Báo có
- [3]. Báo cáo kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Quảng Trị đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị;
- [4]. Đánh giá tác động môi trường, PGS.TS Nguyễn Đình Mạnh, 2005;
- [5]. Môi trường không khí, GS.TS Phạm Ngọc Đăng, NXB KH&KT, Hà Nội 1997;
- [6]. Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Tập 1, tập 3 - GS.TS Trần Ngọc Chấn, 2001;
- [7]. Assessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);
- [8]. Quản lý chất thải rắn. GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ, TS. Ứng Quốc Dũng, TS. Nguyễn Thị Kim Thái. NXB Xây Dựng, Hà Nội - 2001;
- [9]. Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa, Trần Đức Hạ, NXB Khoa Học Kỹ Thuật, 2002.
- [10]. Giáo trình bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản – Nhà xuất bản xây dựng, 2010;
- [11]. Clark và đồng nghiệp, 2000. Đặc tính hoá học của lớp đất bản trên mặt đường. Tạp chí CIWEM.

PHỤ LỤC

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án.
- Các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện.
- Sơ đồ, bản vẽ các hạng mục công trình của dự án.

Số: **729** /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu ngày **08** tháng **3** năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Đức Dũng nộp và hồ sơ bổ sung, hoàn thiện nộp ngày 10/02/2022,

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 72/BC-SKH-DN ngày 28/02/2022 về việc thẩm định dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5 ” kèm theo hồ sơ đề nghị Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Đức Dũng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Thông tin về nhà đầu tư:

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG**

Mã số doanh nghiệp: 3200233085

Ngày cấp: đăng ký lần đầu ngày 17/01/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 21/02/2020

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ trụ sở: Khu K5, đường Trần Bình Trọng, phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0233.559678

Email: ducdung18qbt@gmail.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: **LÊ VĂN LONG** Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc; Ngày sinh: 14/04/1978; Quốc tịch: Việt Nam

CMND số 197168779 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/02/2016.

Địa chỉ thường trú: Khóm Thành Công, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện tại: Khóm Thành Công, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0233.559678

Email: ducdung18qbt@gmail.com

2. Tên dự án đầu tư: TRẠM XĂNG DẦU VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG 5

3. Địa điểm: Km733+850 phía trái tuyến Quốc lộ 1, đoạn tránh khu di tích đôi bờ Hiền Lương thuộc thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

4. Mục tiêu:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Kinh doanh xăng dầu	Buôn bán xăng dầu đã tinh chế, dầu nhờn, nhựa đường kinh doanh ga	4661
2	Mua sắm tổng hợp, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	Kinh doanh dịch vụ ăn uống và mua sắm tổng hợp	5610
3	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	Kinh doanh bếp ga, bình điện, ắc quy, xăm lốp	4659
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa	4933

5. Quy mô dự án:

a. Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng: 14.208 m²:

b. Quy mô kiến trúc xây dựng:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
I	Khu bán hàng	m²	12.813
1	Mái che trụ bơm	m ²	1700,0
2	Nhà điều hành	m ²	450,0
3	Cửa hàng dịch vụ	m ²	1.200,0
4	Nhà ăn + Giải khát	m ²	1.400,0

5	Khu bể chứa xăng dầu	m ²	100,0
6	Mái che phụ trợ	m ²	323,0
7	Nhà vệ sinh	m ²	56,0
8	Đường và sân bãi bê tông	m ²	3.539,0
9	Cây xanh + dự trữ P.T	m ²	3.260,0
10	Kè, Tường rào + hạ tầng kt	m ²	785,0
II	Đường và sân bãi bê tông(ngoài chỉ giới)	m ²	1.395
	Tổng cộng	m²	14.208

c. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu các loại
- Kinh doanh dịch vụ mua sắm tổng hợp
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.

6. Tổng vốn đầu tư: **27.830.000.000 đồng** (bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi triệu đồng) trong đó: Vốn góp của nhà đầu tư: 8.349.000.000 đồng (bằng chữ: Tám tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng); Vốn huy động: 19.481.000.000 đồng (bằng chữ: Mười chín tỷ, bốn trăm tám mươi triệu đồng).

*** Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn**

- Vốn góp của Nhà đầu tư 8.349.000.000 VNĐ, chiếm 30 % tổng mức đầu tư

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty TNHH TM&DV TH Đức Dũng	8.349.000.000	30	Tiền mặt	Khi hình thành dự án
	Tổng cộng	8.349.000.000			

- Vốn vay từ ngân hàng thương mại: 19.481.000.000 đồng chiếm 70% TMĐT của dự án (kèm theo văn bản cam kết cấp tín dụng đầu tư của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - Chi nhánh tỉnh Quảng Trị)

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư để được bàn giao mặt bằng: Tháng 01/2021-03/2022

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục về đền bù, GPMB, ký quỹ đầu tư, thuê đất: Quý II/2022.

- Tiến độ khởi công, xây dựng các hạng mục công trình: Quý III/2022 đến cuối quý IV/2024

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động. Tháng 12/2024

9. Ưu đãi, hỗ trợ nhà đầu tư và điều kiện áp dụng:

Dự án đầu tư thực hiện tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại Phụ lục III, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và được áp dụng một số ưu đãi như sau:

a. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý: Áp dụng quy định tại Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

b. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý: Áp dụng quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý: Áp dụng theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nhà đầu tư:

- Đảm bảo triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ và nội dung đã cam kết, tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật phòng cháy chữa cháy, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Thuế, Luật Phòng cháy chữa cháy và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Phối hợp với UBND huyện Vĩnh Linh thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định.

- Sau khi dự án được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, yêu cầu chủ dự án cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương biết để quản lý và giám sát. Quá trình triển khai, đề nghị Nhà đầu tư thực hiện theo mục đích, kế hoạch được phê duyệt và có phương án đảm bảo vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương thực hiện và hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 13, Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

- Thực hiện thiết kế xây dựng cửa hàng xăng dầu đối với Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5 theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu trước khi đưa vào hoạt động.

- Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy; Thực hiện đầy đủ các điều kiện về kinh doanh xăng dầu; đấu nối... theo đúng quy định của pháp luật trước khi đưa dự án vào hoạt động.

- Thực hiện dự án tuân thủ các quy định của Luật Thủy lợi và các quy định khác có liên quan để đảm bảo dự án không ảnh hưởng đến phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và chất lượng nguồn nước thủy lợi; đồng thời cần có biện pháp xả thải theo đúng quy định để không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Trường hợp dự án đề xuất hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề nghị nhà đầu tư làm việc với Sở Nông nghiệp & PTNT để được cấp phép theo đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm các nghĩa vụ về thuế và tài chính đối với các dự án theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định tại Điều 43, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021; thực hiện nghiêm các nghĩa vụ về thuế và tài chính đối với các dự án theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông

tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu.

- Trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện đúng các quy định trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48, Luật đầu tư số 61/2020/QH14, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét chấm dứt dự án theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết.

3. Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư đối với dự án.

4. UBND huyện Vĩnh Linh: hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện bổ sung và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, giám sát, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Người đứng đầu các đơn vị có tên tại Điều 2, Nhà Đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Sở: Tài nguyên & MT, Công Thương, Tài chính, Xây dựng; Nông nghiệp & PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Vĩnh Linh;
- Lưu: VT, TCTM. *phs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

3



**CÔNG TY TNHH TM&DV
TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG**

Số 35 / ĐD - ĐTM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 12 tháng 05 năm 2023

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

Kính gửi: UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực buôn bán kinh doanh xăng dầu và dịch vụ tổng hợp. Trong những năm qua Công ty đã không ngừng phấn đấu để phát triển ngày càng lớn mạnh, phát huy có hiệu quả lĩnh vực kinh doanh của mình giải quyết công ăn, việc làm cho lao động ở địa phương, góp phần tăng thu ngân sách cho tỉnh Quảng Trị.

Chúng tôi nhận thấy khu vực thôn Tiên Mỹ 1, xã Vĩnh Lâm có nhiều yếu tố thuận lợi để xây dựng Cửa hàng kinh doanh xăng dầu nên đã lập đề xuất dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”, Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể quy hoạch chi tiết đã được Nhà nước phê duyệt, nếu triển khai sẽ giải quyết được việc làm ổn định cho nhiều lao động địa phương, góp phần tạo cho bộ mặt của huyện Vĩnh Linh, đồng thời đóng góp vào ngân sách, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và tỉnh nhà.

Dự án đến nay đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư đối với Dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5” của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”.

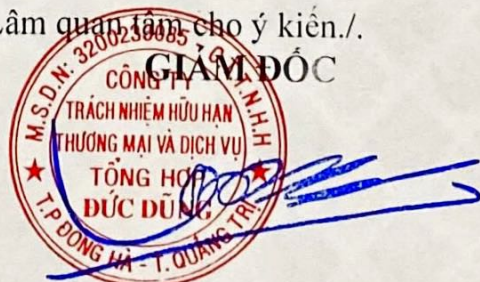
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng gửi đến UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của UBND xã Vĩnh Lâm về các nội dung: Vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm về các nội dung nêu trên xin gửi về Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn để Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm quan tâm cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Lê Văn Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH LÂM

Số: 29 /UBND-MT

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 23 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng

UBND xã Vĩnh Lâm nhận được Văn bản số 35/ĐD-ĐTM ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”. Sau khi xem xét, UBND xã Vĩnh Lâm có ý kiến như sau:

3. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư

..... Nhất là về vị trí thực hiện dự án

4. Về tác động môi trường của dự án đầu tư

..... - Nhất là về tác động trong báo cáo nêu ra

..... - Nêu thêm ảnh hưởng đến đất lúa xung quanh khu vực dự án

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

..... - Nêu ý về biện pháp nêu ra

..... - Bổ sung biện pháp bảo vệ đất lúa xung quanh khu vực dự án



4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Nhất trí nội dung nêu trong báo cáo

5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

- Đề nghị Chủ dự án thực hiện theo đúng cam kết đã nêu để bảo vệ môi trường



Trên đây là ý kiến của UBND xã Vinh Lâm gửi Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Dũng

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỎ QUỐC
XÃ VINH LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/UBMTTQ-MT

Quảng Trị, ngày 23 tháng 05 năm 2023

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5.

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng

UBMTTQ xã Vĩnh Lâm nhận được Văn bản số 35/ĐD-ĐTM ngày 12 tháng 05 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5”. Sau khi xem xét, UBMTTQ xã Vĩnh Lâm có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư

Vị trí Dự án là khu thưng bị nằm trên trục Quốc lộ 1A là một nơi cần chú ý những công tác xây dựng để tránh ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân địa phương. Dự án này cần có quy hoạch và nắm bắt với DTTC xã và các cơ quan chức năng liên quan để thực hiện dự án.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư

Dự án này sẽ gây ra những tác động xấu đến môi trường sống của người dân địa phương. Cần có các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của người dân địa phương. Cần có các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của người dân địa phương.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Cần đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của người dân địa phương. Cần có các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sống của người dân địa phương.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Về QLV, VT, BS, MT, môi trường liên quan tới các tác động pháp lý BVMT của dự án, thực hiện theo pháp luật và sự có mặt của một số 'Hành trình nhất', thực hiện theo kịp thời nhất

5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Sau khi Dự án được cấp phê duyệt và tiến hành thi công thì phải lập với các cơ quan chức năng, Cảnh sát QL An Toàn và các cơ quan chức năng của Tỉnh, Trung, Tỉnh để tiến hành khai thác tài sản và hơn thế nữa các nhà đầu tư để có thể hình thành 'Hành trình'

Trên đây là ý kiến của UBMTTQ xã Vĩnh Lâm gửi Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
CHỦ TỊCH



Le Văn Dĩa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Tên dự án: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5

Thời gian họp: bắt đầu từ 1.4. giờ phút, ngày 28 tháng 5 năm 2023.

Địa chỉ nơi họp: Tại trụ sở UBND xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1. Thành phần tham gia:

1.1. Đại diện UBND xã Vĩnh Lâm.

- Ông/Bà Lê Đức Dũng..... chức vụ: Chủ tịch.....- Chủ trì cuộc họp

- Ông/Bà Cao Văn Cường..... chức vụ: Địa chủ.....- Thư ký cuộc họp

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đức Dũng.

- Ông/Bà Nguyễn Thanh Lương..... chức vụ: phản ứng.....

- Ông/Bà chức vụ:

1.3. Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Môi trường Miền Trung.

- Ông Lê Văn An..... chức vụ: Giám đốc.....

1.4. Thành phần dự họp: Đại diện Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã và các đoàn thể cấp xã, các thôn (Có Danh sách chi tiết kèm theo).

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp:

2.1. Ông: Lê Đức Dũng. - Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lâm chủ trì cuộc họp thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự.

2.2. Đại diện chủ dự án trình bày nội dung tham vấn:

- Ông: - Đại diện Chủ Dự án trình bày tóm tắt dự án.

- Đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn của dự án gồm các nội dung: Vị trí thực hiện dự án đầu tư, tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án, UBND xã Vĩnh Lâm về các nội dung tham vấn.

..... Ông Lê Văn An..... CT. UBMTTQVN xã nhất trí Cao về việc
..... chi tiết như thực hiện dự án.....

Trong quá trình thi công để nghị chủ dự án đảm bảo về thời hạn
tạo điều kiện đến sân xuất học của bố con luôn đều đặn, luôn kể
đảm bảo vấn đề về giao thông, thay lời chào động của bố con
sân xuất.

- Ông Lê Đức Long - CT HĐQT các nhất trí về và thi thực
hiện dự án.

Trong quá trình vẫn hoạt động chốt tài mục về và vi như trên
đảm bảo công tác về môi trường xung quanh khu vực công
xây về vấn đề môi trường.

- Ông Nguyễn Hải Tiến - CT HĐQT HTX Tiên Mỹ đồng trí
về và thi thực hiện.

Trong quá trình thi công mặt bằng đất việc đất đá lớn sẽ
hướng đến hệ thống kênh mương và đường của bố con.

- Ông Nguyễn Anh Tuấn - CT HĐQT CCB các nhất trí về và
thi thực hiện dự án.

Cam kết với chủ quyền các về quá trình thi công mặt bằng
hệ thống đường, xây dựng việc sân xuất học của bố con thi
phải có biện pháp xử lý và bồi thường thiệt hại về sân xuất
đất.

- Ông Trần Hữu Bình - Bí thư CB Tiên Mỹ 1 nhất trí về
và thi thực hiện dự án.

- Ông Lê Đức Dũng - CT UBND xã để nghị chủ dự án chú
đảm bảo thi thực hiện đất đai của sân xuất về vấn đề tạo điều
đến sân xuất của bố con luôn đều đặn.

2.4. Đại diện chủ dự án tiếp thu, giải trình rõ các ý kiến của cộng đồng:

- Về vấn đề cải hướng đến hệ thống xử lý: Xây dựng công trình cải hướng 3 m. Công kết không cải hướng đến việc xử lý trên cầu Bà Cơn.

- Xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông ở phía Cầu Công Trình

- Bên Công kết được trải thảm sỏi về công yếu tố cải hướng đến quá trình xử lý nước thải khi Cầu Bà Cơn hoàn thành.

- Đơn vị chỉ đạo các công kết không làm cải hướng đến việc giao thông chi lưu và xử lý nước thải Cầu Bà Cơn.

3. Người chủ trì cuộc họp tổng hợp nội dung cuộc họp, kiến nghị của cộng đồng dân cư và tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc lúc 16 h cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ VINH LÂM


(Ký, ghi họ tên)


CHỦ TỊCH

Lê Đức Dũng

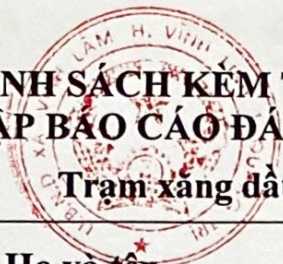
ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

(Ký, ghi họ tên)

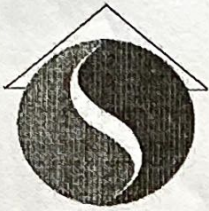

Nguyễn Thái Lợi

DANH SÁCH KÈM THEO BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG LẬP BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN:

Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5.



TT	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị/ Nghề nghiệp	Chữ ký
1	Cao Xuân Linh	Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Lâm	
2	Lê Đức Dũng	Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lâm	
3	Lê Văn Học	Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lâm	
4	Lê Đức Long	Chủ tịch Hội ND xã Vĩnh Lâm	
5	Nguyễn Thị Hương Loan	Chủ tịch PTN xã Vĩnh Lâm	
6	Nguyễn Anh Cường	Chủ tịch HCCB xã Vĩnh Lâm	
7	Nguyễn Văn Phong	Phó CT UBND xã Vĩnh Lâm	
8	Cao Văn Cường	Đoàn trưởng xã Vĩnh Lâm	
9	Lê Hải Dương	Bí thư chi bộ thôn Tiên Mỹ 2	
10	Trần Hải Bình	Bí thư chi bộ thôn Tiên Mỹ 1	
11	Nguyễn Thị Xuân	Trưởng thôn Tiên Mỹ 2	
12	Nguyễn Thị Diên	Trưởng thôn Tiên Mỹ 1	
13	Nguyễn Hải Tiến	Chủ tịch HĐQT HTX Tiên Mỹ	
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			
21			
22			
23			
24			
25			
26			



TN & MT

**CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **K1073- BH 228623**

- Tên khách hàng: Công ty CP phát triển công nghệ môi trường Miền Trung
- Địa chỉ: Số 17 Lê Đại Hành, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
- Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp.
- Ngày nhận mẫu: 16/6/2023
- Ngày phân tích: 17/6/2023 ÷ 23/6/2023
- Loại mẫu: Không khí + tiếng ồn Số lượng mẫu: 02
- Ký hiệu mẫu: **KK1, KK2**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 05
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ*	°C	QCVN46:2012/BTNMT	37,7	36,5	-
2.	Độ ẩm*	%	QCVN46:2012/BTNMT	53,5	52,1	-
3.	Tốc độ gió*	m/s	QCVN46:2012/BTNMT	0,4	0,6	-
4.	Bụi TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	178,5	209,4	300
5.	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	66,5	63,2	350
6.	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	60,0	58,8	200
7.	CO	µg/m ³	PTK.04:2020	2710	2724	30.000
8.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,0	62,1	70 ^(A)

Ghi chú: "-": Không quy định trong Quy chuẩn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5:

+KK1: Điểm nằm trên trung tâm khu vực dự án. Tọa độ: X (m)= 1.881.231; Y(m)= 582.679.

+KK2: Điểm nằm trên Quốc lộ 1A, tại ngã tư giao nhau với tuyến đường liên thôn phía Nam dự án.

Tọa độ: X (m)= 1.881.049; Y(m)= 582.623.

- QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. (Trung bình 1 giờ).

- (A): QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng với khu vực thông thường từ 6-21h.

QA/QC

KS: Nguyễn Thị Nhâm

Trưởng PTN

THS: Trần Thị Thu Hằng

Ngày 20 tháng 6 năm 2023



Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) Kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp.
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diên, phường Phúc Diên, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2527-26/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng
Địa chỉ : Ngõ 60 Vũ Trọng Phụng, phường Bắc Lý, TP. Đông Hới, T. Quảng Bình.
Địa điểm lấy mẫu : Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5
Vị trí lấy mẫu : + NN: Nước giếng khoan tại hộ ông Trần Vũ Dũng, thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn nằm cách khu vực dự án khoảng 400m về phía Đông. Toạ độ: X: 1.881.180; Y: 583.105
Mã hóa mẫu : 16062023-016
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước dưới đất Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu : 16/06/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 26/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09-MT:2015/BTNMT
				NN	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,35	5,5-8,5
2.	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	TCVN 6224:1996	189,5	500
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SOP.QT.TDS	305	1500
4.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,3	15
5.	Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,16	1
6.	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	mg/l	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	61,12	400
7.	Sắt tổng (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,31	5
8.	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH	3
9.	E. Coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH	KPH

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp
+ KPH: Không phát hiện

Quy chuẩn so sánh: + QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

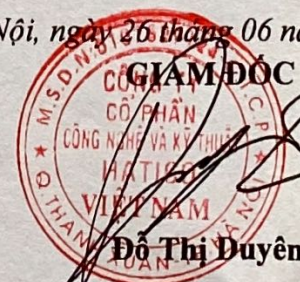
CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023



Đỗ Thị Duyên

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 2 đường Đức Diên, Phường Phúc Diên, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2526-26/06/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị gửi mẫu : Công ty TNHH TN và MT Minh Hoàng
Địa chỉ : Ngõ 60 Vũ Trọng Phụng, phường Bắc Lý, TP. Đống Hới, T. Quảng Bình.
Địa điểm lấy mẫu : Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 5
Vị trí lấy mẫu : + NM1: Nước mặt tại mương nước phía Nam khu vực dự án. Toạ độ: X: 1.881.040; Y: 582.635
Mã hóa mẫu : + NM2: Nước mặt tại mương nước phía Đông khu vực dự án. Toạ độ: X: 1.881.071; Y: 582.697
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước mặt
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Ngày nhận mẫu : 16/06/2023

Ngày hoàn thành thử nghiệm: 26/06/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm					
				NM1	NM2	A1	A2	B1	B2
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,23	7,26	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
2.	COD	mg/l	SMENW 5220C:2017	22,4	23,7	10	15	30	50
3.	DO	mg/l	TCVN 7325:2004	4,56	4,62	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	11,5	12	4	6	15	25
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	26	27	20	30	50	100
6.	Photphat (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,12	0,14	0,1	0,2	0,3	0,5
7.	Nitrat (tính theo N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,66	1,03	2	5	10	15

- (-) Không quy định
- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

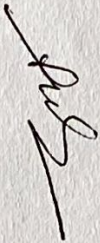
TT	Chi tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm					
				NM1	NM2	A1	A2	B1	B2
8.	Amoni (tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F.2017	0,35	0,27	0,3	0,3	0,9	0,9
9.	Tổng dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2017	0,4	0,5	0,3	0,5	1	1
10.	Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	2.100	2.600	2500	5000	7500	10000

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.


- A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A₂, B₁ và B₂.
- A₂ - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂.
- B₁ - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂.
- B₂ - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

CÁN BỘ QA/QC



Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM



ThS. Nguyễn Văn Hòa



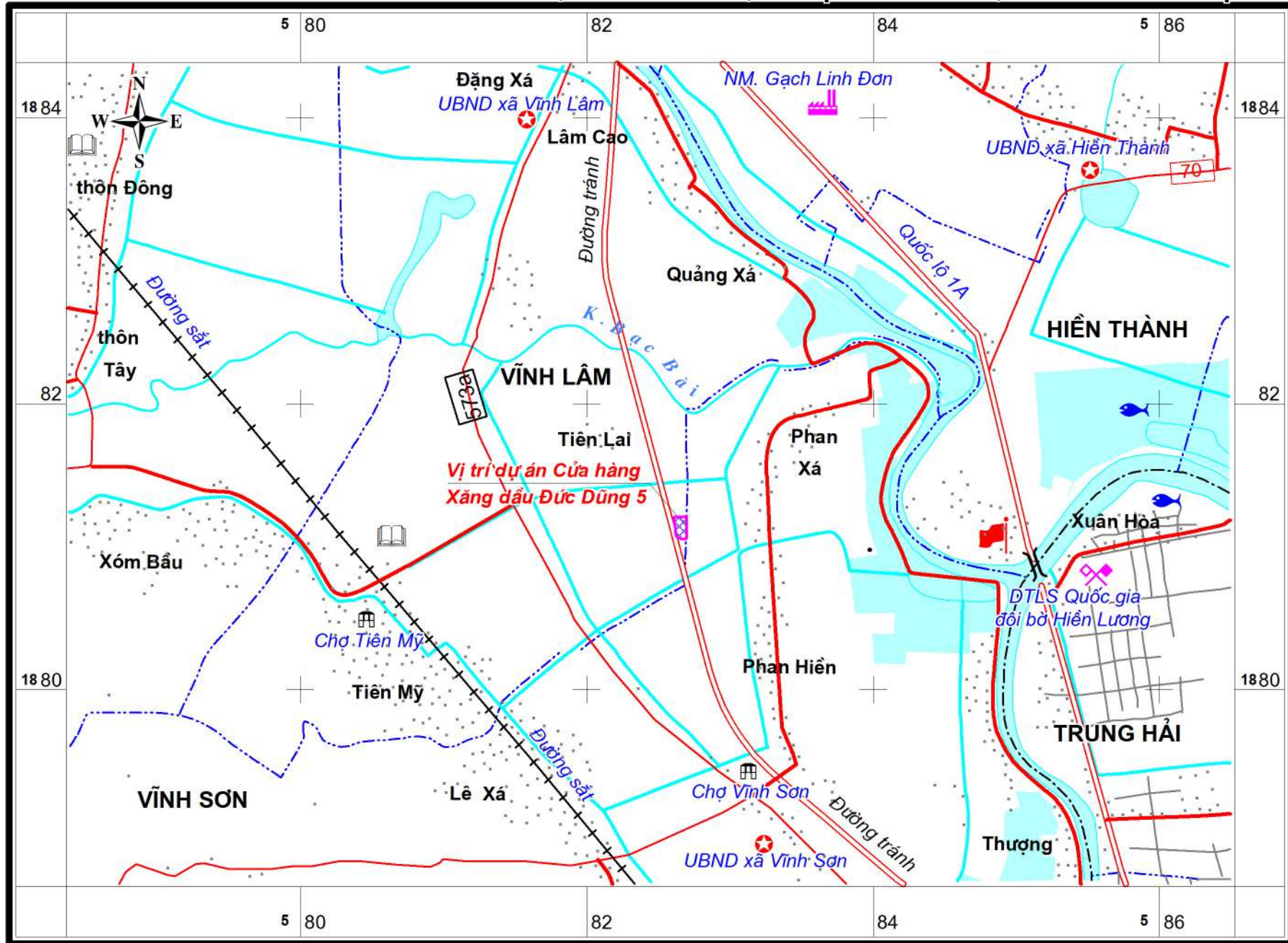
Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ DỰ ÁN

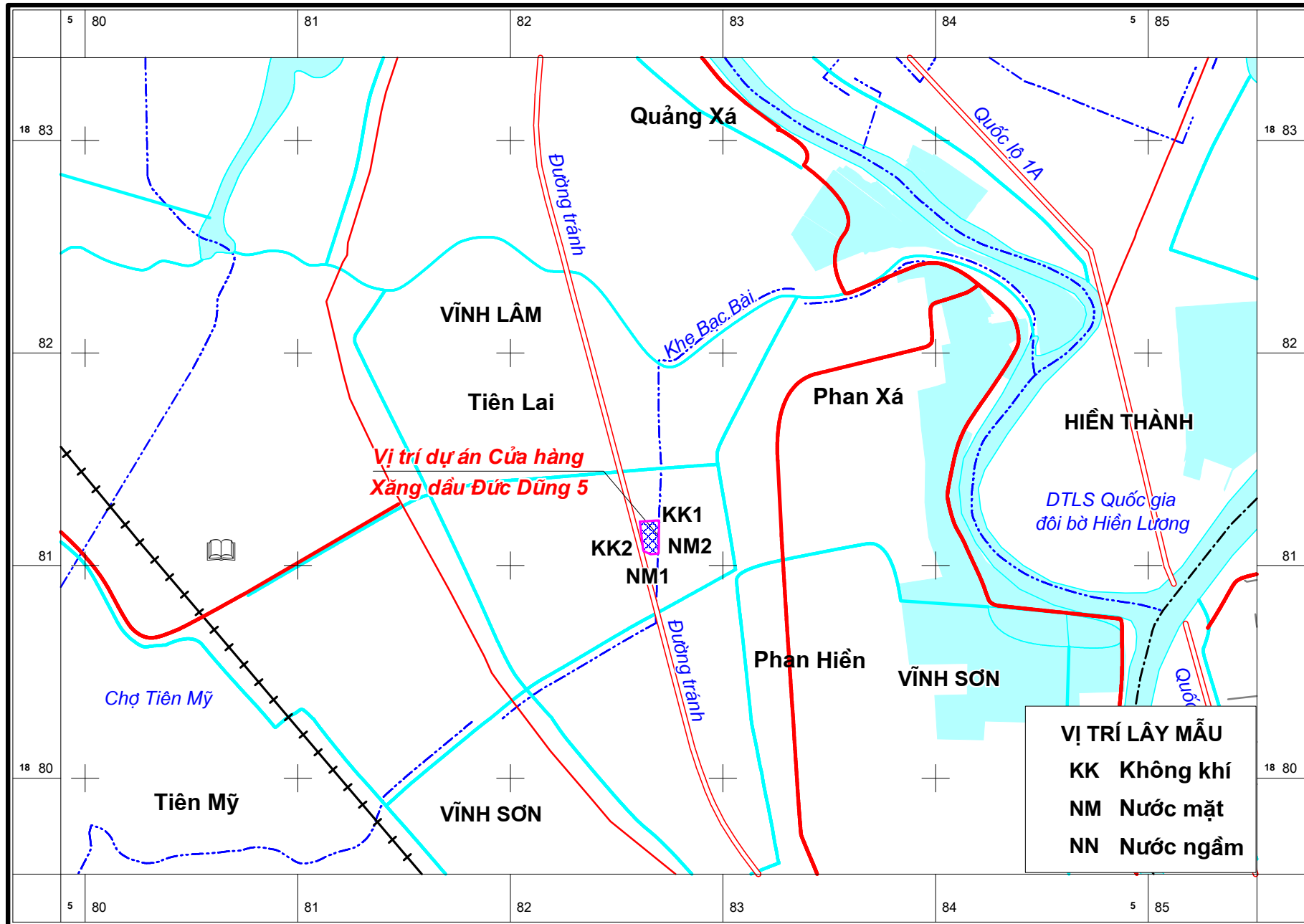
CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỨC DŨNG 5, XÃ VĨNH LÂM, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ



TỶ LỆ 1:50.000

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU

CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỨC DŨNG 5, XÃ VĨNH LÂM, HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ



TỶ LỆ 1:25.000

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG**

CÔNG TRÌNH

**TRẠM XĂNG DẦU VÀ DỊCH VỤ
TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG 5**

ĐỊA ĐIỂM XD:

**QL1, XÃ VĨNH LÂM, HUYỆN VĨNH LNH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TIỀM LONG QUẢNG TRỊ**

GIÁM ĐỐC

KS. NGUYỄN TRƯỜNG THỊ

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN QUỐC DŨNG

THIẾT KẾ - THỂ HIỆN

KS. NGUYỄN VĂN TÙNG

QLKT - KIỂM

KS. NGUYỄN MINH VŨ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG

GHI CHÚ

- ①
- ②
- ③
- ④

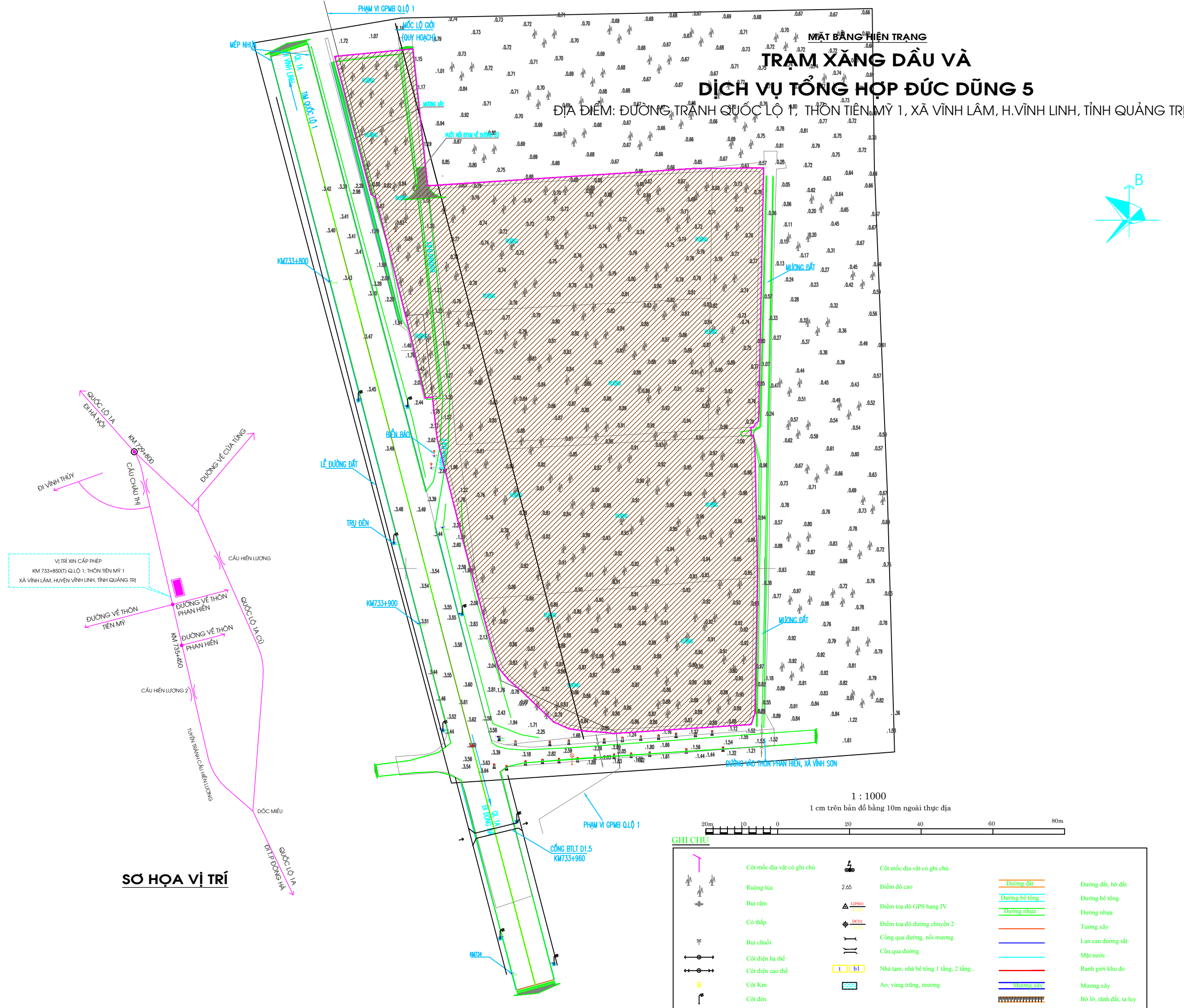
HỒ SƠ THIẾT KẾ

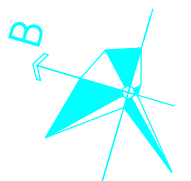
HOÀN THÀNH

2023

SỐ BẢN VẼ

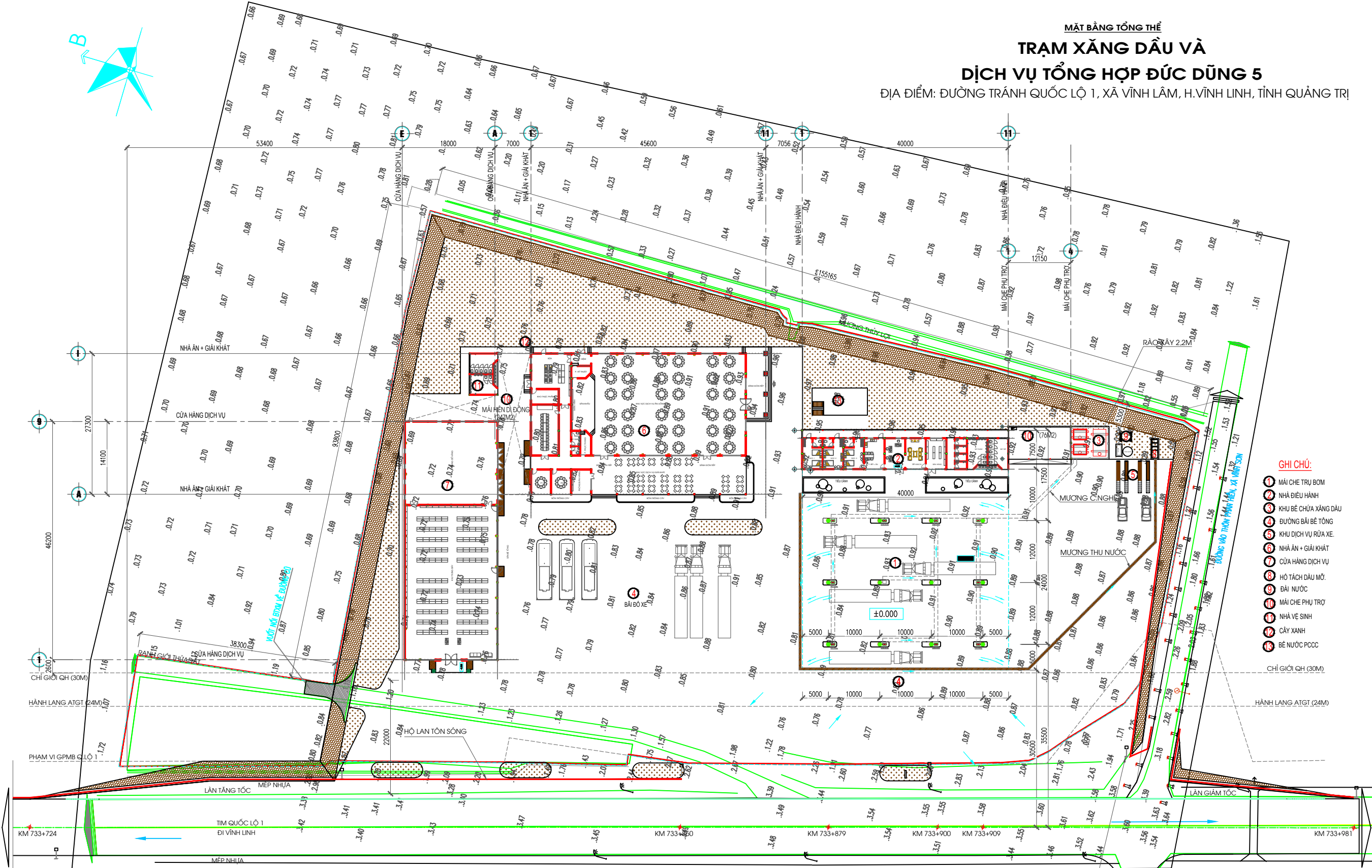
HT: 01





MẶT BẰNG TỔNG THỂ
**TRẠM XĂNG DẦU VÀ
 DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG 5**

ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG TRÁNH QUỐC LỘ 1, XÃ VINH LÂM, H. VINH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ



- GHI CHÚ:**
- 1 Mái che trụ bơm
 - 2 Nhà điều hành
 - 3 Khu bể chứa xăng dầu
 - 4 Đường bãi bê tông
 - 5 Khu dịch vụ rửa xe
 - 6 Nhà ăn + Giải khát
 - 7 Cửa hàng dịch vụ
 - 8 Hồ tách dầu mỡ
 - 9 Đái nước
 - 10 Mái che phụ trợ
 - 11 Nhà vệ sinh
 - 12 Cây xanh
 - 13 Bể nước PCCC
- CHỈ GIỚI GH (30M)
- HÀNH LANG ATGT (24M)

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT THEO CHỈ GIỚI QUY HOẠCH 30,5M

STT	Khu bán hàng	Diện tích(m ²)	Cơ Cấu(%)
1	Mái che trụ bơm	1.700,0	15,7
2	Nhà điều hành	450,0	4,2
3	Cửa hàng dịch vụ	1.200,0	11,1
4	Nhà ăn + Giải khát	1.400,0	13,0
5	Khu bể chứa xăng dầu	100,0	0,9
6	Mái che phụ trợ	323,0	3,0
7	Nhà vệ sinh	56,0	0,5
8	Đường và sân bãi bê tông	1.533,0	14,2
9	Cây xanh + dự trữ P.T	3.260,0	30,2
10	Kè, Tường rào + hạ tầng kt	785,0	7,3
11	Tổng	10.807,0	100,0
Diện tích ngoài chỉ giới ATGT			
1	Đường và sân bãi bê tông	3.401,0	

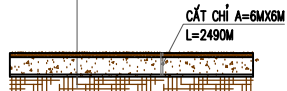
BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT THEO HÀNH LANG ATGT 26M

STT	Khu bán hàng	Diện tích(m ²)	Cơ Cấu(%)
1	Mái che trụ bơm	1.700,0	13,3
2	Nhà điều hành	450,0	3,5
3	Cửa hàng dịch vụ	1.200,0	9,4
4	Nhà ăn + Giải khát	1.400,0	10,9
5	Khu bể chứa xăng dầu	100,0	0,8
6	Mái che phụ trợ	323,0	2,5
7	Nhà vệ sinh	56,0	0,4
8	Đường và sân bãi bê tông	3.539,0	27,6
9	Cây xanh + dự trữ P.T	3.260,0	25,4
10	Kè, Tường rào + hạ tầng kt	785,0	6,1
11	Tổng	12.813,0	100,0
Diện tích ngoài chỉ giới ATGT			
1	Đường và sân bãi bê tông	1.395,0	

GHI CHÚ:

- NỀN KHUÔN VÊN CÔNG TRÌNH HOÀN THIỆN TƯỢNG ĐƯỜNG MẶT ĐƯỜNG NHỰA, ĐỐC 1-2% VỀ PHÍA SAU.
- SAN NỀN VÀ BẠT TÀ LUY LỬ VÀO TRONG CHỈ GIỚI VÀ MƯỜNG NƯỚC ĐÁ CÓ.
- TOÀN BỘ KHU VỰC BẾ CHỮA, BÁN HÀNG ĐƯỢC NGĂN VỚI KHU VỰC BÊN NGOÀI BẰNG TƯỜNG RÀO & MƯỜNG THU NƯỚC MẶT ĐỂ THU VỀ BẾ XỬ LÝ.
- DI CHUYỂN HỆ THỐNG ĐIỆN, BIẾN BẢO, HỘ LAN... VÀO SÁT VỚI HỀ ĐƯỜNG.

- 1 BÊ TÔNG ĐÁ 20x40, DÀY 200, # 300
- 2 BẠT NILON LÓT ĐÓ BÊ TÔNG MÀU ĐEN (PE-0,13MM)
- 3 ĐẤT TỰ NHIÊN SAU KHI SAN PHẴNG.



CHI TIẾT ĐƯỜNG, SÂN BÊ TÔNG : 3.539 + 1.395 = 4.934.0M²
 (DIỆN TÍCH: VÍA HỀ ĐẦU NỐI + ĐƯỜNG SAN NỘI BỘ + SAN DƯỚI MÁI CHE)

CHỦ ĐẦU TƯ
**CÔNG TY TNHH
 THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
 TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG**

CÔNG TRÌNH
**TRẠM XĂNG DẦU VÀ DỊCH VỤ
 TỔNG HỢP ĐỨC DŨNG 5**

ĐỊA ĐIỂM XD:
**QL1, XÃ VINH LÂM, HUYỆN VINH LINH
 TỈNH QUẢNG TRỊ**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
**CÔNG TY CỔ PHẦN
 TIỀM LONG QUẢNG TRỊ**

GIÁM ĐỐC

 KS. NGUYỄN TRƯỜNG THI

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC	
KTS. NGUYỄN QUỐC DŨNG	
THIẾT KẾ - THỂ HIỆN	
KS. NGUYỄN VĂN TÙNG	
QLKT - KIỂM	
KS. NGUYỄN MINH VŨ	

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

GHI CHÚ

①	
②	
③	
④	
HỒ SƠ THIẾT KẾ	
HOÀN THÀNH	SỐ BẢN VẼ
2023	TT: 01

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU VỰC DỰ ÁN

Quốc lộ 1A



Đường vào thôn Phan Hiền, Vĩnh Sơn



Mặt bằng Dự án và các tuyến kênh mương thủy lợi



Tham vấn cộng đồng xã Vĩnh Lâm

